CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
****

ĐỀ ÁN

PHÁT TRIỂN DU LỊCH LÀNG ĐẠI BÌNH, HUYỆN NÔNG SƠN, TỈNH QUẢNG NAM GIAI ĐOẠN 2020 – 2025, TẦM NHÌN ĐẾN 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG SƠN

Nông Sơn, Tháng 8 năm 2021

MỤC LỤC

MỤC LỤC…… *2*
MỞ ĐẦU *5*
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU *8*
1. Cơ sở pháp lý *8*
2. Giới thiệu phương pháp nghiên cứu thu thập thông tin, phân tích dữ liệu, đưa ra giải pháp: Programming. *9*
3. Giải thích các thuật ngữ liên quan. *10*
4. Các điều kiện công nhận khu, điểm du lịch. *11*
5. Các quan điểm và nguyên tắc quy hoạch phát triển du lịch. *11*
6. Kinh nghiệm thực hiện quy hoạch du lịch trên thế giới và Việt Nam. *11*
CHƯƠNG 2: ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ VÀ VĂN HÓA *14*
1.1. Vị trí địa lý, lãnh thổ và tổ chức hành chính huyện Nông Sơn *14*
1.2. Thiên nhiên huyện Nông Sơn *16*
1.3. Đặc điểm dân cư huyện Nông Sơn *17*
1.4. Tình hình hoạt động kinh tế huyện Nông Sơn *17*
1.5. Đánh giá chung về cơ hội phát triển du lịch Nông Sơn *17*
2. Điều kiện tự nhiên, kinh tế và văn hóa làng đại bình *18*
2.1. Vị trí và đặc điểm điều kiện tự nhiên: *18*
2.2. Hiện trạng Kinh tế-xã hội *18*
2.3. Đánh giá hiện trạng cấu trúc làng *22*
CHƯƠNG 3: DU LỊCH ĐẠI BÌNH TRONG CHUỖI GIÁ TRỊ DU LỊCH NÔNG SƠN VÀ QUẢNG NAM *28*
1. Khái quát hoạt động du lịch làng Đại Bình từ khi thành lập đến nay *28*
2. Thực trạng du lịch làng Đại Bình *28*
2.1. Ưu thế của làng Đại Bình *28*
2.2. Thực trạng du lịch *29*
2.3. Cơ hội và thách thức *30*
3. Làng Đại Bình trong chuỗi giá trị du lịch huyện Nông Sơn *31*
3.1. Tổng quan hoạt động du lịch thế giới và trong nước. *31*
3.2. Hoạt động du lịch của Quảng Nam và khu vực miền Trung. *32*
3.3. Khái quát về hoạt động du lịch huyện Nông Sơn. *33*

3.4. Liên hệ giữa làng Đại Bình với hoạt động du lịch huyện Nông Sơn. 34
3.5. Liên hệ giữa làng Đại Bình với hoạt động du lịch của các huyện khác trong tỉnh Quảng Nam. 35
CHƯƠNG 4: NHẬN ĐỊNH CÁC NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN DU LỊCH LÀNG ĐẠI BÌNH 37
1. Vị trí địa lý 37
1.1. Nhận định về vị trí địa lý làng Đại Bình 37
1.2. Tài nguyên thiên nhiên 38
1.3. Thuận lợi, khó khăn của tài nguyên thiên nhiên làng Đại Bình với du lịch 40
2. Ẩm thực 40
2.1. Ẩm thực làng Đại Bình 40
2.2. Cơ hội và thách thức 42
3. Nghề truyền thống 42
3.1. Hiện trạng nghề truyền thống trong làng 43
3.2. Cơ hội và thách thức 46
4. Hệ sinh thài tự nhiên 46
4.1. Các nhóm tài nguyên thực vật 47
4.2. Bảng kết quả phân tích dinh dưỡng cây Rau sen 54
4.3. Tình hình khai thác, sử dụng tài nguyên thực vật 59
5. Kết luận về sinh thái tự nhiên 60
6. Kết luận về nông nghiệp 62
7. Đề xuất hướng phát triển 62
CHƯƠNG 5: ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH LÀ ĐẠI BÌNH, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN: 69
1. Sứ mệnh phát triển du lịch làng Đại Bình. 69
2. Định hướng phát triển du lịch làng Đại Bình giai đoạn 2021 – 2025 và tầm nhìn đến 2030. 69
2.1. Định hướng phát triển loại hình và sản phẩm du lịch giai đoạn 2021 – 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 69
2.2. Định hướng đầu tư phát triển du lịch ở làng Đại Bình giai đoạn 2021 – 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 71
2.3. Định hướng khai thác và bảo vệ tài nguyên du lịch 72
2.4. Định hướng phát triển du lịch làng Đại Bình giai đoạn 2021 - 2025. 73
2.5. Định hướng mục tiêu theo từng giai đoạn 75
CHƯƠNG 6: TỔ CHỨC THỰC HIỆN…… ……81

CHƯƠNG 7: KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT ……84
KẾT LUẬN: ……85
PHỤ LỤC 1: MỘT SỐ TOUR DU LỊCH ……87
PHỤ LỤC 2 100
PHỤ LỤC 3 111
PHỤ LỤC 4 111

LỜI NÓI ĐẦU

1. Tính cấp thiết

Du lịch đã trở thành ngành kinh tế mũi nhọn đối với nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ đặc biệt có tài nguyên du lịch phong phú, đa dạng, đặc trưng, được đánh giá cao... Thủ tướng chính phủ cũng đã ban hành quyết định 147/QĐ-TTg 2020 về chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030, quyết tâm biến ngành du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn của nước ta.

Ở nước ta, du lịch đang phát triển với tốc độ rất nhanh. Từ năm 2015 đến năm 2019 khách du lịch quốc tế tăng từ 8 triệu lên 18 triệu và doanh thu tăng hơn 2 lần. Du lịch được xem là ngành kinh tế quan trọng giúp phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, cải thiện đời sống nhân dân, giảm khoảng cách nông thôn với đô thị. Đồng thời việc phát triển du lịch cũng là bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa của làng Đại Bình nói riêng và Việt Nam nói chung. Mặt khác phát triển du lịch cũng tạo nên mối quan hệ giữa các nước trên thế giới, phù hợp với xu thế toàn cầu hóa hiện nay.

Đại Bình còn có tên Nôm là Đại Bường. Theo các bậc cao niên, đây là tên làng cũ có cùng thời với những làng cũ nhất của Quảng Nam kể từ năm 1602 sau khi Chúa Nguyễn Hoàng thiết lập dinh trấn Quảng Nam và phân định hệ thống làng xã, phủ huyện. Làng Đại Bình ngày nay thuộc xã Quế Trung, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Làng nằm ở vị trí tuyệt đẹp, lưng tựa vào núi, mặt hướng ra đầu nguồn dòng Thu Bồn. Đây được cho là một trong những làng cổ đẹp vào bậc nhất ở miền sơn cước của đất Quảng. Trong những năm chiến tranh chống Mỹ, ngôi làng này không hề bị đạn bom tàn phá. Con em làng Đại Bình tham gia kháng chiến ở khắp các chiến trường trở về đều lành lặn. Trong nhịp sống hiện đại ngày nay, Đại Bình vẫn giữ nguyên được những giá trị truyền thống, trai làng không nhậu nhẹt say sưa, tình làng nghĩa xóm "tối lửa tắt đèn có nhau", không hề có chuyện trộm cắp, gây gổ đánh nhau.

Hiện nay, làng Đại Bình đang sở hữu nhiều tài nguyên có giá trị du lịch nếu được quy hoạch đầu tư phát triển tốt sẽ góp phần thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển trong thời gian tới. Làng nằm tại khu vực có thể kết nối với các điểm du lịch khác của huyện Nông Sơn Hòn Kẽm - Đá Dừng, Lăng Bà Thu Bồn, suối nước nóng Tây Viên, hệ thống sông Thu Bồn, khu bảo tồn voi, làng trầm hương Trung Phước, đặc sản gà đồi (Đèo Le). Làng cũng có nhiều tài nguyên về văn hóa, xã hội như: Các món ăn thôn quê đặc trưng, làng trái cây trù phú, nền nông nghiệp chưa bị ảnh hưởng

nhiều của hóa chất,… Tuy nhiên, du lịch làng Đại Bình vẫn còn mang tính tự phát là chủ yếu, thiếu tính chuyên nghiệp, khách du lịch chỉ đến nhiều vào mùa trái cây chín, các nguồn tài nguyên chưa được khai thác một cách hợp ý,…

Tiềm năng du lịch và vị trí của làng Đại Bình là cơ sở để vùng đất này trở thành đầu mối kết nối các điểm du lịch của huyện Nông Sơn với nhau và kết nối du lịch huyện Nông Sơn với Hội An, Tam Kỳ, Đà Nẵng và cả nước. Sự phát triển du lịch góp phần đáp ứng nhu cầu nghỉ ngơi của khách du lịch trong và ngoài tỉnh, qua đó giúp nâng cao đời sống nhân dân, tạo công ăn việc làm cho người dân trên địa bàn làng Đại Bình. Tuy nhiên, hiện nay tình trạng du lịch tự phát, chưa có tổ chức, kiểm soát dẫn đến việc nhiều người dân làm du lịch tự phát, chỉ nhìn thấy lợi trước mắt (mang trái cây bên ngoài vào làng và bán với thương hiệu làng Đại Bình). Những việc này nếu không được quản lý sẽ dẫn đến việc khách du lịch không đến làng Đại Bình du lịch nữa, gây tổn hại về kinh tế của làng Đại Bình, huyện Nông Sơn và tỉnh Quảng Nam.

Bên cạnh đó, theo khảo sát sơ bộ thì trong làng Đại Bình hiện tại có hai độ tuổi chính là trên 40 tuổi và dưới 18 tuổi. Lực lượng người dân trong độ tuổi lao động đã ly hương, làm thuê tại những thành phố lớn vì không biết phải làm gì tại quê nhà. Nếu điều này tiếp tục diễn ra thì trong tương lai sẽ còn rất ít người còn ở lại làng, làng bị giảm dân số thực, làm xói mòn văn hóa và nghiêm trọng hơn là làng Đại Bình có thể mất đi như làng Mộc Kim Bồng (hiện tại làng Mộc Kim Bồng không còn khách du lịch ghé thăm vì đã mất nghề truyền thống).

Do vậy, phát triển du lịch làng Đại Bình là xây dựng cơ sở khoa học và thực tiễn để có kế hoạch đầu tư khai thác tài nguyên hợp lý, bước đầu phát triển ngành du lịch góp phần thúc đẩy kinh tế của làng phát triển trong những năm tới, đồng thời hạn chế được tình trạng du lịch tự phát trên địa bàn làng Đại Bình, gây lãng phí tài nguyên du lịch thiên nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn.

2. Mục đích Đề án

- Khai thác lợi thế, tiềm năng tài nguyên du lịch địa phương để tạo ra sản phẩm du lịch, đa dạng hóa các loại dịch vụ, góp phần thu hút du khách đến tham quan vui chơi, giải trí và thưởng thức văn hóa ẩm thực tại làng Đại Bình. Khai thác du lịch kết hợp với bảo tồn di sản, nhà cổ, vật dụng xưa, tạo một không gian riêng của làng Đại Bình.
- Tạo điều kiện cho người dân địa phương tham gia làm du lịch để cải thiện đời sống, góp phần nâng cao thu nhập, phát triển kinh tế - xã hội ở đại phương.
- Đưa các hoạt động tham quan du lịch tại Đại Bình vào quản lý nề nếp, phân

công trách nhiệm cụ thể cho từng ngành, đơn vị, địa phương để bản đảm công tác quản lý địa bàn, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho du khách, vệ sinh môi trường…

3. Yêu cầu

- Phân tích, đánh giá đúng thực trạng tiềm năng du lịch, điều kiện phát triển du lịch sinh thái Đại Bình.
- Đề xuất các định hướng phát triển, giải pháp quản lý giải pháp đầu tư cơ sở vật chất , hạ tầng kĩ thuật, hình thành các sản phẩm du lịch.
- Các giải pháp phát triển du lịch làng Đại Bình phải phù hợp với các chủ trương của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế xã hội của Trung ương, Tỉnh Quảng Nam và huyện Nông Sơn, mang tính khả thi, huy động nguồn lực của Nhà nước, của doanh nghiệp, Nhà đầu tư ..
- Phát huy tối đa vai trò chủ thể của người dân trong việc chủ động tiếp cận, mạnh dạng tham gia và đầu tư làm du lịch.

CHƯƠNG 1:
CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU ĐỀ ÁN DU LỊCH

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Du lịch số 09/2017/QH14, ngày 19/6/2017;
- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
- Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;
- Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;
- Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;
- Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch;
- Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 26 tháng 01 năm 2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn;
- Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Bộ Chính trị khóa XII về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn;
- Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030;
- Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 17 tháng 8 năm 2016 của Tỉnh ủy Quảng Nam về phát triển kinh tế - xã hội miền núi gắn với định hướng thực hiện một số dự án lớn tại vùng Tây tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025;
- Quyết định số 3941/QĐ-BKHCN ngày 31/12/2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13259:2020 Du lịch cộng đồng - Yêu cầu về chất lượng dịch vụ.
- Quyết định số 1195/QĐ-UBND, ngày 31/3/2016 của UBND tỉnh Quảng Nam về phê duyệt quy hoạch và ban hành quy định quản lý kèm theo Đồ án quy hoạch (tỷ lệ 1/2000) làng du lịch sinh thái Đại Bình, xã Quế Trung, huyện Nông Sơn.

- Quyết định số 1599/QĐ-UBND, ngày 22/5/2018 của UBND tỉnh Quảng Nam về Phê duyệt Đề án Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Quảng Nam, giai đoạn: 2018-2020, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định 364/QĐ-UBND, ngày 31/01/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc triển khai thực hiện Nghị Quyết số 47/2018/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Quảng Nam về quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch tỉnh Quảng Nam đến năm 2025.

- Chương trình số 15-CTr/HU ngày 28/7/2017 của Huyện ủy Nông Sơn về thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 27/12/2016 của Tỉnh ủy về phát triển du lịch Quảng Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2025;

- Nghị Quyết số 23/NQ-HĐND, ngày 24/12/2018 của HĐND huyện Nông Sơn về thông qua Đề án quy hoạch, phát triển du lịch huyện Nông Sơn, đến năm 2025 và tầm nhìn đến 2030.

- Quyết định số 2595/QĐ-UBND, ngày 27/12/2018 của UBND huyện Nông Sơn triển khai thực hiện Nghị Quyết số 23/NQ-HĐND, ngày 24/12/2018 của HĐND huyện Nông Sơn về thông qua Đề án quy hoạch, phát triển du lịch huyện Nông Sơn, đến năm 2025 và tầm nhìn đến 2030.

- Kế hoạch số 49/KH-UBND, ngày 19/3/2020 của UBND huyện Nông Sơn về phát triển du lịch huyện Nông Sơn năm 2020.

2. Giới thiệu phương pháp nghiên cứu thu thập thông tin, phân tích dữ liệu, đưa ra giải pháp: Programming.

Phương pháp nghiên cứu Programming là quá trình nghiên cứu những yếu tố xung quanh chủ thể nghiên cứu nhằm xác định các vấn đề cần giải quyết hoặc xác định phạm vi công việc sẽ được thực hiện.

Khái niệm Programming này không phải là một từ chuyên môn của kiến trúc mà bắt nguồn từ hai ngành: Sinh học và công nghệ thông tin. Nếu hiểu theo ngành sinh học, programming có thể được hiểu là nguyên nhân mà một con người hay con vật hành xử theo cách được định trước. Còn nếu hiểu theo ngành công nghệ thôngtin thì programming là dữ liệu đầu vào của một quá trình tự động triển khai của một phần việc.

Tuy nhiên khái niệm programming trong kiến trúc đề cập ở đây không được hiểu như định nghĩa của các lĩnh vực trên. Programming là một là một báo cáo, tuyên bố về một vấn đề nghiên cứu và các yêu cầu cần được đáp ứng trong việc đưa ra một giải pháp.

Phương pháp nghiên cứu programming về cơ bản là một quá trình nghiên cứu để thu thập, phân tích và ghi lại thông tin liên quan như: Con người; chức năng và

hoạt động; mối quan hệ; chi phí; quy định; địa điểm; khí hậu,… sau đó đưa ra kết luận về những yếu tố này. Dựa vào bản phân tích programming này những chuyên viên nghiên cứu sẽ đưa ra những giải pháp đáp ứng vấn đề cần giải quyết.

3. Giải thích các thuật ngữ liên quan.

Programming: Phương pháp nghiên cứu thu thập thông tin, phân tích dữ liệu, đưa ra giải pháp.

Báo cáo programming: Báo cáo về vấn đề nghiên cứu và các yêu cầu cần được đáp ứng.

Du lịch: Các hoạt động có liên quan đến chuyến đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên trong thời gian không quá 01 năm liên tục nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, nghỉ dưỡng, giải trí, tìm hiểu, khám phá tài nguyên du lịch hoặc kết hợp với mục đích hợp pháp khác.

Khách du lịch: Người đi du lịch hoặc kết hợp đi du lịch, trừ trường hợp đi học, làm việc để nhận thu nhập ở nơi đến.

Hoạt động du lịch: Hhoạt động của khách du lịch, tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch và cơ quan, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan đến du lịch.

Tài nguyên du lịch: Cảnh quan thiên nhiên, yếu tố tự nhiên và các giá trị văn hóa làm cơ sở để hình thành sản phẩm du lịch, khu du lịch, điểm du lịch, nhằm đáp ứng nhu cầu du lịch. Tài nguyên du lịch bao gồm tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch văn hóa.

Sản phẩm du lịch: Tập hợp các dịch vụ trên cơ sở khai thác giá trị tài nguyên du lịch để thỏa mãn nhu cầu của khách du lịch.

Khu du lịch: Khu vực có ưu thế về tài nguyên du lịch, được quy hoạch, đầu tư phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách du lịch. Khu du lịch bao gồm khu du lịch cấp tỉnh và khu du lịch quốc gia.

Điểm du lịch: Nơi có tài nguyên du lịch được đầu tư, khai thác phục vụ khách du lịch.

Chương trình du lịch: Văn bản thể hiện lịch trình, dịch vụ và giá bán được định trước cho chuyến đi của khách du lịch từ điểm xuất phát đến điểm kết thúc chuyến đi.

Phát triển du lịch bền vững: Sự phát triển du lịch đáp ứng đồng thời các yêu cầu về kinh tế - xã hội và môi trường, bảo đảm hài hòa lợi ích của các chủ thể tham gia hoạt động du lịch, không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu về du lịch trong tương lai.

Du lịch cộng đồng: Loại hình du lịch được phát triển trên cơ sở các giá trị văn

hóa của cộng đồng, do cộng đồng dân cư quản lý, tổ chức khai thác và hưởng lợi.

Du lịch sinh thái: Loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên, gắn với bản sắc văn hoá địa phương, có sự tham gia của cộng đồng dân cư, kết hợp giáo dục về bảo vệ môi trường.

4. Các điều kiện công nhận khu, điểm du lịch.

Căn cứ Quyết định số 3941/QĐ-BKHCN ngày 31/12/2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 13259:2020 Du lịch cộng đồng - Yêu cầu về chất lượng dịch vụ UBND tỉnh Quảng Nam vừa ban hành Quyết định 1783/QĐ-UBND Quảng Nam, ngày 03 tháng 7 năm 2020 công nhận điểm du lịch Làng Đại Bình, xã Quế Trung, huyện Nông Sơn.

5. Các quan điểm và nguyên tắc quy hoạch phát triển du lịch.

a. Quan điểm văn hóa

Phải nhận định được rằng, phát triển du lịch phải đi song hành với việc lưu giữ, bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa đặc trưng của làng Đại Bình.

b. Quan điểm kinh tế tuần hoàn tự nhiên

Phát triển du lịch phải tạo hiệu quả kinh tế tối ưu cho hệ thống kinh tế - xã hội, thúc đẩy các ngành nghề khác phát triển.

c. Quan điểm hệ sinh thái bền vững

Phát triển du lịch phải đi song song với việc bảo tồn, giữ vững hệ sinh thái tự nhiên của làng Đại Bình, thúc đẩy phát triển du lịch nông nghiệp bền vững.

d. Quan điểm hệ thống

Xác định hoạt động du lịch là một bộ phận của hệ thống kinh tế - xã hội làng Đại Bình. Quy hoạch phát triển du lịch phải phù hợp với quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội làng Đại Bình. Phương án phát triển du lịch phải sử dụng được các nguồn lực từ các ngành khác và đồng thời tạo điều kiện để phát triển các ngành khác.

e. Quan điểm giáo dục du lịch

Phát triển du lịch phải giáo dục để nâng cao ý thức của khách du lịch và người dân về việc bảo vệ môi trường tự nhiên, gìn giữ văn hóa truyền thống.

6. Kinh nghiệm thực hiện quy hoạch du lịch trên thế giới và Việt Nam.

Trên thế giới

Quy hoạch du lịch đã được nhiều nước trên thế giới nghiên cứu từ rất sớm từ giữa thế kỉ XIX ở các nước Tây Âu có nền công nghiệp, đô thị phát triển. Nhu cầu

du lịch tăng nhanh đã đòi hỏi phải hình thành các khu vực du lịch. Hầu hết các quốc gia như Anh, Pháp, Đức, Italia, Hoa Kỳ... đều tiến hành quy hoạch và xây dựng các khu du lịch nhằm đáp ứng nhu cầu của du khách. Bắt đầu từ thế kỉ XX, vấn đề quy hoạch du lịch đã được quan tâm đặc biệt và đã có rất nhiều nghiên cứu thực tiễn cũng như lý luận.

Các dự án quy hoạch thực tiễn như: Dự án quy hoạch thành phố giải trí ở tỉnh Cean (Pháp), dự án quy hoạch khu du lịch Knokke - Zoute (Bỉ), dự án quy hoạch du lịch ở thành phố Krum (Nga), dự án quy hoạch du lịch mùa đông Megere (Italia)...

Các công trình lý luận quy hoạch du lịch được công bố như: Báo cáo của Ủy ban Bác - Lâu (Anh, năm 1939).

Pháp là nước có nhiều công trình nghiên cứu về quy hoạch du lịch: Báo cáo "Quy hoạch các khu vực nông thôn", "du lịch giải trí" (của Pháp năm 1983 – 1984); "Cơ hội phát triển du lịch" của Văn phòng tổng kiến trúc sư trường về du lịch - Paris, 1975; "Du lịch nông thôn" của Hle. Farcy và Gunn, Burrg (Ph.De), 1976; "Quy hoạch du lịch" của Georges Cazes Robert Lanquar, 1998. Các công trình đều chủ yếu nhằm làm tăng giá trị các khu vực nông thôn, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch cho khu vực nông thôn Pháp.

Các nước XHCN trước đây cũng có nhiều công trình nghiên cứu quy hoạch du lịch: "Nghiên cứu các chỉ tiêu đánh giá, phục vụ mục đích quy hoạch du lịch" - V.X. Tauxcat, 1969; "Đánh giá toàn bộ các yếu tố tự nhiên nhằm mục đích để tổ chức các vùng du lịch nghỉ dưỡng" - lu.A. Adenin và N.N. Mirosnhitrenco;

Nhìn chung các nghiên cứu quy hoạch du lịch đã đưa ra được các quan điểm, đặc trưng và nguyên tắc khai thác tài nguyên du lịch để xây dựng các mô hình du lịch hợp lí. Ngoài ra, chúng ta cũng học được một số bài học kinh nghiệm về những thất bại và thành công trong vấn đề phát triển du lịch.

a. Ở trong nước

Các nghiên cứu quy hoạch du lịch nông thôn ở nước ta đã được các nhà khoa học người Pháp thực hiện khá sớm. Năm 1893, Yersin đã điều tra vùng Đankia Suối Vàng, Đà Lạt. Trong thời kỳ thực dân Pháp đô hộ, Pháp đã tiến hành quy hoạch và xây dựng các khu du lịch ở Đà Lạt, Sa Pa, Tam Đảo, Bạch Mã, Đồ Sơn...

Sau khi đất nước được thống nhất, nước ta thực hiện công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì việc quy hoạch du lịch mới được thực sự quan tâm. Nhiều đề án nghiên cứu du lịch được thực hiện như: "Sơ đồ phát triển và phân bố ngành du lịch Việt Nam giai đoạn 1986 - 2000" - chương trình 70-01, tổng cục du lịch Việt Nam, 1986; "Tổ chức lãnh thổ du lịch Việt Nam" - Viện nghiên cứu phát triển du

lịch, 1991; "Dự án quy hoạch tổng thể du lịch Việt Nam thời kì 1995 – 2010" - Tổng cục du lịch, 1994...

Xét theo quy mô địa phương thì hầu hết các tỉnh ở nước ta đã thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển du lịch theo quy mô tỉnh.

Việc quy hoạch các dự án phát triển du lịch cụ thể đã được triển khai ở nhiều địa phương như: Quy hoạch các khu du lịch biển Nha Trang, Hội An, Mỹ Khê, Bái Tử Long...

b. Ở trong tỉnh Quảng Nam

Hiện nay, Quảng Nam đã triển khai thực hiện một số quy hoạch/đề án phát triển du lịch ở cấp tỉnh và cấp huyện tiêu biểu như: Quy hoạch du lịch và điều chỉnh quy hoạch du lịch Quảng Nam đến 2010, tầm nhìn 2025; quy hoạch du lịch huyện Núi Thành đến 2025, tầm nhìn 2030; quy hoạch du lịch huyện Tiên Phước, Tam Kỳ; đề án phát triển du lịch huyện Phước Sơn, Thăng Bình,...

Các nghiên cứu quy hoạch du lịch trong nước đã bước đầu xây dựng được các định hướng chung cho hoạt động du lịch. Tính hệ thống và các nguyên tắc phát triển du lịch đã được xác lập. Vấn đề khai thác tài nguyên du lịch đã được thực hiện theo quan điểm phát triển bền vững. Tuy nhiên các nghiên cứu quy hoạch du lịch ở nước ta chỉ chủ yếu tập trung vào các khu vực có tiềm năng du lịch tự nhiên hoặc du lịch văn hóa nổi bật, còn những khu vực có tiềm năng du lịch khác vẫn chưa được quan tâm và phát triển đúng mức.

Ngoài ra, những sản phẩm du lịch của tỉnh Quảng Nam cũng đang còn nghèo nàn, chưa được đầu tư, quản lý phát triển đúng cách, dẫn đến việc lãng phí tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên

CHƯƠNG 2:
ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ VÀ VĂN HÓA LÀNG ĐẠI BÌNH

1. Khái quát về huyện Nông Sơn

1.1. Vị trí địa lý, lãnh thổ và tổ chức hành chính huyện Nông Sơn

Huyện Nông Sơn là một huyện miền núi của tỉnh Quảng Nam, được chia tách từ huyện Quế Sơn theo Nghị định số 42/2008/NĐ-CP ngày 08/4/2008 của Chính phủ. Trung tâm hành chính huyện ở xã Quế Trung.

Huyện Nông Sơn có vị trí địa lý:

- Phía đông giáp huyện Quế Sơn
- Phía tây giáp huyện Nam Giang
- Phía nam giáp các huyện Hiệp Đức và Phước Sơn
- Phía bắc giáp các huyện Duy Xuyên và Đại Lộc.

Theo thống kê năm 2019, huyện Nông Sơn có diện tích 455,92 km², dân số là 26.678 người, mật độ dân số đạt 59 người/km².

Địa bàn huyện Nông Sơn trước đây vốn là các xã phía tây của huyện Quế Sơn. Ngày 8 tháng 4 năm 2008, Chính phủ ban hành Nghị định số 42/2008/NĐ-CP. Theo đó, tách 7 xã: Phước Ninh, Quế Lâm, Quế Lộc, Quế Ninh, Quế Phước, Quế Trung, Sơn Viên thuộc huyện Quế Sơn để thành lập huyện Nông Sơn. Ngày 1 tháng 2 năm 2020, sáp nhập xã Quế Ninh và xã Quế Phước thành xã Ninh Phước.

Huyện Nông Sơn có 6 xã trực thuộc: Ninh Phước, Phước Ninh, Quế Lâm, Quế Lộc, Quế Trung (huyện lỵ), Sơn Viên.

385

Bản đồ hành chính Huyện Nông Sơn - Tỉnh Quảng Nam

Administration map of Nông Sơn District - Quảng Nam Province

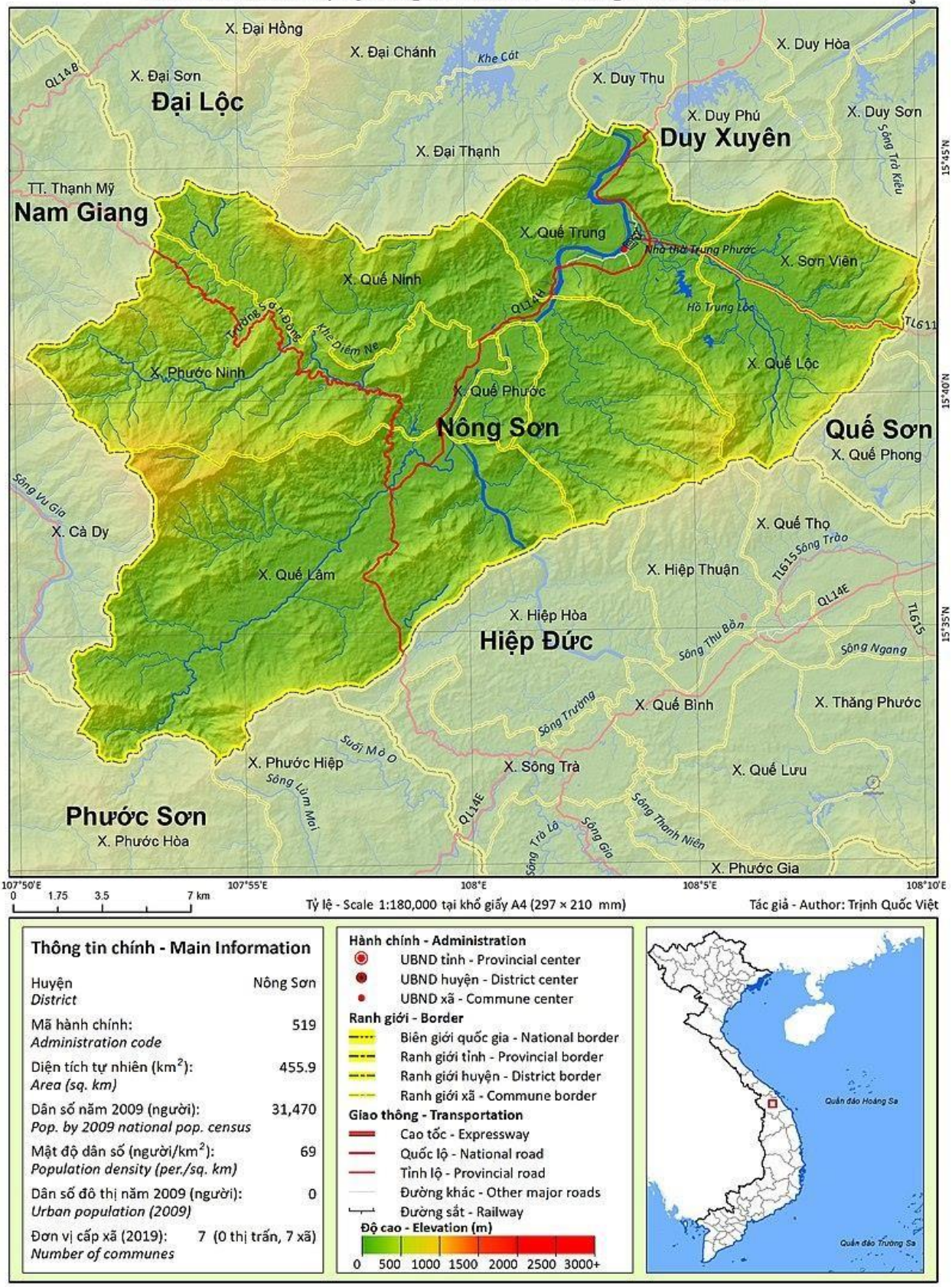

Tỷ lệ - Scale 1:180,000 tại khổ giấy A4 (297 × 210 mm)

Tác giả - Author: Trịnh Quốc Việt

Thông tin chính - Main Information

Huyện *District*	Nông Sơn
Mã hành chính: *Administration code*	519
Diện tích tự nhiên (km^2): *Area (sq. km)*	455.9
Dân số năm 2009 (người): *Pop. by 2009 national pop. census*	31,470
Mật độ dân số (người/km^2): *Population density (per./sq. km)*	69
Dân số đô thị năm 2009 (người): *Urban population (2009)*	0
Đơn vị cấp xã (2019): *Number of communes*	7 (0 thị trấn, 7 xã)

Hành chính - Administration

- UBND tỉnh - Provincial center
- UBND huyện - District center
- UBND xã - Commune center

Ranh giới - Border

- Biên giới quốc gia - National border
- Ranh giới tỉnh - Provincial border
- Ranh giới huyện - District border
- Ranh giới xã - Commune border

Giao thông - Transportation

- Cao tốc - Expressway
- Quốc lộ - National road
- Tỉnh lộ - Provincial road
- Đường khác - Other major roads
- Đường sắt - Railway

Độ cao - Elevation (m)

0 500 1000 1500 2000 2500 3000+

1.2. Thiên nhiên huyện Nông Sơn

Huyện Nông Sơn nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, với những đặc điểm của vùng Nam Trung bộ. Một năm chia làm 2 mùa: Mùa khô và mùa mưa, là vùng có lượng mưa khá lớn.

** Nhiệt độ không khí*

- Mùa khô thường bắt đầu từ tháng 03 đến tháng 08 (dương lịch), mùa mưa thường tập trung từ tháng 10 đến tháng 12 (dương lịch).

- Nhiệt độ trung bình năm: 24 - 26^{o}C

** Độ ẩm*

- Lượng bốc hơi trung bình: 1.160 mm

- Độ ẩm không khí trung bình: 82%

** Lượng mưa*

- Lượng mưa trung bình hàng năm: 2.000-2.200 mm/năm

** Thiên Tai*

- Lũ lụt từ tháng 10 đến tháng 12, làm thiệt hại nhiều tài sản, nhà cửa, địa hình bị chia cắt khó khăn trong việc di dời dân, cứu trợ.

- Tháng 3 đến tháng 5 hay bị mưa đá (hạt lớn khoảng 3x4cm), gió lốc làm thiệt hại nặng nề về lúa, hoa màu và cây trồng khác.

Khu vực quy hoạch chịu ảnh hưởng trực tiếp của thủy văn sông Thu Bồn, hằng năm luôn chịu ảnh hưởng lớn bởi lũ lụt.

Sông Thu Bồn là một hệ thống sông lớn ở Nam Trung Bộ, dốc theo hướng Tây Nam – Đông Bắc. Độ cao bình quân là 552 m. Mật độ sông suối trung bình là 0.47 km/km2 tương ứng với tổng chiều dài toàn bộ sông suối là 4865 km. Dòng chính sông Thu Bồn dài 205 km bắt nguồn từ đỉnh Ngọc Lĩnh ở độ cao 1600 m và chảy ra biển Hội An. Toàn bộ hệ thống sông có 19 phụ lưu các cấp. Độ dốc bình quân lưu vực đạt 25.5%. Lưu vực sông có chiều dài lưu vực lớn gấp hai lần chiều rộng, có dạng hình nan quạt, hệ số uốn khúc khá lớn đạt 1.85. Phần thượng lưu và trung lưu chảy trong vùng núi chủ yếu là granit xuống vùng trũng chủ yếu là sa thạch, cuội kết có xen lẫn diệp thạch và đá vôi. Trong những năm gần đây các cơn lũ xuất hiện với tần suất cao và cường độ lớn trên hệ thống sông Thu Bồn gây thiệt hại nhiều về người và tài sản cho cư dân dọc sông.

1.3. Đặc điểm dân cư huyện Nông Sơn

Theo thống kê năm 2019, huyện Nông Sơn có dân số là 26.678 người, mật độ dân số đạt 59 người/km².

Dân số phân bố không đồng đều, chủ yếu tập trung dọc 2 bờ sông Thu Bồn và một số vùng có địa hình thuận lợi. Đa số người trong độ tuổi lao động đi làm ăn xa.

1.4. Tình hình hoạt động kinh tế huyện Nông Sơn

Thực hiện nhiệm vụ năm 2019 trong điều kiện chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố khách quan, chủ quan những địa phương kịp thời khắc phục những khó khăn, tổ chức triển khai thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội năm 2019. Năm 2019, Nông Sơn có tổng giá trị sản xuất đạt hơn 1.377tỷ đồng, đạt hơn 100,48% kế hoạch, tăng 12,07% so với cùng kỳ. Tổng số tiêu chí NTM đạt được là 105 tiêu chí, bình quân 15 tiêu chí/xã. Tổng giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt hơn 477 tỷ đồng, tăng 12,7% so với cùng kỳ và bằng 100,7 % kế hoạch năm. Giá trị thương mại - dịch vụ là 439,5 tỷ đồng, đạt 100,14% kế hoạch, tăng 14,16% so với cùng kỳ. Thu ngân sách nhà nước được hơn 101 tỷ đồng, đạt 144,23% so với kế hoạch tỉnh giao; Công tác quản lý các hoạt động khai thác tài nguyên, khoáng sản, quản lý, bảo vệ rừng được tăng cường. Công tác thu hồi đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, đất lâm nghiệp được triển khai thực hiện tích cực. Lĩnh vực văn hoá – xã hội tiếp tục được phát triển, đời sống vật chất tinh thần của nhân dân được nâng lên; an ninh – quốc phòng được giữ vững. Công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại của công dân thực hiện theo đúng quy định; cải cách thủ tục hành chính được đẩy mạnh, phòng chống tham nhũng được tăng cường...

Trong năm 2020, toàn huyện có tổng giá trị sản xuất đạt 1.372,62 tỷ đồng, đạt 87,60% kế hoạch, trong đó: Giá trị sản xuất nông - lâm - thủy sản là hơn 250 tỷ đồng, đạt 101,2% kế hoạch, tăng 6,83% so với cùng kỳ. Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng là hơn 706 tỷ đồng, đạt 89,52% kế hoạch, tăng 0,51% so với cùng kỳ. Giá trị thương mại - dịch vụ là hơn 415 tỷ đồng, đạt 78,35% kế hoạch, giảm 5,51% so với cùng kỳ. Tổng sản lượng lương thực cây có hạt là 13.572 tấn, đạt 102,8%KH, tăng 27,3% so với cùng kỳ. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện ước cả năm là gần77 tỷ đồng, đạt 67,5% so với kế hoạch tỉnh giao. Tổng số tiêu chí NTM đạt được của các xã trên địa bàn huyện là 99 tiêu chí, bình quân 16,5 tiêu chí/xã, Sơn Viên đảm bảo đạt chuẩn xã Nông thôn mới đạt 100% kế hoạch. Công tác quản lý các hoạt động khai thác tài nguyên, khoáng sản, quản lý, bảo vệ rừng được tăng cường. Công tác thu hồi đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được triển khai thực hiện tích cực. Lĩnh vực văn hoá – xã hội tiếp tục được phát triển, đời sống vật chất tinh thần của nhân dân được nâng lên; an ninh – quốc phòng được giữ vững.

1.5. Đánh giá chung về cơ hội phát triển du lịch Nông Sơn

Nông Sơn giàu tiềm năng về du lịch với nhiều di tích, thắng cảnh đẹp như khu suối nước nóng Tây Viên, làng cây ăn quả Đại Bình, di tích Dinh Bà Thu Bồn, thủy điện Khe Diên, làng trầm mỹ nghệ, có thắng cảnh Hòn Kẽm Đá Dừng... Dự án suối nước nóng Tây Viên đang được Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng - phát triển quỹ đất huyện Nông Sơn quản lý, xúc tiến, kêu gọi đầu tư phát triển du lịch. Những tiềm năng ấy đang được đánh thức để mở ra hướng phát triển về du lịch.

Với diện tích 457,92 km² và địa hình tự nhiên núi đồi, sông nước vùng phía Tây của tỉnh, huyện có những tiềm năng về tự nhiên, bề dày văn hóa - lịch sử để phát triển du lịch. Tuy nhiên có nhiều yếu tố phụ thuộc, nhất là địa hình xa xôi cách trở và địa bàn huyện luôn chịu thiên tai lũ lụt hoành hành.

2. Điều kiện tự nhiên, kinh tế và văn hóa làng đại bình

2.1. Vị trí và đặc điểm điều kiện tự nhiên:

Đại Bình còn có tên Nôm là Đại Bường. Theo các bậc cao niên, đây là tên làng cũ có cùng thời với những làng cũ nhất của Quảng Nam kể từ năm 1602 sau khi Chúa Nguyễn Hoàng thiết lập dinh trấn Quảng Nam và phân định hệ thống làng xã, phủ huyện. Làng Đại Bình ngày nay thuộc xã Quế Trung, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

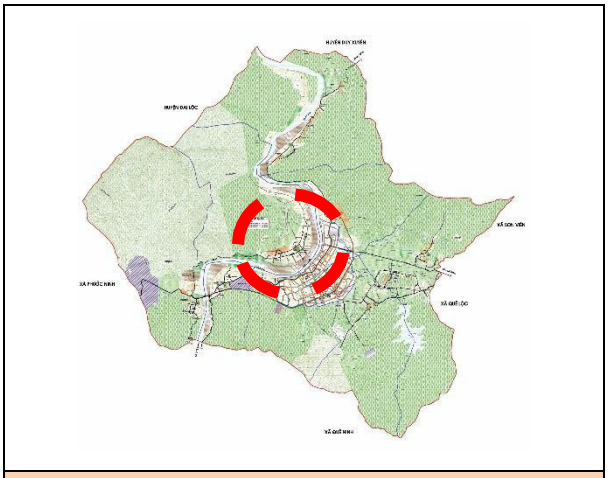

Vị trí làng Đại Bình

Có thể tiếp cận Làng Đại Bình theo đường QL14H, ĐT 611, đường Đông Trường Sơn hoặc bằng đường thủy theo sông Thu Bồn.

Làng nằm ở vị trí tuyệt đẹp, lưng tựa vào núi, mặt hướng ra đầu nguồn dòng Thu Bồn. Đây được cho là một trong những làng cổ đẹp vào bậc nhất ở miền sơn cước của đất Quảng. Trong những năm chiến tranh chống Mỹ, ngôi làng này không hề bị đạn bom tàn phá. Con em làng Đại Bình tham gia kháng chiến ở khắp các chiến trường trở về đều lành lặn. Trong nhịp sống hiện đại ngày nay, Đại Bình vẫn giữ nguyên được những giá trị truyền thống, trai làng không nhậu nhẹt say sưa, tình làng nghĩa xóm "tối lửa tắt đèn có nhau", không hề có chuyện trộm cắp, gây gổ đánh nhau. Mảnh đất này được con sông Thu Bồn bồi đắp phù sa, rất màu mỡ nên trồng được rất nhiều giống cây ăn quả ở miền Nam tạo thành một đảo xanh vườn tược. Rất nhiều loại trái cây Nam Bộ được đem về trồng tại đất này.

2.2. Hiện trạng Kinh tế-xã hội

***Dân cư**

Theo số liệu theo thống kê năm 2019, Đại Bình là một vùng quê hẻo lánh nằm ven sông Thu Bồn phía Tây Bắc xã Quế Trung là một thôn với dân số 345 hộ với 1445 nhân khẩu sống chủ yếu bằng nghề nông. Có diện tích tự nhiên 1400 ha, diện tích canh tác 103 ha, trong đó diện tích cây ăn quả 38 ha.

Nguồn nước sinh hoạt và nước tưới chủ yếu nhờ vào lượng nước mưa hằng năm, một số hộ dân có điều kiện khoan giếng lấy mạch nước ngầm tại chỗ.

Số hộ đạt tiêu chuẩn GĐVH 307 hộ/328 hộ đăng ký.

Số hộ dùng nước sạch 67 hộ, số hộ có hố xí hợp vệ sinh 330 hộ.

Nhà ở	*Đường dân sinh*

***Lao động**

Đại Bình là thôn thuần nông, kinh tế chủ yếu là sản xuất nông nghiệp nhưng hầu như phải dựa vào thiên nhiên là chính, thời tiết thuận lợi thì có thu hoạch nếu trời khắc nghiệt thì mất trắng kể cả cây lương thực, thực phẩm và các loại cây ăn quả.

Chủ yếu lao động làm nghề nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, lao động nông nghiệp chủ yếu là trồng cây ăn quả, lúa nước và các hoa màu khác chiếm hơn 90% lao động. Các hộ làm nghề tiểu thủ công nghiệp chủ yếu là sản xuất Trầm Hương, các hộ kinh doanh buôn bán nhỏ lẻ... chiếm chưa đầy 10% lao động.

Hoạt động du lịch mới phát triển, một bộ phận nhân dân chuyển sang làm dịch vụ, trong đó có phục vụ du lịch nhưa ăn uống, nghỉ ngơi và buôn bán trái cây của làng phục vụ khách. Lực lượng này chưa qua đào tạo, chỉ có khoảng 10 hộ được tham gia khóa học nấu ăn được tổ chức tại làng.

***Kinh tế**

Loại hình sản xuất chính: Trồng cây ăn quả

Làng cây ăn quả Đại Bình với diện tích sản xuất trên 103 ha, trong đó diện

tích chuyên về trồng cây ăn quả trên 38 ha tập trung vào các loại cây ăn quả có giá trị kinh tế cao như Bưởi trụ, sầu riêng, cam, quýt. Có 231 hộ chuyên trồng cây ăn quả,

Sản phẩm sản xuất: Là các loại trái cây có giá trị kinh tế cao, dự kiến khi đến mùa thu hoạch trái cây các loại như sau:

TT	Tên sản phẩm	Sản lượng (tấn)	Giá bán đơn vị sản phẩm (đ)	Doanh thu(Tr đ)
	Bưởi trụ lông	672	20.000	13440
	Sầu riêng	33	70.000	2310
	Loongboong	8	18.000	144
	Cam,quýt	53	25000	1325

***Nhà ở:**

Hiện tại, các nhà ở đều khá ổn định, mật độ dân cư trải dài chủ yếu trên trục chính của làng, các nhà xây dựng khá kiên cố theo hình thức nhà cấp 4 nằm giữa vườn cây trái bao bọc quanh nhà.

Nhà ở nông thôn

***Công trình công cộng đơn vị ở**

Công Trình	Diện tích hiện trạng(m2)	Diện tích sàn (m2)	Tầng cao	Ghi chú
Nhà văn hóa thôn Đại Bình	790	250	1	Công trình được xây dựng mới theo phong cách hiện đại, không phù hợp lắm với kiến trúc cổ của làng.
Sân thể thao văn hóa thôn	6192.4			Đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng.
Trường tiểu học Đại Bình	4027	480	1	Đã được xây dựng mới, tuy nhiên bị tốc mái trong cơn bão năm 2020 vừa rồi nên hiện trạng bị xuống cấp.

Nhà văn hóa thôn

***Công trình tôn giáo, tín ngưỡng**

Trên địa bàn có một số cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng như:

+ Phật giáo: Chùa Đại Bình;

+ Tín ngưỡng: Miếu Bàn Cúng trên, Miếu Bàn Cúng dưới, Dinh Hố Chuối, Dinh Nghĩa Trũng;

+ Nhà thờ: Tộc Nguyễn Văn, Tộc Hứa Văn, Tộc Trần Văn, Tộc Nguyễn Tấn, Tộc Nguyễn Văn, Tộc Trần Kim.

Chùa Đại Bình	Từ đường Trần Văn Tộc

2.3. Đánh giá hiện trạng cấu trúc làng

Theo số liệu theo thống kê năm 2019, toàn thôn Đại Bình có:

- Tổng số nhân khẩu: 1445 người, tổng cộng 345 hộ;

- Mật độ dân số trung bình: 1100 người/km^2;

- Dân tộc: 100% là dân tộc Kinh.

Làng Đại Bình có cấu trúc theo mô hình xương cá, lấy trục đường bê tông ĐX2 làm trục xương sống, từ đó phát triển các nhánh phụ về hai bên với khoảng cách trung bình giữa các trục đường nhánh khoảng 100-200m và được chia thành 2 khu vực:

+ Khu vực làng xóm: Là khu vực dân cư sinh sống bám theo các trục đường bê tông ĐX2 và các đường nhánh theo mô hình nhà vườn kết hợp với trồng cây ăn quả, diện tích trung bình mỗi lô khoảng 500 – 2000m^2. Hình thức kiến trúc chủ yếu là nhà 3 gian, hàng rào trồng cây chè tàu, giữa hai nhà có khoảng đệm cây xanh. Trong khu vực còn có 2 nhà cổ có giá trị trên 100 năm. Ngoài ra, trong khu vực làng còn có 4 dinh miếu thờ, 6 nhà thờ tộc và 1 ngôi chùa có giá trị về kiến trúc và tinh

thần. Khu vực trung tâm làng bao gồm nhà văn hóa, trường tiểu học và sân vận động được bố trí tại nút giao đường ĐX2 và đường bê tông nối bến đò Trung Phước, là nơi tổ chức các sinh hoạt văn hóa, thể thao của người dân trong làng. Đây là khu vực cảnh quan đặc trưng của làng Đại Bình cần được giữ lại và phát triển.

+ Khu vực nông nghiệp: Là khu vực nằm ở phía Tây của đường ĐX2, chủ yếu là ruộng lúa, đất hoa màu và nghĩa địa được bố trí tập trung tạo nên một mảng xanh lớn với cảnh quan đẹp, gần gũi với thiên nhiên. Trong khu vực còn có đồi núi Cấm được bao bọc xung quanh ruộng lúa với nhiều loại cây rừng tự nhiên.

Các yếu tố tác động có nguy cơ biến đổi cấu trúc của làng

Hiện nay với tốc độ phát triển kinh tế và đô thị hoá Làng Đại Bình đang bị tác động của nhiều yếu tố có nguy cơ làm ảnh hưởng lớn đến kiến trúc và cảnh quan của làng:

+ Thay hàng rào chè tàu thành hàng rào xây gạch, théo B40.

+ Xuất hiện một số nhà chia lô với diện tích nhỏ làm tăng mật độ xây dựng, giảm mật độ cây xanh làm thay đổi cảnh quan Làng.

+ Khu vực sản xuất nông nghiệp (trồng lúa, hoa màu) sử dụng nước trời nên hiệu quả không cao, một số khu vực bỏ hoang không canh tác ảnh hưởng đến cảnh quan chung của làng.

+ Các vườn trái cây có nguy cơ giảm dần số lượng do thiên tai, chất lượng cây ăn quả chưa đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch.

***Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật**

i. Chuẩn bị kỹ thuật:

Khu vực quy hoạch có địa hình tự nhiên khá bằng phẳng, tuy nhiên cao trình tự nhiên của khu vực thấp và nằm sát bờ sông Thu Bồn nên thường xuyên bị ngập lụt. Cao độ nền trung bình từ 10m đến 18m, cao độ hiện trạng thấp nhất 3,57m dọc sông Thu Bồn, cao độ hiện trạng cao nhất 23,40m.

Khu vực thường xuyên bị sạt lở nằm dọc bờ sông Thu Bồn chiều dài khoảng 500 m.

Địa hình tự nhiên của khu vực quy hoạch có độ dốc tương đối, độ dốc tự nhiên từ 0.4% đến trên 11%.

- Khu vực quy hoạch nhìn chung có địa hình tương đối bằng phẳng, độ dốc tương đối; phần lớn là diện tích đất không thuận lợi xây dựng. Khu vực đồng lúa thấp trũng thường xuyên bị ngập lụt, cần có biện pháp để phòng chống ngập lụt.

Đường chính làng Đại Bình	*Địa hình khu vực đất màu*

ii. Giao thông:

- Giao thông đường bộ:

+ Giao thông đối ngoại:

Đường ĐX2: Đây là tuyến giao thông huyết mạch của làng Đại Bình, hướng tuyến chạy dọc theo sông Thu Bồn, kết nối Đại Bình với đường ĐT610 tại cầu Nông Sơn. Chiều dài tuyến trong ranh giới quy hoạch 2,91km, trong đó: đã bê tông xi măng được 2,26km, nền đường rộng 5,0m, mặt đường rộng 3,0m; còn lại 0,65km chưa cứng hóa, nền đường rộng 4,0m.

+ Giao thông đối nội:

Trong khu quy hoạch ngoài tuyến đường ĐX2, còn lại chủ yếu là đường giao thông nông thôn và đường giao thông nội đồng phục vụ sản xuất.

Đường giao thông nông thôn tổng chiều dài 4,468km trong đó: đã bê tông xi măng được 1,592km, nền đường rộng 3m, mặt đường rộng 1,5m đến 2,0m; còn lại 2,876km chưa được cứng hóa, nền đường rộng 1,0m đến 2,0m.

	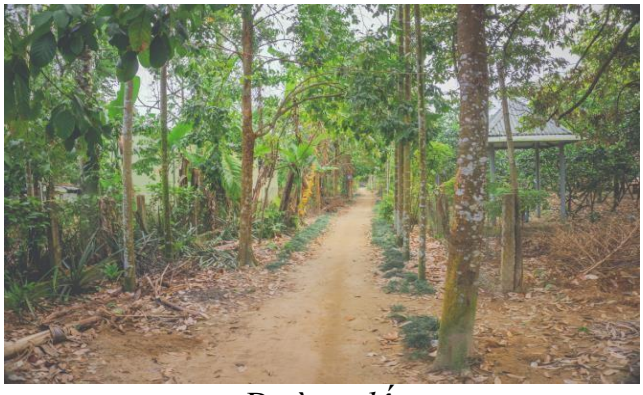
Đường bê tông 2m	*Đường đất*

Đường giao thông nội đồng tổng chiều dài 4,89km hầu hết là đường đất, nền đường rộng trung bình 1,0m.

Đặc điểm chung của hệ thống giao thông hiện trạng là chật hẹp, dân cư xây dựng lấn đường khả năng mở rộng đường rất khó do phần phá dỡ nhà, công trình kiến trúc ven đường.

- Giao thông đường thủy:

Sông Thu Bồn: Chảy dọc theo ranh giới phía Nam và Đông của khu quy hoạch, ngăn cách làng Đại Bình với Trung tâm hành chính xã Quế Trung và huyện Nông Sơn. Chiều dài khoảng 3,5km, độ sâu trung bình 4,0m, bề rộng sông 80 - 170m, hiện tại hầu như chỉ có vài phương tiện gia dụng và phương tiện vận tải cát, sỏi đi lại. Trên đoạn sông này có một bến đò ngang Trung Phước đi Đại Bình.

Bến đò Trung Phước – Đại Bình

***Cấp điện:**

- Nguồn điện: Nguồn cung cấp được nhận từ trạm T94 thông qua xuất tuyến: XT 571-T94.

- Lưới điện:

+ Lưới 22kV: Đi nổi trên trụ bê tông ly tâm, chiều dài tuyến: 0,30km

+ Lưới 0,4kV: Đi nổi trên trụ bê tông ly tâm, chiều dài tuyến: 1,70km.

- Trạm biến áp: Trong khu vực có 1 trạm biến áp Đại Bình 160KVA-15(22)/0,4kV đảm bảo nhu cầu cấp điện.

Lưới điện hạ thế hiện trạng	Trạm biến áp Đại Bình

***Đánh giá chung:**

Điểm mạnh	**Điểm yếu**
+ Thổ nhưỡng, thời tiết thuận lợi cho phát triển nông nghiệp; + Địa hình bằng phẳng; + Còn giữ được các công trình kiến trúc lâu đời; + Cảnh quan đẹp: Sông Thu Bồn,rừng Cấm, vườn trái cây Nam Bộ; + Con người chất phác, hiếu khách ; + Có nhiều người biết đến thương hiệu bưởi trụ lông Đại Bình và làng trái cây Đại Bình.	+ Chịu ảnh hưởng lũ lụt hằng năm; + Khu vực dọc sông Thu Bồn đang bị sạt lở; + Công trình kiến trúc đang dần mất đi; + Kinh tế làng hiện tại phụ thuộc chủ yếu vào bán trái cây; + Những nét văn hóa đang bị mai một dần; + Hạ tầng còn thiếu; + Giao thông đường thuỷ gặp nhiều khó khăn vào mùa mưa.
Cơ hội	**Thách thức**

+ Sự phát triển mạnh mẽ trong lĩnh vực du lịch của Quảng Nam nói chung và các khu vực lân cận như Hội An, Duy Xuyên... nói riêng; + Nằm trong khu vực dự kiến phát triển thành thị trấn - trung tâm huyện lỵ Nông Sơn; + Được sự quan tâm đầu tư phát triển của các cấp ban ngành.	+ Lưu giữ những nét văn hóa trước sự phát triển mạnh mẽ của cuộc sống.

CHƯƠNG 3:
DU LỊCH LÀNG ĐẠI BÌNH TRONG CHUỖI GIÁ TRỊ DU LỊCH NÔNG SƠN VÀ CỦA TỈNH QUẢNG NAM

1. Khái quát hoạt động du lịch làng Đại Bình từ khi thành lập đến nay

Làng Đại Bình từ lâu đã nổi tiếng là vựa trái cây Nam Bộ giữa miền Trung với du khách gần xa. Từ lâu, du khách đã đến với làng để nghỉ lại, ăn trái cây, mua quà về cho người thân. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian trước 2017, lượng du khách đến làng vẫn còn tương đối ít và hoạt động du lịch chỉ là hoạt động mang lại nguồn thu bên cạnh bán nông sản.

Năm 2017, khi tuyến ĐT610 qua đèo Phường Rạnh được nâng cấp xong, khách từ các huyện, thị xã, thành phố phía bắc của tỉnh như Hội An, Điện Bàn, Đại Lộc, Duy Xuyên và đặc biệt là khách từ Đà Nẵng "đổ" vào Đại Bình khá đông. Trong số này, có không ít khách du lịch sau khi tham quan di sản văn hóa thế giới Mỹ Sơn đã băng đèo Phường Rạnh để đến với Đại Bình. Lúc đó, lượng khách đến Đại Bình tăng khoảng 4 – 5 lần so với những năm trước và dự kiến ngày càng nhiều. Nếu như trước đây, du khách thường đến vào cuối tuần thì hiện nay ngày nào cũng có khá đông người đến với Đại Bình. Riêng thứ Bảy, Chủ nhật, mỗi ngày có gần trăm lượt ô tô của cá nhân, của công ty du lịch, taxi chở khách đến tham quan, vui chơi, chưa kể khách đi xe máy. Người dân Đại Bình vốn nồng hậu, chân tình và mến khách. Khách du lịch theo đoàn đã có hướng dẫn viên và điểm đến là những vườn cây trái của ông Bảy, ông Năm… Một số khách mới đến lần đầu, còn chưa biết tham quan vườn cây ra sao, thường được nhiều người dân dẫn vào vườn nhà mình tham quan, giới thiệu từng loại cây trái và mời ăn trái cây miễn phí.

Năm 2020 – 2021, do ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 nên lượng du khách đến Quảng Nam nói chung và đến làng Đại Bình nói riêng bị sụt giảm nghiêm trọng. Cùng với đó, năm 2020 là một năm thời tiết bất thường, bão chồng bão khiến vườn trái cây bị thiệt hại nặng nề. Nhiều gốc sầu riêng lâu năm bị xô đổ gây thiệt hại về kinh tế cho người dân. Khách du lịch đến đây cũng không còn trái cây để mua về làm quà.

2. Thực trạng du lịch làng Đại Bình

2.1. Ưu thế của làng Đại Bình

Làng Đại Bình có nguồn tài nguyên thiên nhiên đa dạng tạo điều kiện cho tài nguyên du lịch phát triển: Rừng, suối và Sông là các nguồn tài nguyên du lịch chính, bãi cát rộng, không khí trong lành (người làng Đại Bình nổi tiếng sống thọ), người dân thân thiện, nguồn cung thực phẩm tại chỗ lớn phù hợp phát triển thành đặc sản bản địa mang tính thương hiệu. Làng có địa thế đẹp, sau lưng tựa dãy núi Trường Sơn, nhìn ra dòng sông Thu Bồn.

Bên cạnh đó, làng Đại Bình có nhiều loại trái cây phong phú, trong đó có đặc sản quả bưởi trụ lông và rau sen. Nguồn cung thực phẩm tươi ngon (cá, tôm sông, rau vườn,...). Những vườn lớn như vườn Ông Năm, Chú Bảy và nhiều nhà khác, thích hợp làm du lịch miệt vườn, hiện đã và đang duy trì hình thức du lịch này.

Làng có lợi thế là đã được biết tới bởi du khách địa phương, được biết đến là địa điểm nghỉ chân và tham quan dịp cuối tuần của nguồn khách đến từ các địa điểm lân cận. Hàng năm có sự kiện Tiềm năng Du lịch Đại Bình giúp phổ biến và truyền thông thông tin du lịch (bước đầu của Marketing du lịch).

Giao thông trong và ngoài làng thuận lợi, có đường sông và đường bộ. Chỉ cần qua bên kia bờ sông (3 phút đi ghe) là Thị trấn Trung Phước nhộn nhịp sôi động, có chợ lớn và tuyến phố thương mại sầm uất. Bên này bờ sông là làng quê yên bình, còn giữ được nét xưa. Bên kia sông là đô thị, có chợ Trung Phước lớn đảm bảo nguồn cung hàng hóa, cung cấp đặc sản địa phương. Phù hợp với việc phát triển các nguồn khách khác biệt về văn hóa (khách quốc tế, khách miền Bắc). Làng cũng gần 3 bệnh viện, cơ sở y tế khang trang. Đáp ứng được những trường hợp khẩn cấp về y tế cho khách du lịch.

2.2. Thực trạng du lịch

Cơ sở lưu trú du lịch: Chỉ có 1 cơ sở chính thức với số lượng phòng hạn chế (6 phòng đôi).

Ẩm thực: Thực đơn phù hợp để phục vụ thực khách 2 bữa với mỗi bữa ăn từ 3 - 4 món chính, sau đó sẽ có sự lặp lại.

Quy hoạch: Chỉ có một tuyến đường chính dành chung cho khách du lịch và phục vụ giao thông, xây dựng, sinh hoạt của làng. Xe tải và bán tải qua lại với mật độ tương đối dày. Vào mùa cao điểm, ước tính nếu có từ 30 khách trở lên vào cùng một thời điểm có thể gây ra tình trạng đông đúc, gián đoạn di chuyển khi có xe lớn đi qua.

Nhân lực du lịch: Gần như không có lượng nhân sự ổn định cho tour ngoài chủ nhiệm HTX, nhân sự trẻ chủ yếu làm việc ở TP Đà Nẵng hoặc tỉnh Quảng Nam, ít khi trở lại làng sau khi học đại học. Nhân sự trẻ tại làng không có định hướng ngành nghề du lịch chuyên biệt hóa.

Chưa có các chương trình đào tạo du lịch bài bản.

Chưa có các hình thức đặt tour, book phòng hiện diện trên các kênh tìm kiếm hoặc các trang mạng xã hội. Khách đến nơi mới liên hệ với chủ cơ sở cư trú: Có thể xảy ra tình trạng không còn phòng.

Nguồn khách du lịch: hạn chế trong địa phương, chưa có nguồn khách đa dạng. Tỉ lệ khách quay lại thấp.

Thương hiệu: Đã có logo nhưng chưa có bộ nhận diện thương hiệu.

Marketing du lịch: Đã có trang web và facebook Làng, nhưng chưa có cách thức truyền thông hiện đại, thường xuyên. Khách du lịch chủ yếu biết tới làng qua hình thức truyền miệng, đi theo nhóm nhỏ tự phát.

Cơ sở dữ liệu: Không có cơ sở dữ liệu để quản lý/ phân tích các nguồn khách du lịch.

2.3. Cơ hội và thách thức

Cơ hội	Thách thức
- Việt Nam hiện đang đẩy mạnh phát triển du lịch nội địa, các hình thức du lịch phong phú ngoài các hình thức truyền thống, thông thường. - Xu hướng phát triển du lịch thông minh nhờ sự phổ biến của công nghệ và các ứng dụng quản lý phòng, tour, các phương tiện thông tin, mạng xã hội. Tỉnh Quảng Nam cũng đang triển khai mô hình du lịch thông minh. Đây sẽ là một cơ hội tạo giải pháp cho vấn đề thiếu nhân sự du lịch tại địa phương. - Vị trí địa lý và giao thông thuận tiện để làng Đại Bình có thể hòa chung vào trục du lịch Đà Nẵng - Quảng Nam: Cách Thánh địa Mỹ Sơn 25 km, cách TP Đà Nẵng 70km, cách Hội An 60 km	- Khí hậu: Nắng nóng sớm (từ tháng 3) và kéo dài vào mùa khô, cùng thời điểm với mùa du lịch. Nếu du lịch trong ngày tại làng, từ khoảng 10h30 sáng - 2h30 chiều có thể có nắng rát, ảnh hưởng tới trải nghiệm và sức khỏe của du khách. - Nguy cơ Covid - 19 và các dịch bệnh khác trong tương lai từ nguồn khách du lịch trong khi dân làng đa số là người cao tuổi. - Cơ sở dữ liệu: Chưa có cơ sở dữ liệu để quản lý/ phân tích các nguồn khách du lịch. - Lao động: Không có lao động đủ trình độ về du lịch để phục vụ, phát triển du lịch. Lao động đang phục vụ du lịch không có đủ kỹ năng về du lịch.

	- Sản phẩm: Không đa dạng, chưa có sản phẩm mới sáng tạo, chủ yếu vẫn bán sản phẩm thô chứ chưa qua chế biến. Sản phẩm trải nghiệm chưa đặc sắc. - Giao thông và cảnh quan chưa được đồng bộ, chưa có thoát nước làm khách du lịch có trải nghiệm không tốt.

3. Làng Đại Bình trong chuỗi giá trị du lịch huyện Nông Sơn

3.1. Tổng quan hoạt động du lịch thế giới và trong nước.

Tổ chức Du lịch Thế giới của Liên hợp quốc (UNWTO) ngày 8/3/2021 cho biết gần 1/3 số điểm đến du lịch trên toàn thế giới đang hoàn toàn đóng cửa đối với khách du lịch quốc tế do lo ngại dịch Covid-19. Theo báo cáo của UNWTO, chính phủ các nước trên thế giới lúc đầu đã nới lỏng các biện pháp hạn chế đi lại trong năm ngoái, nhưng họ đã đảo ngược xu hướng này sau khi các biến thể mới của virus SARS-CoV-2 xuất hiện.

Hồi đầu tháng 2/2021, 69 điểm đến du lịch trong tổng số 217 điểm đến trên toàn thế giới (32%) đã hoàn toàn đóng cửa đối với khách du lịch quốc tế, trong đó có 30 điểm đến ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương, 15 điểm đến ở châu Âu và 11 điểm đến ở châu Phi. Con số các điểm đến du lịch giảm so với mức đỉnh trong tháng 5/2020 khi có tới 75% điểm đến du lịch trên toàn thế giới đóng cửa hoàn toàn, nhưng lại tăng so với tháng 11/2020 khi chỉ có 27% điểm đến đóng cửa.

Theo báo cáo của UNWTO, năm 2020 là "năm tồi tệ nhất trong lịch sử của ngành du lịch toàn cầu" khi lượng khách du lịch quốc tế giảm 1 tỷ lượt người (74%). Trong năm 2020, dịch Covid-19 gây thiệt hại cho ngành du lịch trên 1,3 nghìn tỷ USD, cao gấp 11 lần mức thua lỗ được ghi nhận trong năm 2009 do khủng hoảng tài chính toàn cầu.

Theo báo cáo cuối năm của Tổng cục Thống kê, năm 2020, do việc đóng cửa biên giới để ngăn chặn Covid-19, khách quốc tế đến Việt Nam chỉ đạt khoảng 3,7 triệu lượt, giảm 79,5% so với 2019; khách nội địa đạt 56 triệu lượt, giảm 34,1%; tổng thu du lịch đạt 312 nghìn tỷ đồng, giảm 58,7% - mức giảm tương đương 19 tỷ USD. Cũng trong năm 2020, có khoảng 40-60% lao động bị mất việc làm hoặc cắt giảm ngày công. Khoảng 95% doanh nghiệp lữ hành quốc tế đã ngừng hoạt động. Nhiều khách sạn phải đóng cửa, công suất sử dụng phòng có thời điểm chỉ đạt từ 10- 15%.

Ngày nay, con người ngày càng dễ dàng tiếp cận với những vùng đất chưa được thuần hóa trên thế giới. Chúng ta có thể thấy được một lượng lớn du khách mong muốn phá bỏ rào cản, thoát khỏi những ràng buộc của cuộc sống hiện đại và hòa nhập vào nơi hoang dã. Họ luôn muốn tạo ra những ký ức tràn đầy năng lượng, vượt qua những thử thách về thể chất và tinh thần trong chuyến du lịch của mình. Trong khi đó, cuộc sống ngày càng bận rộn và giá trị thời gian cứ tăng dần, du lịch ngắn ngày cũng vì vậy mà phát triển hơn. Trong tương lai gần, mọi người có thể thoát khỏi những bộn bề trong cuộc sống hằng ngày, dành chút thời gian để suy ngẫm và thư giãn bằng việc đón nhận bầu không khí trong lành vào ngày cuối tuần hay chỉ là một đêm ngắn ngủi"

Xu hướng lớn nhất mà chúng ta sẽ được nhìn thấy là khi thế hệ Z chiếm vị trí trung tâm cùng mục đích tận hưởng đời sống cao cấp mới. Du lịch có mục đích không chỉ mang lại những kỷ niệm mà còn nâng cao giá trị cho các du khách và những người mà họ gặp trong chuyến đi. Nếu thế hệ Millennials mong muốn hoàn thiện hình ảnh của mình trong đời thực lẫn thế giới ảo, thì thế hệ Z đi ngược lại và cố gắng nâng cao chất lượng cuộc sống một cách ý nghĩa nhất. Điều này có nghĩa là những trải nghiệm, nơi ở và quá trình giao tiếp trong chuyến du lịch mang tính cá nhân và lâu dài hơn. Đặc biệt, xu hướng của các chuyến du lịch khác như kỳ nghỉ kết hợp với phương pháp thanh lọc công nghệ cùng lối sống tối giản là điều mà chúng ta sẽ chứng kiến sự phát triển trong tương lai

3.2. Hoạt động du lịch của Quảng Nam và khu vực miền Trung.

Theo số liệu thống kê, nhiều năm qua, ngành Du lịch của miền Trung ước tính đóng góp gần 20% vào doanh thu du lịch của cả nước. Hơn 80% số du khách quốc tế đến Việt Nam đều ghé chân tại khu vực này. Chỉ tính riêng trong năm 2019, các tỉnh Thừa Thiên-Huế, Quảng Nam và TP Đà Nẵng đã đón hơn 10 triệu lượt khách nội địa và hơn 9 triệu lượt khách quốc tế. Tuy nhiên từ đầu năm 2020, dịch COVID- 19 bùng phát đã ảnh hưởng rất lớn đến mọi mặt kinh tế, xã hội và các hoạt động về du lịch bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Tất cả kế hoạch quảng bá, xây dựng sản phẩm du lịch mới của các địa phương đều bị ngưng trệ; một số đơn vị đứng trước nguy cơ phá sản, hàng nghìn lao động trong ngành Du lịch bị cắt giảm, thôi việc, không có thu nhập.

Dự báo những khó khăn có thể còn kéo dài đã đặt ra cho ngành Du lịch Việt Nam cũng như các tỉnh thành miền Trung những thách thức không nhỏ, yêu cầu phải có sự vào cuộc, đồng hành và hành động quyết liệt của mọi tổ chức, cá nhân để kịp thời chuyển đổi, đột phá, thu hút du khách quay trở lại, nâng cao năng lực cạnh tranh du lịch cho điểm đến ở các tỉnh miền Trung.

Du lịch ngày càng đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Nam. Thống kê giai đoạn 2015 - 2019, tốc độ tăng bình quân về lượt khách đạt 19,27%/năm, thu nhập xã hội từ du lịch tăng bình quân đạt 24,53%/năm. Riêng năm 2019 Quảng Nam đón 7,79 triệu lượt khách, doanh thu từ tham quan, lưu trú du lịch đạt 6.200 tỷ đồng, thu nhập xã hội đạt 14.570 tỷ đồng, đóng góp của du lịch vào GRDP tỉnh ước đạt 7,1%, bước đầu "tiệm cận" dần với tiêu chí của ngành kinh tế mũi nhọn.

Một số nơi du lịch phát triển đã tạo thêm việc làm và tăng thu nhập cho người dân, góp phần tạo diện mạo mới cho nông thôn, đô thị. Tính đến năm 2019, ngành du lịch đã giải quyết việc làm cho khoảng 18 nghìn lao động, bao gồm 14 nghìn lao động trực tiếp. Các khu du lịch trọng điểm được chú trọng đầu tư, một số khu nghỉ dưỡng, cơ sở lưu trú quy mô lớn và đẳng cấp được xây dựng. Thông qua du lịch các ngành nghề truyền thống như may mặc, lồng đèn, tranh tre, dừa nước, dệt thổ cẩm… cũng được phục hồi phát triển.

Tuy nhiên, phát triển du lịch thời gian qua vẫn còn bộc lộ những tồn tại, hạn chế như: quy hoạch và quản lý quy hoạch còn nhiều bất cập, chủ trương ưu tiên phát triển Cù Lao Chàm thành đảo du lịch tổng hợp cao cấp chưa được triển khai cụ thể. Một số dự án đầu tư du lịch tiến độ triển khai chậm hoặc không triển khai, nhất là các dự án du lịch ven biển. Việc đầu tư hạ tầng du lịch chưa đồng bộ, nhiều hạ tầng thiết yếu tại các khu, điểm còn thiếu như: cầu cảng, bãi đỗ xe, nhà vệ sinh, nhà đón tiếp khách… Một số điểm du lịch được xác định có tiềm năng ở phía nam và phía tây của tỉnh vẫn chưa được đầu tư đúng mức, chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh vốn có...

Sức cạnh tranh của ngành kinh tế du lịch bộc lộ nhiều điểm yếu. Phần lớn doanh nghiệp du lịch Quảng Nam quy mô nhỏ; thiếu sản phẩm du lịch mới; ít điểm tham quan mang tính nổi trội; môi trường du lịch còn nhiều bất cập. Hoạt động lữ hành chưa chủ động được nguồn khách. Chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng còn chậm. Đặc biệt, nguồn nhân lực du lịch hạn chế về số lượng và chất lượng, thiếu về chuyên môn, trình độ quản lý, tay nghề nên chưa đáp ứng được yêu cầu, nhất là lao động quản lý trong các doanh nghiệp lớn. Lao động trong các bộ máy quản lý nhà nước cấp huyện còn khá mỏng, phần lớn kiêm nhiệm...

3.3. Khái quát về hoạt động du lịch huyện Nông Sơn.

Với diện tích 457,92 km² và địa hình tự nhiên núi đồi, sông nước vùng phía Tây của tỉnh, huyện có những tiềm năng về tự nhiên, bề dày văn hóa – lịch sử để phát triển du lịch. Tuy nhiên có nhiều yếu tố phụ thuộc, nhất là địa hình xa xôi cách trở và địa bàn huyện luôn chịu thiên tai lũ lụt hoành hành. Thực tế sau hơn 10 năm

thành lập huyện, du lịch nơi đây hầu như chưa phát triển một cách bài bản, chủ yếu là sự tự phát, quy mô nhỏ lẻ của một số hộ dân tại làng Đại Bình. Các điểm du lịch, sản phẩm du lịch chưa được đầu tư, quy hoạch phát triển bài bản.

Trên địa bàn huyện, mới có hai điểm đến là làng Đại Bình và Hòn Kẽm – Đá Dừng có khách đến tham quan trải nghiệm nhưng với số lượng ít và còn mang tính mùa vụ. Dịch vụ lưu trú toàn huyện mới có 5 nhà nghỉ và 3 homestay phục vụ du khách. Hiện nay, huyện Nông Sơn đang xây dựng hai đề án "Quy hoạch phát triển du lịch huyện giai đoạn 2018 – 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 và "Phát triển du lịch làng Đại Bình gắn với phát triển nông nghiệp hữu cơ".

Theo đó, trong chiến lược phát triển du lịch của địa phương, Nông Sơn xác định ưu tiên đầu tư phát triển làng trái cây Đại Bình làm điểm nhấn trung tâm, từ đó kết nối tạo sự lan tỏa với các điểm đến khác như Hòn Kẽm – Đá Dừng, suối nước nóng Tây Viên, mỏ than Nông Sơn, lăng Bà Thu Bồn… Bên cạnh đó, phát huy tiềm năng thế mạnh tại địa phương, huyện Nông Sơn có đủ các điều kiện để đa dạng hóa các sản phẩm du lịch như homestay, phát triển loại hình du lịch văn hóa cộng đồng, làng quê… Hầu hết các điểm đến nơi đây hội tụ nhiều yếu tố như không gian mở, cảnh quan làng quê mang bản sắc riêng, hệ thống sông nước, hay trung du núi đồi phù hợp với việc xây dựng sản phẩm du lịch văn hóa – sinh thái nên trong bước đi phát triển du lịch cần đảm bảo sự hài hòa vừa phát huy tiềm năng, vừa bảo tồn, giữ gìn không gian xanh, sạch để tạo ra sự phát triển cân đối, bền vững.

Đồng thời, huyện đang hoàn thiện khớp nối các trục giao thông chính để tạo thuận lợi trong việc liên kết với các điểm du lịch các huyện lân cận như Mỹ Sơn (Duy Xuyên), Khu di tích Phước Trà, hồ Việt An (Hiệp Đức), suối Tiên (Quế Sơn), xa hơn nữa là từ Hội An, Đại Lộc, Đà Nẵng… Hiện nay, quốc lộ 14H đoạn qua đèo Phường Rạnh đã hoàn thiện đã kết nối huyện Duy Xuyên với Nông Sơn, cầu Trà Linh nối vùng giáp ranh vùng đầu nguồn sông Thu Bồn bắc qua hai xã Quế Lâm (Nông Sơn) và Hiệp Thuận (Hiệp Đức) đang được thi công và con đương Đông Trường Sơn nối ba huyện Nam Giang, Nông Sơn và Hiệp Đức đang hoàn thành đã mở ra việc kết nối huyện Nông Sơn với các huyện phía Tây, mở ra hướng đi mới trong phát triển du lịch trong tổng thể du lịch miền núi của tỉnh.

3.4. Liên hệ giữa làng Đại Bình với hoạt động du lịch huyện Nông Sơn.

Nông Sơn là địa điểm lý thú để khai phá những trầm tích về dấu ấn văn hóa, để giải mã những câu chuyện, giai thoại về mảnh đất và con người nơi đầu nguồn dòng sông mẹ Thu Bồn. Trong đó, làng Đại Bình đang đóng vai trò là trung tâm kết nối tất cả các điểm du lịch trên địa bàn huyện Nông Sơn. Ai một lần đến đây sẽ không thể quên và sẽ không thể không trở lại nếu đã trót yêu mảnh đất yên bình này.

Đi rồi sẽ trở lại để một lần nữa ngược sông Thu Bồn bằng đò giang để ngó lên Hòn Kẽm - Đá Dừng, để nghe câu ca từ trong vách núi từ ngàn xưa vọng trở lại...

Suối nước nóng Tây Viên, hồ Phước Bình, hòn Vung, Núi Chúa là nơi có giá trị về cảnh quan, văn hóa, lịch sử. Để phát huy giá trị của tổ hợp tiềm năng này, địa phương đã tổ chức quy hoạch chúng thành khu phức hợp du lịch gồm nhiều phân khu chức năng và kêu gọi doanh nghiệp vào đầu tư xây dựng để xúc tiến hoạt động du lịch. Bên cạnh các tiềm năng trụ cột đã nêu trên, huyện Nông Sơn còn có các điểm tiềm năng vệ tinh như: Đập thủy điện Khe Diên, khu bảo tồn loài và sinh cảnh voi, suối Nước Vàng, khe vực Vàng… là những nơi có thể đầu tư khai thác thế mạnh sinh thái với quy mô nhỏ.

Hiện nay, du lịch Huyện Nông Sơn còn nhiều tiềm năng nhưng chưa được khai thác hiệu quả. Những điểm du lịch tiềm năng như Suối nước nóng Tây Viên, Hồ Phước Bình,… là nơi có cảnh quan đẹp, tiềm năng phát triển thành điểm du lịch nổi bật, thu hút du khách trong và ngoài huyện. Tuy nhiên, theo nghiên cứu, đánh giá thì vẫn chưa có những hành động đầu tư, phát triển các điểm du lịch này trở thành điểm đến cho du khách. Hồ Phước Bình hay suối nước nóng Tây Viên vẫn đang còn để ngỏ khiến hiện trạng xuống cấp trầm trọng: Cảnh quan xuống cấp, ô nhiễm môi trường, không có người quản lý,…

Làng Đại Bình có vị trí đặc biệt, nằm ở vị trí gần trung tâm để liên kết tất cả những điểm du lịch tiềm năng trên địa bàn Huyện Nông Sơn. Khi những điểm du lịch trên địa bàn Huyện Nông Sơn đã được đầu tư, phát triển để thu hút một lượng khách du lịch ổn định thì khi đó, làng Đại Bình sẽ đóng vai trò là điểm nghỉ lại qua đêm và trải nghiệm trái cây, nông nghiệp cho du khách bởi sự bình yên, thân thiện của mình. Du khách đến Huyện Nông Sơn du lịch sẽ tham quan, trải nghiệm các điểm du lịch trên địa bàn Huyện trong ngày, còn đêm sẽ về làng Đại Bình ăn uống, nghỉ ngơi và trải nghiệm các hoạt động khác vào ngày hôm sau.

3.5. Liên hệ giữa làng Đại Bình với hoạt động du lịch của các huyện khác trong tỉnh Quảng Nam.

Từ năm 1991, khi Hội An đón những du khách đầu tiên, tới nay thành phố đã tròn 30 năm phát triển du lịch. Dựa trên những lợi thế đặc thù về di sản văn hóa, cảnh quan, thiên nhiên…, Hội An trở thành điểm đến hấp dẫn trên bản đồ du lịch khu vực và cả nước. Phố cổ Hội An,Thánh địa Mỹ Sơn, rừng dừa Cẩm Thanh, Cù Lao Chàm, biển An Bàng,… là những điểm du lịch nổi tiếng với du khách gần xa. Đây là những điểm du lịch nổi tiếng thu hút rất nhiều du khách ghé thăm.

Trong rất nhiều tiềm năng phát triển du lịch, sông ngòi Quảng Nam được đánh giá là điểm nhấn hấp dẫn thu hút khách tham quan. Thời gian qua một số dòng sông như Cổ Cò, Thu Bồn… cũng được nạo vét, cải tạo cảnh quan phục vụ du lịch. Trong đó, sông Cổ Cò được kỳ vọng sẽ là tuyến du lịch hấp dẫn kết nối Quảng Nam và TP.Đà Nẵng khi dự án hoàn thành. Có thể nói, trên trục du lịch chính ven biển Đà Nẵng – Quảng Nam có rất nhiều điểm du lịch văn hóa, lịch sử, nghỉ dưỡng đã có tiếng trong lòng du khách.

Vì thế, nếu xét về khía cạnh du lịch nghỉ dưỡng sang trọng, du lịch danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử thì làng Đại Bình nói riêng và vùng phía Tây của Quảng Nam nói chung chưa có lực đủ mạnh để cạnh tranh. Tuy nhiên, theo dự báo của Tổ chức du lịch thế giới UNWTO thì xu hướng du lịch trên thế giới đang chuyển dịch dần sang du lịch nghỉ dưỡng gần gũi thiên nhiên, khám phá nét đẹp hoang sơ của những vùng đất còn ít bị tác động bởi con người. Chính vì thế, các huyện ở phía Tây của Quảng Nam nói chung và huyện Nông Sơn nói riêng mang trong mình tiềm năng rất lớn để đón đầu xu thế du lịch này. Chính vì vậy cần có tầm nhìn chiến lược xa từ 50 – 100 năm để có thể định hướng phát triển nền du lịch tại vùng đất này.

CHƯƠNG 4:
NHẬN ĐỊNH CÁC NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN DU LỊCH LÀNG ĐẠI BÌNH

1. Vị trí địa lý

1.1. Nhận định về vị trí địa lý làng Đại Bình

Đại Bình là một ngôi làng nhỏ nằm ở xã Quế Trung, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam. Làng Đại Bình có diện tích đất tự nhiên 7,54Km2, nằm ở vị trí tuyệt đẹp, lưng tựa vào núi, mặt hướng ra đầu nguồn dòng Thu Bồn. Đây được cho là một trong những làng cổ đẹp vào bậc nhất ở miền sơn cước của đất Quảng.

Làng Đại Bình Nông Sơn Quảng Nam các các trung tâm du lịch ở khu vực như: Đà Nẵng, Hội An,Mỹ Sơn không xa, có thể tiếp cận qua các hướng: QL 14H, ĐT 611, đường Đông Trường Sơn hoặc đường thủy dọc theo sông Thu Bồn.

Làng Đại Bình chiếm giữ một vị trí đặc biệt với lưng dựa núi, ba mặt giáp sông Thu Bồn, cách biệt với đô thị ồn ào. Vẻ đẹp của núi đồi và sông ngòi uốn lượn hòa quyện với nhau làm nên phông nền cho bức tranh thiên nhiên Làng Đại Bình, với điểm nhấn là lũy tre bao quanh làng dọc theo sông Thu Bồn. Bức tranh thiên nhiên tuyệt đẹp và yên bình này chính là nét cuốn hút lớn nhất của khu vực Làng Đại Bình.

Làng Đại Bình chiếm giữ một vị trí đặc biệt

Làng Đại Bình chiếm giữ một vị trí đặc biệt

Điểm mạnh và yếu của vị trí làng Đại Bình

Điểm mạnh	Điểm yếu
- Được ngăn cách bởi sông Thu Bồn nên ít bị tác động bởi đô thị hóa, hiện đại hóa. - Giữ được sự yên bình, không bị ảnh hưởng bởi tiếng ồn, khói bụi	- Vị trí tách biệt nên du khách phải di chuyển xa và vòng vèo, gây khó khăn với người mới đến làng lần đầu

1.2. Tài nguyên thiên nhiên

Địa hình

Làng Đại Bình có địa hình tương đối bằng phẳng, có địa hình thoải dần về phía Đông Nam, cao độ nền thấp, lưng tựa núi, mặt hướng ra sông Thu Bồn. Vì có 03 mặt đều tiếp giáp với sông Thu Bồn nên chịu ảnh hưởng rất lớn bởi chế độ thủy văn của con sông này.

+ Cao độ nền hiện trạng thấp nhất là 3,57m, cao độ lớn nhất là 23,4m.

Khí hậu

- Nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, với những đặc điểm của vùng Nam Trung bộ. Một năm chia làm 2 mùa: Mùa khô và mùa mưa, là vùng có lượng mưa khá lớn.

** Nhiệt độ không khí*

Mùa khô thường bắt đầu từ tháng 03 đến tháng 08 (dương lịch), mùa mưa thường tập trung từ tháng 10 đến tháng 12 (dương lịch).

- Nhiệt độ trung bình năm: 24 - 26^{o}C

** Độ ẩm*

- Lượng bốc hơi trung bình: 1.160 mm

- Độ ẩm không khí trung bình: 82%

** Lượng mưa*

- Lượng mưa trung bình hàng năm: 2.000-2.200 mm/năm

** Thiên Tai*

- Lũ lụt từ tháng 10 đến tháng 12, làm thiệt hại nhiều tài sản, nhà cửa, địa hình bị chia cắt khó khăn trong việc di dời dân, cứu trợ.

- Tháng 3 đến tháng 5 hay bị mưa đá (hạt lớn khoảng 3x4cm), gió lốc làm thiệt hại nặng nề về lúa, hoa màu và cây trồng khác.

Đặc điểm thủy văn

Khu vực quy hoạch chịu ảnh hưởng trực tiếp của thủy văn sông Thu Bồn, hằng năm luôn chịu ảnh hưởng lớn bởi lũ lụt.

Sông Thu Bồn là một hệ thống sông lớn ở Nam Trung Bộ, dốc theo hướng Tây Nam – Đông Bắc. Độ cao bình quân là 552 m. Mật độ sông suối trung bình là 0.47 km/km2 tương ứng với tổng chiều dài toàn bộ sông suối là 4865 km. Dòng chính sông Thu Bồn dài 205 km bắt nguồn từ đỉnh Ngọc Lĩnh ở độ cao 1600 m và chảy ra biển Hội An. Toàn bộ hệ thống sông có 19 phụ lưu các cấp. Độ dốc bình quân lưu vực đạt 25.5%. Lưu vực sông có chiều dài lưu vực lớn gấp hai lần chiều rộng, có dạng hình nan quạt, hệ số uốn khúc khá lớn đạt 1.85. Phần thượng lưu và trung lưu chảy trong vùng núi chủ yếu là granit xuống vùng trũng chủ yếu là sa thạch, cuội kết có xen lẫn diệp thạch và đá vôi. Trong những năm gần đây các cơn lũ xuất hiện với tần suất cao và cường độ lớn trên hệ thống sông Thu Bồn gây thiệt hại nhiều về người và tài sản cho cư dân dọc sông.

Đặc điểm địa chất thủy văn

Làng Đại bình hiện tại chủ yếu là đất thổ cư, đất hoa màu và một ít đất rừng trồng gồm các lớp đất mịn, bên dưới là cát đất.

Cảnh quan thiên nhiên

Làng Đại Bình có cảnh quan thiên nhiên thanh bình bởi sự ngăn cách của dòng sông Thu Bồn. Lưng tựa núi, 3 mặt hướng sông, chính vị trí này đã tạo nên những cảnh quan đặc trưng cho làng Đại Bình.

Sông Thu Bồn	Đồng ruộng

1.3. Thuận lợi, khó khăn của tài nguyên thiên nhiên làng Đại Bình với du lịch

Thuận lợi	Khó khăn
- Cảnh sắc hoang sơ, không khí yên bình không bị tác động bởi bom đạn - Nhiều địa điểm du lịch tiềm năng	- Phần đất của làng về hướng bờ sông Thu Bồn bị xói mòn, sạt lở - Thiên tai xảy ra thường xuyên gây ảnh hưởng đến việc trồng cây trái trong làng - Lũ hàng năm ảnh hưởng đến đời sống nhân dân

2. Ẩm thực

2.1. Ẩm thực làng Đại Bình

Ẩm thực là một yếu tố rất quan trọng trong việc phát triển du lịch bởi đây là thứ giúp tạo nên dư vị cho du khách sau mỗi chuyến du lịch đồng thời cũng là thứ giúp quảng bá hình ảnh làng Đại Bình đến những người chưa biết. Hiện nay, ẩm thực của làng Đại Bình chưa có gì đặc sắc đủ để tạo ra ấn tượng trong lòng du khách.

Làng Đại Bình cũng như bao làng quê khác tại Việt Nam, có những nét ẩm thực rất riêng, dù không mang nét đặc sắc rõ rệt của vùng miền nhưng vẫn có nét đặc trưng của mình.

Về nguyên liệu chế biến: Các món ăn trong làng Đại Bình được chế biến từ chính những nguyên liệu được trồng trong vườn nhà hay đánh bắt từ dòng sông Thu Bồn chảy qua làng. Trong đó có những nguyên liệu thường thấy là:

-Thịt: Gà, heo, bò, trâu, nhộng tằm.
-Hải sản: Các loại ốc, cá, tôm sông
-Rau: Sen, đinh lăng, muống, càng cua, xà lách, húng, quế, bầu, bí, khổ qua,…

-Trái cây: Bòn bon, bưởi, trụ.

Trong đó, có những món ăn nổi bật, có thể trở thành đặc trưng của làng Đại Bình như:

-Tôm sông chiên giòn
-Rau sen luộc
-Rau sen nấu canh với ức gà --
-Thịt heo trộn đinh lăng
-Gỏi trụ lông
-Gỏi bòn bon
-Các món từ nhộng tằm

Tôm sông chiên giòn

Rau sen luộc

Thịt heo trộn đinh lăng

Gỏi bòn bon

Về các món ăn vặt, ăn chơi thì làng Đại Bình có những món ăn quen thuộc của xứ Quảng như: Bánh đúc, mì Quảng, bún chả cá, bánh thuẫn, bánh tráng đường, bánh nổ,…

Trong đó, nổi bật phải kể đến món bánh thuẫn được sản xuất với quy trình khép kín ngay trong làng, từ nguyên liệu đến chế biến thành phẩm. Ngoài ra, làng

cũng có nghề làm mía đường lâu đời, hiện nay ít còn nhưng cũng có những sản phẩm đặc trưng như bánh tráng đường, bánh nổ,…

Bánh thuẫn

Bánh đúc

2.2. Cơ hội và thách thức

Cơ hội	Thách thức
- Các món ăn được chế biến từ nguyên liệu được trồng ngay tại làng, nhờ đó đảm bảo chất lượng và hương vị đặc trưng. - Làng có món rau sen có thể phát triển thành nguyên liệu và món ăn đặc trưng của riêng làng Đại Bình.	- Những món ăn được phục vụ tại các điểm ăn uống trong làng Đại Bình (vườn trái cây ông Bảy, ông Năm,…) chưa có nét đặc trưng, chưa được người dân mang ý thức giới thiệu là sản phẩm độc đáo của làng Đại Bình. - Trên địa bàn làng chưa có nhiều khu vực phục vụ ẩm thực cho du khách. Nơi ăn trưa, ăn tối chỉ có vườn trái cây ông Bảy, ông Năm và một số điểm khác là đáp ứng được nhu cầu tối thiểu của du khách. Còn những hàng quán ăn phục vụ những món ăn vặt, ăn giữa buổi thì chưa phát triển. - Chưa có món ăn đặc trưng đóng vai trò là món ăn chỉ làng Đại Bình có (ngoài bưởi trụ lông).

3. Nghề truyền thống

3.1. Hiện trạng nghề truyền thống trong làng

Liên quan đến ngành nghề, sản phẩm chế biến từ nguyên liệu tài nguyên thực vật tại làng Đại Bình, kết quả khảo sát cho thấy:

Về ngành nghề có nghề: Mía đường, Trồng dâu nuôi tằm, Nghề mộc, Trầm hương, Nghề làm giá, Nấu rượu, Làm bánh. Trong các ngành nghề trên, nghề mía đường, trồng dâu nuôi tằm trước đây là thế mạnh của làng nhưng đến năm 2018 đã tạm dừng, không hoạt động. Từ năm 2019 đến này, nghề nuôi tằm đã được phục hồi nhưng nuôi tằm không phải lấy tơ mà nuôi tằm để lấy tằm làm thực phẩm. Cần có phương án khôi phục nghề tơ tằm gắn với hoạt động du lịch.

Về sản phẩm có: Đường mía, Tơ tằm, Cau khô, Hàng thủ công, Nhang trầm, dầu mè, dầu đậu phụng, dầu mè, bánh thuẫn. Trong các sản phẩm trên, sản phẩm Đường mía, Tơ tằm, Cau khô không còn sản xuất. Những sản phẩm Hàng thủ công, Nhang trầm, dầu mè, dầu đậu phụng, dầu mè, bánh thuẫn đang được sản xuất và thị trường hóa.

Sản phẩm từ cây trầm hương (gió bầu)

Tên sản phẩm	Đơn giá	Thị trường
Nhang trầm - Nhang nụ - Nhang cây hộp - Nhang cây bó - Nhang vòng	 80.000 đồng/hộp 100.000 đồng/hộp 500.000 đồng/kg 4.000.000 đồng/kg	Trong tỉnh, Quảng Nam, Đà Nẵng, Tp. Hồ Chí Minh
Hàng trầm mỹ nghệ	40.000.000 – 300.000.000 triệu	Đà Nẵng, Trung Quốc
Dầu mè đen	300.000 đồng/lít	Trong tỉnh, Quảng Nam, Đà Nẵng
Dầu đậu phụng	100.000 – 120.000 đồng/lít	Trong tỉnh, Quảng Nam, Đà Nẵng
Bánh thuẫn	3.500 đồng/cái	Trong huyện
Giá đậu	10.000 đồng/kg	Trong huyện
Bột ngũ cốc	150.000 đồng/kg	Trong tỉnh, Đà Nẵng
Chuỗi hạt trầm	100.000 – 500.000 đồng/dây	Trong tỉnh, Quảng Nam, Đà Nẵng
Bàn ghế (xa lông)	17.000.000 – 40.000.000/bộ	Trong tỉnh
Mì quảng	10.000 đồng/kg	Trong huyện
Rau sen	25.000 – 30.000 đồng/kg	Trong huyện
Trái cây	20.000 – 120.000 đồng/kg	Trong và ngoài huyện

Trong những ngành nghề và sản phẩm trên, nghề triển vọng để khôi phục và phát triển gắn với du lịch là nghề: Trồng dâu nuôi tằm, Trầm hương, Nghề làm giá, Làm bánh, đây là những nghề truyền thống tại làng, có điều kiện phát triển nguyên liệu tại chỗ, tạo ra sản phẩm đặc thù.

Nghề trồng dâu nuôi tằm hình thành từ những năm 1940, năm 1960 – 1965 bị gián đoạn do chiến tranh và hiện nay còn 10 hộ trồng dâu nuôi tằm nhưng đa số nuôi tằm để lấy tằm làm thực phẩm. Bãi bồi ven sông dọc làng rất phù hợp để trồng dâu

nuôi tằm, việc trồng dâu ở bãi bồi không chỉ phục vụ cho việc khôi phục ngành làm tơ mà còn tận dụng không gian nông nghiệp phát triển kinh tế, xây dựng không gian sinh thái phát triển du lịch theo tuyến dọc sông.

Nghề trầm hương cũng là nghề truyền thống của làng Đại Bình, hiện tại có 3 cơ sở (ông Hải, ông Vỹ và ông Nhẫn) chế tác sản phẩm trầm hương, từ cây gió bầu mua chủ yếu ở Tiên Phước (Quảng Nam), các nghệ nhân Đại Bình đã chế tác ra những sản phẩm: chuỗi hạt, tháp cây, hàng trưng bày …giá sản phẩm từ 100 ngàn đến 300 triệu đồng, đây cũng sẽ là những sản phẩm phục vụ nhu cầu khách du lịch

Nghề là giá cũng là nghề truyền thống (hơn 40 năm), với yếu tố khí hậu thuận lợi kết hợp cát và nước sông thu bồn đã hình thành nghề làm giá và sản phẩm giá đặc trưng của làng, 1kg đậu xanh sẽ cho 8-10 kg giá với thời gian của quy trình là 3-4 ngày. Quy trình sản xuất giá hiện tại vẫn là quy trình truyền thống, nếu được cải tiến sẽ cho năng suất và hiệu quả cao hơn.

Nghề làm giá đỗ bên bờ sông Thu Bồn

Nghề làm bánh thuẫn tại làng có 2-3 cơ sở, đặc biệt cơ sở của chị Trần Lệ Khanh, Huỳnh Thị Bảy ở Tổ 1 sản xuất bánh phục vụ ngày giỗ, cưới hỏi, ngày tết của phần lớn gia đình trong làng, thu nhập 10 – 12 triệu đồng/người/tháng.

Nghề làm bánh thuẫn tại làng được khép kín và chủ động do việc trồng nguyên liệu (cây Ngải), sản xuất nguyên liệu (làm bột) và làm bánh được thực hiện tại làng. Các cơ sở, địa điểm sản xuất hàng hóa cũng sẽ là địa điểm du lịch trải nghiệm trong tương lai. Vì vậy việc khôi phục và phát triển các ngành nghề truyền thống là cấp thiết.

Nghề làm bánh thuẫn từ củ ngải

3.2. Cơ hội và thách thức

Cơ hội	Thách thức
- Vẫn còn giữ được những nghề truyền thống đặc trưng của làng, có thể phát triển thành điểm du lịch để thu hút du khách.	- Nghề trồng dâu, nuôi tằm vẫn chưa được khôi phục - Nghề làm giá đỗ chỉ còn một người làm, có nguy cơ bị mất khi ông sẽ vào TP Hồ Chí Minh với con trong vài năm tới - Nghề làm mía đường đã bị mai một.
	- Nghề làm bánh thuẫn chưa có quy mô lớn, còn nhỏ lẻ

4. Hệ sinh thài tự nhiên

4.1. Các nhóm tài nguyên thực vật

Kết quả điều tra cho thấy, khu vực làng Đại Bình có 10 nhóm tài nguyên thực vật:

1) Nhóm cây gỗ;

2) Nhóm cây thuốc;

3) Nhóm cây ăn quả;

4) Nhóm lương thực, thực phẩm;

5) Nhóm cây cho tinh dầu;

6) Nhóm cây cảnh;

7) Nhóm cây cho sợi;

8) Nhóm cây màu nhuộm;

9) Nhóm cây cho nhựa;

10) Nhóm cây khác.

Nhóm tài nguyên cây gỗ

Đến thời điểm điều tra, ghi nhận có 18 loài thuộc nhóm tài nguyên cây gỗ.

Trong đó, loài có giá trị cao: Huỷnh, Huỳnh đàn, Giáng hương, Trai, Mít nài, Mù u.

Huỷnh (Tarrietia javanica) là cây gỗ lớn, cao đến hơn 20 m, phân bố trong khu vực rừng cấm của làng, chỉ được khai thác phục vụ xây dựng công trình chung của làng. Theo phân loại nhóm gỗ, Huỷnh thuộc nhóm III, gỗ cứng, khó mối mọt, gỗ Huỷnh được sử dụng trong xây dựng, làm cầu, đóng thuyền…

Huỳnh đàn (Dysoxylum loureiri), cũng là cây gỗ lớn, có cây đường kính hơn 80 cm, cao 16-18 m, tán lá dày, đẹp. Gỗ huỳnh đàn có vân đẹp, có mùi thơm (giống trầm) được sử dụng làm bàn ghế, đồ thủ công mỹ nghệ, chuỗi hạt. Qua kiểm đếm thực tế có 51 cá thể trong rừng cấm và 5 cá thể trong khu dân cư. Huỳnh đàn là cây gỗ quý hiếm, có tên trong sách đỏ Việt Nam được xếp hạng ở thang VU (sẽ nguy cấp), cần có biện pháp bảo vệ, phát triển nguồn gen, với số lượng hơn 30 cây thành thục trong rừng cấm thì có thể xem đây là vườn giống tự nhiên cây Huỳnh đàn, từ đây sẽ tổ chức nhân giống phục vụ cho những chương trình trồng rừng lấy gỗ, trong cây che bóng bằng cây Huỳnh đường. Giá hiện trường khoảng 40-50 triệu đồng/khối.

Huỳnh đàn

Huỷnh

Giáng hương (Pterocarpus indicus) là cây gỗ lớn, gỗ xếp vào nhóm II, gỗ cứng, vân đẹp, mùi thơm, được sử dụng làm bàn ghế, lục bình, hàng mộc mỹ nghệ. Theo điều tra, bộ ghế xa lông đóng tại Đại Bình bằng gỗ hương có giá 40- 50 triệu đồng. Ngoài trồng cây lấy gỗ, người dân còn trồng Giáng hương là hàng rào, cây bóng mát (chợ Đại Bình), cây chắn gió. Theo đánh giá, cây Giáng hương ít bị ngả đổ trong mùa mưa bão, hơn thế nữa có thể nhân giống bằng cắm cành vì vậy có thể sử dụng cây Giáng hương cùng một số cây khác (Tre, rù rì bãi) làm bức từng chắn gió cho làng Đại Bình. Giá hiện trường khoảng 30-40 triệu/khối.

Cây Trai (Fragraea fragrans) là cây gỗ nhỏ đến trung bình, gỗ xếp nhóm III, gỗ rất cứng, khó mối mọt, gỗ dùng để làm cửa, bàn ghế, xây dựng. Giá hiện trường khoảng 30-32 triệu/khối.

Mít nài (Artocarpus chaplasha) là cây gỗ trung bình đến lớn, cây cao đến 12-15 m. Gỗ gỗ có vân đẹp, không nứt, dùng làm nhà, bàn ghế, đồ gia dụng, đồ mỹ nghệ. Hiện tại chỉ ghi nhận Mít nài phân bố trong rừng cấm, đây là một trong những loài cây gỗ quan trọng của hệ sinh thái rừng cấm, quyết định độ che phủ của rừng cấm. Ngoài khai thác lấy gỗ, hạt mít nài còn là đặc sản của Đại Bình, hạt rang ăn có mùi thơm, vị béo, một lon hạt mít nài tươi khoảng 20.000đ. Đây là một trong số ít

cây trồng đa mục đích, có thể trồng để lấy gỗ, cây bóng mát và lấy hạt.

Mù u (Calophyllum inophyllum), dân địa phương gọi là Còng da ếch, là cây gỗ lớn, tại khu vực Nghĩa Trũng cây đường kính gần 2 m, đây là một trong những cây cổ thụ ở làng. Gỗ mù u dùng làm bàn ghế, tại Đại Bình đã khẳng định được giá trị làm bàn ghế từ gỗ Mù u, với màu và vân tự nhiên, bộ ghế xa lông từ gỗ Mù u có giá từ 17 – 20 triệu đồng (giá bán tại làng), 7-8 triệu/khối gỗ xẻ.

Cây mù u

Bàn ghế làm từ gỗ mù u

Nhóm tài nguyên cây thuốc

Tài nguyên cây thuốc ở làng Đại Bình ghi nhận có 87 loài. Các loài có giá trị cao, triển vọng phát triển là: Thuốc mọi, nàng nàng hai, Giảo cổ lam, Hoàng đằng.

Thuốc mọi (Polyalthia sp.), tên gọi khác là Thuốc thượng, là cây bụi nhỏ, cao 1-3 m, mọc chủ yếu trong rừng cấm. Người dân địa phương dùng thân lá đun nước tắm chữa bệnh ngứa ghẻ.

Nàng nàng hai (Laportea disepala), là cây thảo, cao 20 – 30 cm, cây sống hàng năm, tái sinh mạnh bằng hạt, mọc ở ven đường, vườn cây ăn trái. Dùng thân, lá giã đun với muối chữa mẩn ngứa và ho, đây là tri thức của người Cơ Tu, người dân Đại Bình đã kế thừa tri thức này và sử dụng phổ biến, rất có hiệu quả đối với trẻ sơ sinh bị ho.

Thuốc mọi

Nàng nàng hai

Giảo cổ lam (Gynostemma pentaphyllum) là cây dây leo, sống nhiều năm, mọc ở ven đường, hàng rào trong khu dân cư. Đây là cây thuốc quý đã được nghiên cứu về công dụng và thị trường hóa. Giảo cổ lam có tác dụng….Người dân Đại Bình chưa khai thác và sử dụng cây thuốc này, việc phát hiện Giảo cổ lam có phân bố ở Đại Bình là phát hiện mới, có thể phát triển nguyên liệu để sản xuất trà túi lọc.

Hoàng đằng (Fibraurea tinctoria) là cây dây leo to, rễ có màu vàng tươi, cây phân bố nhiều ở khu vực gò đồi xung quanh làng, đây là cây thuốc quý hiếm, đây là nguyên liệu chính để sản xuất thuốc berberin chữa bệnh lỵ, tiêu chảy.

Giảo cổ lam

Hoàng đằng

Rễ cây Hoàng đằng

Nhóm cây ăn quả

Tài nguyên cây ăn quả ở làng Đại Bình rất đa dạng và đặc sắc, với diện tích hơn 30 ha và 34 chủng loại cây ăn quả, trong đó đặc sắc là Bưởi trụ, Hường, Sầu riêng.

Bưởi trụ lông: Theo thông kê ban đầu, toàn làng có khoảng 4000 cây trưởng thành, sản phẩm đã được đăng ký OCOP năm 2018, giá bán 20.000- 25.000 đồng/kg. Thị trường tỉnh Quảng Nam, Đà Nẵng, Hội An và Tam Kỳ. Sản lượng tiêu thụ khoảng 8 tấn (năm 2020).

Bưởi trụ lông

Sầu riêng bản địa: Đây là giống sầu riêng được đưa về trồng ở Đại Bình từ những năm 1940 và đã phù hợp với vùng đất này, hiện tại trong làng có khoảng 2300 cây. Giá bán 100-120 ngàn đồng/kg.

Sầu riêng

Hường: Cũng làm một trong những cây ăn quả nổi tiếng và phổ biến của làng, thống kê hiện có khoảng gần 900 cây, giá bán 30.000 – 40.000 đồng/kg.

Hường

Nhóm lương thực, thực phẩm

Nhóm tài nguyên cây lương thực thực phẩm có các nhóm cây: Dầu béo, lương thực và rau ăn, gia vị.

* Nhóm cây dầu béo: Có 3 loài phổ biến là Mè trắng, Mè đen và Đậu phụng. Dầu mè đen đã được đăng ký sản phẩm OCOP năm 2019, giá bán trên thị trường 300.000 đồng/lít, công suất sản xuất 2000 lít/năm. Đậu phụng có diện tích khoảng 10-15 ha, sản lượng 8-9 tấn/ha, 3kg đậu cho 1 lít dầu, giá bán 20.000-25.000/kg đậu và 100.000-120.000 đồng/lít dầu.

* Nhóm tài nguyên cây lương thực: Có 11 loài. Trong đó, ngoài những cây lương thực truyền thống như lúa, ngô, sắn thì cây Ngải (Maranta arundinacea) là loài cây cho tinh bột triển vọng và có thể phát triển thành sản phẩm du lịch của làng. Ngải là loại cây thảo, có củ, trồng ở chân ruộng thấp. Củ thu hái chế biến bột làm bánh, 1kg bột có giá 100-120ng/kg, bột chủ yếu là bánh thuẫn, hiện tại tại làng có 2-3 hộ làm bánh, giá bán 35.000 đồng/chục.

* Nhóm tài nguyên rau ăn, gia vị: Kết quả điều tra xác định có 37 loài rau ăn, gia vị được trồng và mọc hoang dại tại làng Đại Bình, trong đó có 02 loài triển vọng: Rau sen, Rau sắng8 Rau sen (Strophioblacchia fimbricalyx) là dạng cây bụi, cao 50-150 cm, đây là loại rau ăn có nguồn gốc hoang dại tại làng, cây mọc ở hàng rào, dưới tán cây ăn trái, thu hoạch ngọn và lá non làm rau ăn, rau ăn có vị ngọt thanh, giá bán

khoảng 25.000-30.000 đồng/kg rau tươi. Kết quả phân tích đã khẳng định giá trị dinh dưỡng cao của loại rau này (Bảng 1).

4.2. Bảng kết quả phân tích dinh dưỡng cây Rau sen

CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG LÂM ĐỒNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

VILAS 245

Trụ sở chính: 230 Hoàng Văn Thụ, F1, TP.Bảo Lộc ĐT: 0263 3833159 - 3753999
Chi nhánh : 18 Trần Phú, F3, TP.Đà Lạt Fax: 0263.3533159 - 3742222

Số: 348 /TT-TĐC
Ngày phát hành: 06/4/2021

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: **RAU SEN**
2. Ký hiệu mẫu: **67/HL-ĐL**
3. Thời gian gửi mẫu: 31 - 3 - 2021
4. Phương pháp:
5. Tên, địa chỉ khách hàng: **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ MASTERY**
79 Ngô Mây, Phường Hòa Xuân, Quận Cẩm Lệ, Tp. Đà Nẵng.
6. Kết quả:

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị tính(**)	Kết quả	Phương pháp
1	Hàm lượng tro, %	6,69	TCVN 5105:2009
2	Hàm lượng Gluxit, %	61,67	TCVN 4594:1988
3	Hàm lượng Lipit, %	2,24	TCVN 3703:2009
4	Hàm lượng Acid amin, %		
	Leucine	1,551	WRT/TM/LC/01.89:2019(HPLC/FLD)
	Alanine	1,589	
	Arginine	1,008	
	Aspartic acid	1,596	
	Cystine	0,027	
	Glutamic acid	1,770	
	Glycine	1,630	
	Histidine	0,250	
	Isoleucine	0,687	
	Lysine	0,930	
	Methionine	0,243	
	Phenylalanine	0,697	
	Proline	2,093	
	Serine	1,109	
	Threonine	0,922	
	Tyrosine	0,528	
	Valine	0,960	

PHỤ TRÁCH LABO

Nguyễn Văn Trường

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM KỸ THUẬT - TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

Nguyễn Thị Hải

1. Kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
2. Không được trích, sao kết quả này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.
3. Tên mẫu, ký hiệu mẫu được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
4. (*) Chỉ tiêu chưa xin VILAS công nhận ISO/IEC 17025:2005; (**) Chỉ tiêu do phòng thí nghiệm nhà thầu phụ thực hiện.
5. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn xác định của phương pháp.

BM-TN00-03 Lần ban hành: 9

Rau sắng (Melientha suavis) là cây bụi hoặc gỗ nhỏ, phân bố dưới tán cây trong rừng cấm, đây là loại rau ăn có giá trị ở vùng phía Bắc (chùa Hương), Rau sắng cũng là cây có tên trong sách đỏ, thang đánh giá VU (sẽ nguy cấp). Việc ghi nhận phân bố Rau sắng ở Đại Bình sẽ mở ra tiềm năng phát triển nguồn rau này, bổ sung thêm một loài rau hoang dại, có giá trị cho làng. Theo tài liệu phân tích, trong 100g rau sắng có khoảng 6,5 - 8,2g protit, 0,23g lysin, 0,19g methionin, 0,08g tryptophan, 0,25g phenylanalin, 0,45g treonin, 0,22g valin, 0,26g leucin và 0,23g isoleucin, 11,5 mg vitamin C, 0,6 mg carotene…

Rau sen

Rau sắng

Nhóm cây cho tinh dầu

Kết quả điều tra ghi nhận có 8 loài cây cho tinh dầu, trong đó cây triển vọng phát triển là: Bưởi, Màng tang.

Bưởi và nhóm cây có múi là một trong những nguyên liệu chưng cất tinh dầu sẵn có tại làng, một lượng lớn lá bưởi sau khi tỉa cành, quả bưởi trái mùa hiện tại đang bỏ đi, đây là nguồn nguyên liệu chưng cất tinh dầu bưởi. 2-4 triệu/lít.

Màng tang (Litsea cubeba): là cây gỗ nhỡ, phân bố ở gò đồi quanh làng, lá, cành non, quả có nhiều tinh dầu, giá trên thị trường 2-3 triệu/lít.

Lá bưởi

Màng tang

Nhóm cây cảnh

Nhóm tài nguyên cây cảnh ở Làng Đại Bình có 66 loài, trong đó cây Cau, Mai vàng và Chè tàu là cây cảnh triển vọng, có vai trò quan trọng đối với cảnh quan của làng.

Cau (Areca catechu) là loài cây trồng nhiều ở làng liên quan đến nghề làm cau khô trước đây, hình ảnh những hàng cau trước nhà, dọc đường làng…đã tạo ra một ấn tượng cảnh quan thôn quê cho du khách. Cần xem cây cau không chỉ là cây cho quả mà còn là cây cảnh quan trọng của làng.

Mai vàng (Ochna integerrima) là dạng cây bụi hoặc gỗ nhỏ, được trồng nhiều trong mỗi gia đình, mai vàng nở hoa dịp tết đã tạo một cảnh quan đặc sắc chung cho làng, cần duy trì và bổ sung đối tượng này, đặc biệt những giống bản địa, hoa có mùi thơm.

Chè tàu (Acalypha siamensis) là cây bụi, trồng làm hàng rào phổ biến trong mỗi gia đình, chè tàu đã khẳng định được vai trò cảnh quan khi thành hàng rào xanh trong làng.

Cau

Mai vàng

Chè tàu

Nhóm cây cho sợi

Có 4 loài: Dây móng bò (Bauhinia glauca), Dây cóc (Neuropeltis sp.), Mây nước (Calamus sp.) và cây Giang (Bambusa sp.) đây là những cây trước đây dùng làm dây buộc khi người dân đi lấy củi, đan lát. Hiện tại nhóm cây này không được khai thác vì có vật liệu khác thay thế.

Dây móng bò

Dây cóc

Mây nước

Nhóm cây màu nhuộm

Thuộc nhóm cây màu nhuộn phân bố ở Đại Bình có 2 loài: Nhàu nhuộm (Morinda tomentosa) và Sòi tía (Sapium discolor). Người dân Đại bình không sử dụng những cây này để nhuộm màu nhưng theo kinh nghiệm ở vùng khác (phía Bắc), lá Sòi tía nhuộm cho màu thâm đen (vải thâm), vỏ cây Nhàu rừng cũng cho màu đen khi nhuộm.

Nhàu nhuộm

Sòi tía

Nhóm cây cho nhựa

Tại Đại Bình, một loài cây cho chất nhựa dính là cây Bời lời nhớt (Litsea glutinosa), vỏ cây là nguyên liệu sản xuất nhang để tạo tính kết dính của bột nhang, cũng nhờ tính chất kết dính của nhựa vỏ mà từ xa xưa (khoảng 160 năm về trước) ở Đại Bình đã có ngôi nhà được xây dựng từ nguyên liệu: Vôi tôi + cát + nước vỏ cây Bời lời. Hiện tại ngôi nhà vẫn tồn tại và được xem là nhà cổ của làng, đây là một điểm có thể xây dựng thành điểm thăm quan vì tính chất cổ kính và độc đấu trong kiến trúc

Bời lời nhớt

Nhà được xây bằng nhựa cây bời lời nhớt

4.3. Tình hình khai thác, sử dụng tài nguyên thực vật

Tình hình khai thác các nhóm tài nguyên thực vật

Tình hình khai thác và sử dụng các nhóm tài nguyên ở làng Đại Bình có sự thay đổi về thời gian, có nhóm tài nguyên đã mai một, có nhóm đang được khai thác phổ biến và có nhóm chưa được khai thác: - Nhóm tài nguyên đã mai một: Mía đường, dâu tằm - Nhóm tài nguyên đang khai thác phổ biến: Cây ăn quả, dầu béo (mè đen, đậu phụng) - Nhóm tài nguyên bị suy giảm: Cây gỗ - Nhóm tài nguyên triển vọng nhưng chưa khai thác phát triển: Cây thuốc, cây tinh dầu

Nông cụ sản xuất liên quan tài nguyên thực vật

Theo điều tra, có khoảng 24 nông cụ sản xuất được làm từ cây cối, trong đó có những nông cụ không còn sử dụng nhưng còn nhiều nông cụ vẫn đang được sử dụng (Bảng 3).

Vì vậy nếu không có vật liệu thay thế thì cây cối vẫn là 18 vật liệu chính để chế tác nông cụ phục vụ sản xuất, sinh hoạt. Ngoài ra, việc xây dựng bảo tàng những nông cụ truyền thống cũng sẽ là một địa điểm thăm quan.

Bảng 3. Danh sách nông cụ chế tác từ cây cối

TT	Nông cụ	Nguyên liệu
1.	Bàn	Gỗ mít
2.	Bầu	Mây
3.	Đòn gánh	Tre
4.	Đòn sóc	Gỗ
5.	Dừng	Tre, mây
6.	Ghế	Gỗ mít
7.	Giá tráng mì	Tre
8.	Giỏ gánh củi	Tre, mây
9.	Giỏ hái dâu	Tre, mây
10.	Gióng	Mây
11.	Giương	Gỗ mít
12.	Giường thùng	Gỗ mít
13.	Khuôn bánh in	Gỗ mít
14.	Mầm gỗ	Gỗ mít
15.	Nia	Tre, mây
16.	Nong phơi	Tre, mây
17.	Ống đựng đũa	Tre
18.	Ống mực	Gỗ mít
19.	Rế	Tre, mây
20.	Rổi	Tre, mây
21.	Sàng	Tre, mây
22.	Thang tre	Tre
23.	Thúng	Tre, mây
24.	Tủ	Gỗ mít

5. Kết luận về sinh thái tự nhiên

Thuận lợi	Khó khăn
- Tài nguyên thực vật làng Đại Bình rất đa dạng, với 273 loài thuộc 10 nhóm tài nguyên. - Tài nguyên thực vật làng Đại Bình có vai trò quan trọng đối với hệ sinh thái và sự phát triển kinh tế của làng, đặc biệt là tài nguyên thực vật trong khu vực rừng cấm (các loài cây gỗ quý hiếm).	- Tài nguyên cây gỗ, cây thuốc bi suy giảm do khai thác hoặc môi trồng sống bị phá hủy. - Tài nguyên cây thuốc chưa được chú ý khai thác, bảo tồn và phát triển. - Diện tích và chủng loại cây ăn quả chưa đáp ứng cho mục tiêu phát triển du lịch sinh thái.
- Tài nguyên cây ăn quả, lương thực, thực phẩm là nhóm tài nguyên đang được khai thác mạnh và thường xuyên. - Tài nguyên cây ăn quả và cảnh quan là yếu tố quan trọng đối với phát triển du lịch sinh thái làng Đại Bình.	- Sản phẩm tài nguyên thực vật đặc trưng của làng: Bưởi trụ, sầu riêng, Rau sen, Sản phẩm từ trầm, bánh thuẫn, giá đỗ. Tuy nhiên sản phẩm chế biến sau thu hoạch còn hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu của du khách. - Vành đai xanh bị suy giảm do tác động của gió bão, xói mòn và sức ép từ gia tăng diện tích cây ăn quả. Dẫn đến sự tác động của gió bão vào cây cối trong làng ngày càng lớn. Khi đó sẽ khiến mất mùa làm thu nhập của người dân giảm sút. - Rừng chủ yếu là cây keo làm mất cân bằng hệ sinh thái, làm giảm chất lượng trái cây. Rừng keo chủ yếu là tư nhân gây khó khăn trong điều chỉnh quy hoạch. - Bụi than từ nhà máy nhiệt điện làm suy giảm khả năng đậu trái của cây ăn quả trong làng.

6. Kết luận về nông nghiệp

Thuận lợi	Khó khăn
- Có những loại trái cây và rau đặc trưng mà vùng khác không có: Bưởi trụ, rau Sen. - Đất làng Đại Bình rất phù hợp với cây có múi. - Làng Đại Bình đã được định vị là làng trái cây ngon. - Có diện tích trồng cây ăn quả lớn nên đã ra sản lượng trái cây lớn, phục vụ một lượng nhất định cho du khách.	- Các tri thức nông nghiệp đang dần bị mai một do không được ghi chép và truyền thụ, cập nhật thêm tri thức mới. - Trong làng chỉ có ông Khánh là người nghiên cứu về nông nghiệp. - Giá bán của bưởi trụ lông đang thấp hơn bưởi da xanh làm bà con đổ xô đi trồng bưởi da xanh. Dẫn đến nguy cơ suy giảm giống cây bản địa, mất đi nét đặc trưng của làng Đại Bình. - Rau Sen chưa được xem là sản phẩm quan trọng để phát triển kinh tế mà chỉ được xem là sản phẩm rau bình thường. Người dân chưa tự hào về rau Sen dẫn đến chưa có hành động giới thiệu đến du khách về một loại rau đặc trưng của làng.

7. Đề xuất hướng phát triển

- Duy trì và củng cố "bức tường xanh" dọc bờ sông và phía đầu làng để chống sạt lở và gió bão. Sử dụng các loài cây bản địa có khả năng chống chịu điều kiện mưa bão, cây Rù rì bãi trồng ở phía ngoài cùng, tiếp đến là lũy Tre gai và cây Giáng hương.

- Bảo vệ rừng cấm, xem đây là "van điều hòa" cho cả hệ sinh thái của làng. Một số vấn đề cấp thiết ở rừng cấm cần giải quyết:

+ Xác định ranh giới của rừng cấm và xây dựng cơ chế quản lý bảo vệ - Không chặt cây và chăn thả trâu bò trong cấm

+ Không chôn cất người chết trong cấm

+ Cần bảo tồn khẩn cấp nguồn gen cây Huỳnh đàn trong cấm vì đây là loài cây gỗ quý hiếm. Trước mắt cần kiểm đếm số lượng, xác định tọa độ, lập hồ sơ quản lý.

+ Nhân giống, trồng bổ sung các loài cây gỗ lớn: Huỷnh, Huỳnh đàn, Trai, Mít nài, Mù u…

- Mở rộng diện tích trồng cây ăn trái trên cơ sở chuyển đổi diện tích trồng keo có độ dốc thấp, có thể xây dựng hệ thống nước tưới ở những khe cạn, chân đồi.

- Xây dựng chiến lược phát triển bền vững cho bưởi trụ như quy hoạch diện tích, nghiên cứu về giống, kỹ thuật canh tác, giải pháp ứng phó bão lũ, quảng bá sản phẩm, hỗ trợ hộ dân trồng bưởi trụ.

- Đa dạng hóa cây ăn trái phù hợp để tạo ra sự đa dạng sản phẩm theo mùa, một số cây ăn trái đã được thử nghiệm và khẳng định sự phù hợp, cần đánh giá và nhân rộng như: Bưởi da xanh, vú sữa, ổi…Cần phát triển thêm cây ăn trái ngắn ngày như đu đủ, chuối, táo...

- Về lâu dài, cần có những sản phẩm chế biến (sau thu hoạch) từ trái cây của làng. Như sản phẩm sấy khô, đóng hộp, nước lên men, nước ép trái cây…

- Thử nghiệm trồng một số loài cây thuốc phù hợp (Giả cổ lam, Đinh lăng, Hoàng đằng…), hướng tới những sản phẩm thảo dược.

- Duy trì và phát triển ngành nghề và sản phẩm có nguyên liệu là tài nguyên thực vật: Nghề làm trầm hương, nghề mộc, sản phẩm dầu mè, giá đỗ, sản phẩm bánh... Cần đa dạng sản phẩm để hướng tới khách du lịch đặc biệt là hương trầm, bánh thuẫn

- Khai thác nguồn nguyên liệu tinh dầu từ nhóm cây có múi (Bưởi, cam, hường…), phát triển nguồn nguyên liệu tiềm năng (màng tang, sả, hương nhu…)

- Tăng diện tích và chủng loại cây rau ăn có nguồn gốc địa phương: Rau sen, rau sắng.

- Sản xuất một số sản phẩm trà túi lọc từ nguyện liệu tại chỗ: Trà xanh, Đinh lăng, giảo cổ lam.

- Phát triển cây cảnh quan bản địa phục vụ trồng cây ven đường, một số đối tượng tiềm năng: Huỳnh đàn, Giáng hương, Bằng lăng, Mít nài. Đặc biệt trong cảnh quan thôn xóm cần duy trì và phát triển cây cau, cây mai vàng.

- Xây dựng các điểm thăm quan (như điểm: Cây mù u cổ thụ, nhà cổ, cơ sở sản xuất nghề truyền thống) và các tuyến thăm quan (tuyến dọc đường làng mùa hoa bưởi, tuyến quanh rừng cấm, tuyến vào dinh Hố chuối, tuyến dọc sông Thu Bồn…

*Văn hóa

Làng Đại Bình vẫn còn lưu giữ một số tài nguyên nhân văn có giá trị văn hóa đặc biệt quan trọng có thể tận dụng làm điểm thu hút du khách đến làng, đồng thời đây cũng là những giá trị mang tính lịch sử cần được bảo tồn.

Phi vật thể:

i. Hát tuồng cổ

Nghệ thuật hát tuồng cổ đã được hình thành từ rất lâu đời với các gánh hát của ông Chơn, Phó Hường và gần đây là ông Đỗ Tám đã đi vào lòng người như một món ăn tinh thần không thể thiếu của người dân Đại Bình nhưng hiện nay, những tinh hoa ấy dường như đang mai một. Đây là nét văn hóa đặc trưng của Đại Bình cần phải khôi phục và phát triển trong văn hóa truyền thống của làng vào những dịp lễ tết cũng là điểm mạnh thu hút khách du lịch tham gia khám phá.

ii. Các lễ hội, lễ nghi

Làng Đại Bình còn bảo lưu nhiều lễ hội, lễ nghi gắn với tín ngưỡng dân gian. Đặc biệt, vào những ngày xuân, người dân tiến hành các nghi lễ như cúng Âm linh vào ngày 16 tháng Giêng, cúng đền thờ Nghĩa Trũng vào ngày Rằm tháng Giêng, lễ Khai sơn ở Hố Chuối và ngày 20 tháng Giêng, cúng Tiền hiền vào Rằm tháng Giêng... Lễ hội truyền thống của làng luôn được người dân nơi đây coi trọng, giữ gìn nếp sống, phong tục tập quán tốt đẹp của làng.

iii. Các nghề truyền thống

- Mía đường
- Trồng dâu nuôi tằm
- Nghề mộc
- Trầm hương
- Nghề làm giá
- Nấu rượu
- Làm bánh.

Trong các ngành nghề trên, nghề mía đường, trồng dâu nuôi tằm trước đây là thế mạnh của làng nhưng đến năm 2018 đã tạm dừng, không hoạt động. Từ năm 2019 đến này, nghề nuôi tằm đã được phục hồi nhưng nuôi tằm không phải lấy tơ mà nuôi tằm để lấy tằm làm thực phẩm. Cần có phương án khôi phục nghề tơ tằm gắn với hoạt động du lịch.

Ngoài ra, sự thân thiện, hiền hậu người dân bản địa cũng là một giá trị có thể khai thác, quảng bá nhằm thu hút du khách.

***Vật thể:**

Là một làng thuần nông nên người dân nơi đây vẫn còn giữ được nhiều công cụ, vật dụng liên quan đến sản xuất nông nghiệp, săn bắt và sinh hoạt hàng ngày của gia đình. Những vật dụng, công cụ sản xuất thể hiện rõ sự sáng tạo của người nông dân qua các thời kỳ. Một số vật dung có giá trị thẩm mỹ cao như khuôn đúc bánh in, rương đựng thóc, giỏ hái dâu, mâm gỗ. Hiện tại ở Làng Đại Bình còn một số hộ dân vẫn còn lưu giữ nhiều hiện vật cổ có thể tận dụng làm bảo tàng lịch sử thu hút khách du lịch như nhà bác Hùng trưởng làng.

BÀN ĐỘC

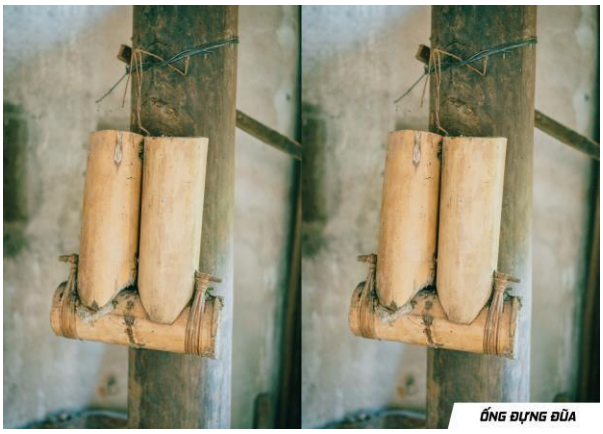

ỐNG ĐỰNG ĐŨA

CÁI RẾ TREO

GIỎ HÁI DÂU

DỤNG CỤ LÀM VƯỜN

MÂM GỖ

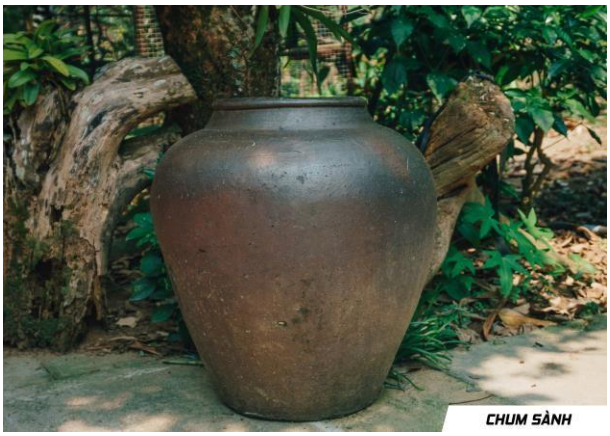

CHUM SÀNH

CÁC LOẠI DAO RỰA

CỐI XOAY BỘT

CỐI ĐÁ CÁC LOẠI

Làng còn giữ được những công trình tôn giáo, tín ngưỡng như: Chùa Đại Bình, các nhà thờ tộc, các miếu thờ,…

MIẾU NGHĨA TRŨNG

MIẾU BÀ NGŨ HÀNH THÁNH PHI

Hai cây mù u cổ thụ (hiện tại chỉ còn một cây vì cơn bão năm vừa rồi đã xô đổ một cây) là nhân chứng sống của ngôi làng, cần được đăng ký di sản và bảo tồn. Rừng Cấm là nơi quan trọng, là điểm tham quan nguyên sơ cần được gìn giữ, phát huy những giá trị lâu đời về bảo vệ rừng của làng.

RỪNG CẤM

CÂY MÙ U HƠN 300 TUỔI

Cây mù u Ông bị bão xô đổ

Giếng cổ được đào trước năm 1975 cũng là di sản quý còn lưu giữ ở làng Đại Bình đó là giếng Tiên. Cổng làng Đại Bình ở gần bến sông rất lớn lưu lại dấu tích xưa.

Khẩu súng thần công là một hiện vật lịch sử quan trọng nhưng đã bị thất lạc. Đơn vị tư vấn vẫn đang liên lạc để tìm lại khẩu súng thần công bị mất.

Trong làng còn có khoảng 3, 4 ngôi nhà cổ. Trong đó, có 02 ngôi nhà cổ nổi bật với tuổi đời hơn 100 năm, lần lượt là 125 năm và 165 năm. Đây chính là giá trị vật thể quan trọng để tạo điểm tham quan cho du khách về lịch sử lâu đời của làng Đại Bình.

NHÀ CỔ HƠN 125 NĂM TUỔI

NHÀ CỔ HƠN 165 NĂM TUỔI

CHƯƠNG 5:
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH LÀNG ĐẠI BÌNH, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Sứ mệnh phát triển du lịch làng Đại Bình.

“Tạo ra làng phát triển bền vững về kinh tế - văn hóa – xã hội.”

2. Định hướng phát triển du lịch làng Đại Bình giai đoạn 2021 – 2025 và tầm nhìn đến 2030.

2.1. Định hướng phát triển loại hình và sản phẩm du lịch giai đoạn 2021 – 2025 và tầm nhìn đến năm 2030

Mục tiêu: Xác định được các loại hình hoạt động và các sản phẩm có khả năng làm hài lòng khách du lịch.

Căn cứ vào tài nguyên du lịch của làng Đại Bình, nhu cầu du lịch và cơ sở vật chất, kỹ thuật hiện có. Định hướng về sản phẩm du lịch của làng Đại Bình bao gồm các nhóm sản phẩm du lịch sau:

i. Nhóm sản phẩm du lịch tham quan, tìm hiểu, trải nghiệm văn hóa bản địa

Giá trị các tài nguyên du lịch tuy phong phú nhưng giữa chúng có sự khác nhau về đặc điểm và khả năng thu hút đối với khách du lịch. Mặt khác, hoạt động du lịch bị chi phối bởi thời gian, chi phí nên đòi hỏi phải lựa chọn được các tài nguyên có thể tạo được sản phẩm phù hợp nhất với thị trường du lịch. Căn cứ và mức độ đáp ứng nhu cầu của thị trường du lịch và giá trị của tài nguyên du lịch ở làng Đại Bình, chúng tôi phân loại thành 2 nhóm sản phẩm tham quan, tìm hiểu sau:

- Các vườn cây ăn quả của hộ nông dân: Bố trí vườn cây, quan sát sắc màu, hình dáng, thưởng thức hương thơm mùa ra hoa, quan sát và thưởng thức hương vị các loại quả nhiệt đới vào mùa thu hoạch.

- Tìm hiểu kỹ thuật trồng, chăm sóc vườn cây ăn trái và quá trình sinh trưởng của các loại cây.

- Trải nghiệm trồng, thu hoạch, lựa chọn trái cây…

- Tham quan kiến trúc nhà ở, phong cảnh làng quê, bến nước…

ii. Sản phẩm ẩm thực đặc sản và mua sắm hàng hóa địa phương

- Ẩm thực: Ẩm thực đặc sản địa phương nổi tiếng gồm

+ Thức ăn từ sản phẩm chăn nuôi: Các món ăn chế biến từ thịt gà, thịt bò,..

+ Thức ăn từ ngành trồng trọt: Trái cây Đại Bình, mít trộn, rau rừng

+ Thức ăn từ ngành thủy sản: Các loại cá tự nhiên của sông Thu Bồn, cá suối,

hồ

- Mua sắm hàng hóa địa phương: Đồ lưu niệm bằng gỗ trầm hương của các cơ sở thủ công mỹ nghệ Đại Bình.

iii. Nhóm sản phẩm du lịch tâm linh và trải nghiệm văn hóa địa phương

- Tham gia lễ hội Bà Thu Bồn: Trải nghiệm và thực hiện nhu cầu tâm linh. Du khách được chứng kiến truyền thuyết linh thiêng về Bà Thu Bồn với nhiều đức tính nhân văn, trọng nghĩa, giúp đỡ nhân dân lao động qua điển tích, vật chứng. Việc khôi phục các nông sản (trái cây, lương thực, thuốc nam) được Bà trợ giúp sẽ tạo được sản phẩm độc đáo góp phần hoàn thiện nhu cầu tâm linh của khách du lịch.

- Tìm hiểu và trải nghiệm tín ngưỡng của làng Đại Bình qua miếu thờ Ngũ Nương Công Chúa, Miếu Nghĩa Trũng, Dinh Hố Chuối,…

iv. Nhóm sản phẩm du lịch sinh thái tự nhiên, giải trí

- Thăm quan rừng Cấm, trải nghiệm "tắm rừng" và ngồi lắng nghe các âm thanh trong khu rừng. Chụp ảnh checkin tại rừng Cấm

- Đi bộ, leo núi khám phá Giếng Tiên.

v. Hệ thống sản phẩm du lịch Đại Bình

-Bao gồm tất cả các điểm dịch vụ tiếp đón, giải trí tham quan, trải nghiệm, nghỉ ngơi, thưởng thức…

- Trên cơ sở hệ thống tài nguyên bên trong làng cũng như các giá trị khác trên địa bàn huyện, định hướng xây dựng các tour nội bộ và tour liên kết trong huyện *(phụ lục 1)*

-Hệ thống tài nguyên, được diễn họa thành bản đồ cho tiết theo địa điểm thực tế *(phụ lục 3)*

vi. Định hướng quảng bá xúc tiến du lịch và phát triển thị trường khách du lịch giai đoạn 2021 – 2025 và tầm nhìn đến 2030

i. Thị trường khách du lịch nội địa

- Thị trường mục tiêu: Các đô thị lân cận như Đà Nẵng, thành phố Tam Kỳ, thành phố Quảng Ngãi và khu kinh tế Chu Lai.

Trong nhiều năm trước đây, chưa có thống kê cụ thể về lượng khách du lịch đến tham quan du lịch. Tuy nhiên, qua khảo sát thực tế các điểm du lịch vào dịp mùa du lịch cao điểm cho thấy, khách du lịch đến làng Đại Bình chủ yếu là khách nội tỉnh và khách đến từ các tỉnh thành lân cận như Đà Nẵng, Quảng Ngãi. Hình thức đi du lịch chủ yếu là theo nhóm tự liên kết (theo gia đình, bạn bè, cơ quan tổ chức, cá nhân...). Số lượng khách du lịch do các công ty du lịch tổ chức hầu như chưa có. Hầu hết khách du lịch cho biết, họ nhận biết thông tin về sản phẩm du lịch là từ người địa phương, bạn bè hoặc đã từng công tác ở huyện Nông Sơn. Số còn lại là khách du lịch kết hợp công tác và khách du lịch hồi hương.

Khách du lịch đến Đại Bình chủ yếu do sức hút của trái cây Đại Bình.

- Thị trường tiềm năng.

Căn cứ vào xu hướng phát triển của du lịch và tiềm năng về tài nguyên du lịch của làng Đại Bình có thể khẳng định rằng: Làng Đại Bình có thế mạnh về sản phẩm du lịch trải nghiệm nông thôn. Do vậy, cần phải đẩy mạnh khai thác các thị trường tiềm năng khác như:

+ Thị trường khách du lịch đến Đà Nẵng, Hội An và Mỹ Sơn.

+ Thị trường khách các huyện phụ cận

ii. Thị trường khách du lịch quốc tế

Trong thời gian trước mắt, việc tiếp thị khách quốc tế đến làng Đại Bình sẽ rất khó có hiệu quả, đặc biệt đối với khách đi theo các tour du lịch. Trong tương lai, khi những trở ngại về thủ tục xuất nhập cảnh được đơn giản hóa và xu hướng du lịch tự do phát triển thì có triển vọng tăng đáng kể về khách quốc tế. Do vậy, định hướng đối với thị trường khách quốc tế là thông qua mạng lưới internet để cung cấp thông tin về sản phẩm du lịch Nông Sơn nhằm tạo nền tảng cho đối tượng khách du lịch tự do. Đồng thời kết hợp khai thác và quảng bá tại các điểm du lịch ở Đà Nẵng, Hội An, Mỹ Sơn,… để tiếp cận khách du lịch quốc tế.

2.2. Định hướng đầu tư phát triển du lịch ở làng Đại Bình giai đoạn 2021 – 2025 và tầm nhìn đến năm 2030

i. Quan điểm đối với đầu tư phát triển du lịch ở Nông Sơn

- Đầu tư phát triển du lịch làng Đại Bình là một trong những nhiệm vụ phát triển kinh tế của huyện. Tiềm năng du lịch của làng Đại Bình được đánh giá có khả năng tạo được những sản phẩm du lịch có tính độc đáo nên thuận lợi cho việc liên kết với các công ty lữ hành ở Đà Nẵng, Hội An và Tam Kỳ. Tuy nhiên, thực trạng khai thác và sử dụng các tài nguyên này chưa hiệu quả. Do vậy, đầu tư vào du lịch sẽ là động lực thúc đẩy phát triển du lịch ở làng Đại Bình.

- Trách nhiệm đối với đầu tư cần phải xác định minh bạch và cụ thể giữa nguồn 3 nguồn vốn chính.

Đối với nguồn vốn của ngân sách nhà nước cần được sử dụng đầu tư nhằm thiết lập cơ sở hạ tầng, khung quản lý, quảng bá, giới thiệu thu hút khách du lịch và nhà đầu tư… Nguồn vốn ngân sách không nên sử dụng vào đầu tư kinh doanh dịch vụ du lịch.

Đối nguồn vốn của các nhà đầu tư: Căn cứ vào đặc điểm tài nguyên du lịch và giá trị của các sản phẩm du lịch của làng Đại Bình cho thấy các dự án vừa và nhỏ sẽ thuận lợi và có tính khả thi cao trong giai đoạn 2021 – 2025.

Đối với nguồn vốn xã hội (cộng đồng): Đây là nguồn vốn đóng vai trò quan

trọng đối với các mô hình du lịch dựa vào cộng đồng như du lịch làng Đại Bình.

- Tính hiệu quả của việc sử dụng vốn đầu tư phải được đặt lên hàng đầu. Nguồn vốn dù là của ngân sách, nhà đầu tư hoặc cộng đồng cũng cần được thực hiện theo các đề án cụ thể. Cần phải có quan điểm tạo điều kiện cho các nhà đầu tư sử dụng nguồn vốn đạt được hiệu quả cao.

ii. Định hướng các lĩnh vực đầu tư phát triển du lịch

Hiện nay, các tuyến giao thông chính nối Nông Sơn với các trung tâm du lịch như Đà Nẵng, Hội An, Tam Kỳ đã được nâng cấp. Giao thông đi lại từ các trung tâm này đến Nông Sơn chỉ mất khoảng 1 giờ. Đồng thời, hệ thống giao thông tiếp cận làng Đại Bình cũng đã được nâng cấp, phát triển. Đây là điều kiện thuận lợi để các công ty lữ hành mở rộng các tour du lịch từ làng Đại Bình kết nối với các điểm du lịch khác của huyện Nông Sơn. Do vậy, đầu tư cơ sở hạ tầng có vai trò quan trọng đối với khai thác thế mạnh về tài nguyên để thu hút khách, phát triển du lịch ở làng Đại Bình.

2.3. Định hướng khai thác và bảo vệ tài nguyên du lịch

- *Quan điểm khai thác và bảo vệ tài nguyên*: Việc khai thác các tài nguyên phải gắn liền với việc bảo vệ, tôn tạo và phát triển bền vững môi trường tự nhiên, thúc đẩy hoạt động kinh tế - xã hội phát triển bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa. Khai thác phải gắn liền với bảo vệ và ngược lại, bảo vệ để phục vụ cho hoạt động khai thác.

- *Mục tiêu khai thác và bảo vệ tài nguyên*: Tập trung khai thác và bảo vệ nguyên trạng các tài nguyên, từng bước đưa các loại tài nguyên có giá trị vào hình thành các sản phẩm du lịch hấp dẫn phục vụ khách.

Làng Đại Bình cần phải được xác định là một báu vật của văn hóa và du lịch Quảng Nam để có định hướng khai thác đúng đắn và hiệu quả.

- Khai thác: Tập trung khai thác giá trị tài nguyên sinh thái và văn hóa cộng đồng phục vụ du lịch, trong đó khai thác sản phẩm vườn trái cây là động lực chính thúc đẩy khai thác giá trị văn hóa cộng đồng phục vụ du khách. Đến giai đoạn sau, phải hướng đến các giá trị văn hóa trở thành động lực cho phát triển du lịch. Để đảm bảo tính bền vững, cần khai thác vườn trái cây phục vụ du lịch và phục vụ thương mại để ổn định được diện tích và đời sống của người dân.

- Bảo vệ tài nguyên: Tập trung bảo vệ môi trường tự nhiên, đất đai, nguồn nước để duy trì và phát triển các sản phẩm trái cây. Mở rộng diện tích trồng cây ăn quả, tập trung bảo tồn nguồn gen, lai tạo nhân giống. Bảo vệ không gian và kiến trung cảnh quan của làng theo hướng giữ nguyên và phục dựng các giá trị truyền thống địa phương. Đồng thời, bảo tồn và phát triển các giá trị văn hóa cộng đồng làng xã để tạo ra không gian trãi nghiệm văn hóa cho du khách.

- Về phát triển không gian: chia không gian thành 03 khu vực, khu vực đầu

làng, cuối làng tập trung đầu tư phát triển dịch vụ; khu vực dân cư hiện hữu tập trung quản lý giữ nguyên hiện trạng, tránh bê tông hóa, chia nhỏ đất làm nhà ở (Phụ lục 4).

2.4. Định hướng phát triển du lịch làng Đại Bình giai đoạn 2021 - 2025.

a. Định hướng về mục tiêu chung

Mục tiêu chung trong phát triển du lịch làng Đại Bình là đưa làng Đại Bình trở thành điểm đến du lịch trọng tâm của huyện Nông Sơn, đóng vai trò là điểm nghỉlại cho du khách để tham quan các điểm du lịch khác trên địa bàn huyện. Tại đó thể hiện đầy đủ các yếu tố tự nhiên, văn hóa, xã hội đặc trưng của làng Đại Bình bằng những tour du lịch, trải nghiệm về ẩm thực, nghề truyền thống, lễ hội,… Từ đó, khách du lịch mong muốn lưu trú tại làng để cảm nhận sâu hơn về văn hóa, đời sống, xã hội.

Định hướng mục tiêu cụ thể

- Về thương hiệu làng Đại Bình, cần định vị làng Đại Bình là làng du lịch sinh thái trải nghiệm đời sống nông thôn Quảng Nam vào năm 2021. *(Cuộc sống hiện đại, đô thị hóa đã làm mất dần đi những giá trị của nông thôn thể hiện qua văn hóa, tín ngưỡng, quan cảnh,... Khi đó, con người sống trong đô thị mong muốn tìm kiếm trải nghiệm, không gian, đời sống nông thôn để đi du lịch. Làng Đại Bình có đầy đủ tất cả điều kiện tự nhiên, văn hóa, đời sống để được định vị trở thành một làng du lịch sinh thái trải nghiệm đời sống nông thôn Quảng Nam. Khi định vị làng Đại Bình như vậy giúp đào tạo, giáo dục tư duy, thói quen, hành vi của người dân làng Đại Bình để giữ được không gian văn hóa nông thôn Quảng Nam).*
- Về hoạt động lưu trú, bên cạnh nhà nghỉ 6 phòng đôi, từng bước phát triển dịch vụ lưu trú thông qua các loại hình homestay, famstay, nhà dù lưu động…
- Về hoạt động lễ hội: tiếp tục tổ chức Ngày hội VH-DL Đại Bình với quy mô ngày càng mở rộng, hình thức nội dung đa dạng, phong phú; các hoạt động hát tuồng, hô bài chòi phải do người địa phương thực hiện; đưa hoạt động lễ hội trái cây vào chương trình chính thức và là nội dung tạo điểm nhấn cho ngày hội.
- Về hoạt động thu hút đầu tư: từng bước kêu gọi các dự án đầu tư vào các điểm Rừng Cấm, Suối gần Dinh Hố Chuối, khu vực đầu làng và bãi sông, kéo theo sự phát triển kinh tế - văn hóa – xã hội làng Đại Bình. Giai đoạn 2025 -2030 thu hút đầu tư 03 mô hình du lịch nông nghiệp với diện tích mỗi khu từ 3ha trở lên.
- Về hoạt động bảo hộ thương hiệu, cần thuê đơn vị tư vấn có chuyên môn để thiết lập kế hoạch bảo hộ những nhãn hiệu tập thể của làng Đại Bình và hỗ trợ người dân thực hiện bảo hộ nhãn hiệu cho từng đơn vị kinh doanh. Đến năm 2023 hoàn thiện hồ sơ bảo hộ thương hiệu cho rau sen làng Đại Bình. Có giải pháp kịp thời để bảo hộ thêm về các giống cây trồng khác như sầu riêng bản địa, hường, mù u cổ thụ và các giá trị trí tuệ khác…

- Về nông nghiệp, cần gia tăng số lượng cây ăn trái ngắn ngày để có trái cây phục vụ khách du lịch quanh năm. Bổ sung các phương pháp canh tác nông nghiệp sinh thái và gia tăng chất lượng trái cây để phục vụ khách du lịch. Mở rộng vùng trồng cây ăn quả nói chung, bưởi trụ lông nói riêng trên địa bàn toàn huyện để đảm bảo nguồn hàng háng cho thị trường trong mùa du lịch cũng như chế biến thành các sản phẩm đặc trưng theo chuỗi giá trị… Bố trí đất trồng hoa Atiso vừa làm cảnh quan, vừa tạo ra sản phẩm phục vụ giải khát, quà tặng…
- Về giá bán nông sản, huyện Nông Sơn cần liên tục thiết lập những quy định về giá bán nông sản áp dụng cho những đơn vị kinh doanh trong làng để không xảy ra tình trạng phá giá, hạ giá nhằm nâng cao chất lượng trái cây và lọc đối tượng khách du lịch đến làng, hướng đến phục vụ đối tượng khách du lịch thuộc phân khúc trung đến cao cấp.
- Về kinh tế, cần tạo ra 01 mô hình kinh tế tuần hoàn trong làng Đại Bình nhằm thúc đẩy kinh tế làng phát triển theo hướng bền vững, qua đó đạt những chỉ tiêu về bảo vệ môi trường, giữ vững văn hóa, phát triển kinh tế.
- Về lâm nghiệp, chuyển đổi rừng keo thành rừng hỗn hợp để tạo ra nhiều nguồn thu và phục hồi, giữ vững hệ sinh thái tự nhiên, giúp cây trái trong làng có chất lượng cao hơn.
- Về sản phẩm chế biến sâu, cần lựa chọn rau Sen trở thành sản phẩm chế biến sâu như: Bột rau Sen dành cho trẻ em để bổ sung sắt, rau Sen sấy khô để bán đi các tỉnh khác; bưởi trụ làm nước ép, sấy lạnh; mứt bưởi, tinh dầu bưởi…
- Về vành đai xanh của làng, cần gia tăng diện tích che phủ của tre lên gấp đôi và trồng thêm cây rù rì vào năm 2022 nhằm mục tiêu giữ đất và bảo vệ làng Đại Bình trước mưa bão.
- Về thảm thực vật, cần trồng thêm cây gỗ quý như Huỷnh, Huỳnh Đàn, Giáng Hương,… (nhân giống cây bản địa trong làng Đại Bình) giúp giữ mạch nước ngầm và gia tăng lượng cây xanh để giảm tác động của gió bão và cân bằng hệ sinh thái.
- Về cây dược liệu, cần trồng bổ sung cây dược liệu có tính bản địa trong làng Đại Bình để sử dụng làm món ăn hàng ngày (như canh dược liệu) giúp gia tăng sức khỏe cho người dân và khách du lịch.
- Về sản phẩm du lịch có tính khác biệt, cần tập trung vào bưởi trụ, rau Sen, các món ăn đánh bắt từ dưới sông, các món canh dược liệu, trà Đinh lăng, hồng trà Đại Bình; không gian trưng bày nông cụ Đại Bình.
- Về truyền thông cho làng Đại Bình, cần dựa vào các lễ hội, ngày truyền thống của làng Đại Bình để truyền thông bằng cách mời các đơn vị báo đài về viết bài, đưa tin.
- Về marketing, cần tập trung vào các mạng xã hội, người nổi tiếng, các reviewer để mời họ đến làng phục vụ cho việc quảng bá về làng sinh thái đậm chất

nông thôn Quảng Nam.

- Về xử lý rác thải, cần đào tạo cho người dân trong làng hiểu được vai trò quan trọng trong việc giữ môi trường sạch thông qua phân loại rác thải và xử lý rác hữu cơ tại nhà. Cần có kế hoạch vận chuyển rác vô cơ ra ngoài làng để đảm bảo về vệ sinh môi trường. Mục đích chính là tạo thành sản phẩm du lịch bằng cách giới thiệu cho người dân đến làng về phương pháp xử lý rác thải thân thiện với môi trường.
- Về nguồn lực thực hiện:Bên cạnh nguồn lực của huyện bố trí hằng năm để đầu tư phát triển cần tranh thủ nguồn lực từ các đề án, chương trình của tỉnh; lồng ghép các chương trình dự án của huyện trên các lĩnh vực đâu tư phát triển nông thôn mới, phát triển kinh tế vườn, kinh tế trang trại; ocop, chuỗi giá trị; khoa học công nghệ, phát triển hợp tác xã, đồng thời tăng cường thu hút đầu tư một số dự án lớn; tăng cường huy động vốn đối ứng của các chủ thể liên quan, xã hội hóa để tổ chức các hoạt động… Phần đối ứng của các chủ thể, có thể vận dụng chính sách hỗ trợ vốn vay để đầu tư phát triển dịch vụ từ các nguồn lồng ghép như: Hỗ trợ phát triển kinh tế vườn, trang trại; hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng… Tập trung nguồn lực của nhà nước và các nguồn lồng ghép để đầu tư phát triển trong giai đoạn 2021-2025; giai đoạn 2026-2030 chủ yếu là thu hút đầu tư cho các dự án lớn để mở rộng không gian, người dân tự đầu dư các dịch vụ để phục vụ du lịch.

2.5. Định hướng mục tiêu theo từng giai đoạn

i. Giai đoạn cuối 2021 - 2023

*** Mục tiêu:** Định vị làng Đại Bình là làng du lịch sinh thái trải nghiệm đời sống nông thôn Quảng Nam, nhiều cây trái, an lành, hiếu khách

*** Chỉ tiêu:**

- Lượt khách đến: khoảng 25.000 đến 30.000 lượt khách/năm.
- Doanh thu: 10 tỷ - 12 tỷ.

+ Chi phí di chuyển (Thuê xe, đổ xăng, gửi xe, sửa xe): 100.000đ.

+ Chi phí ăn, uống (1 suất ăn buổi trưa): 100.000đ.

+ Chi phí mua sắm trung bình (tính cho mùa có trái cây và không có trái cây): 50.000đ.

+ Chi phí lưu trú chỉ tính cho 5% số khách và thời gian lưu trú: 250.000đ - 500.000đ.

- Dự án đầu tư:

+ Có dự án đầu tư vào làng để phát triển rừng cấm Đại Bình và khu vực suối ào ào cuối làng kết hợp với Giếng Tiên, dinh Hố Chuối, khẩu thần công, trang trại cây ăn quả tạo thành một tổ hợp sản phẩm với loại hình sinh thái, tâm linh.

+ Có 5 phòng đạt chuẩn homestay.

+ Có 04 quán ăn đạt chuẩn VSATTP.

+ Có 01 quán cafe với sức phục vụ 100 người.

+ Có 01 quán mát xa chân bằng dược liệu cho khách du lịch phục vụ 10 khách (2022).

+ Có 01 cửa hàng bán nông sản đặc sản làng Đại Bình (Chọn 01 cửa hàng bán trầm để làm cửa hàng bán nông sản và trầm hương - 2022).

+ Có 04 nhà vệ sinh công cộng

-Về thương hiệu: Đăng ký được thêm 01 sản phẩm OCOP.

-Nền tảng truyền thông:

+ 01 website,

+ 01 kênh youtube đạt 10.000 lượt xem

+ 01 fanpage facbook 1000 lượt thích giới thiệu về làng Đại Bình

-Lễ hội: Tổ chức được 03 lễ hội, sự kiện trong năm, thu hút được 2000 lượt khách/lễ hội

-Cơ sở hạ tầng:

+ Cải tạo xong đường trục chính của làng, đường bao.

+ Xây dựng xong bãi đậu xe, nhà đón tiếp, đường bộ cuối làng xuống dinh Hố Chuối

+ Trồng cây xanh cảnh quan dọc trục đường tránh phía sau làng

+ Trồng hoa hai bên đường toàn bộ các trục đường trong làng

-Hệ sinh thái, môi trường:

+ Thử nghiệm chuyển đổi rừng keo thành rừng đa mục đích có lợi ích kinh tế cao hơn

+ Trồng thêm 1ha vành đai xanh bằng cây tre bảo vệ làng phía bờ sông

+ Trồng cây gỗ lớn, phát bỏ dây leo trong rừng Cấm làng Đại Bình để gia tăng khả năng cản gió vào mùa bão

- Chương trình đào tạo, bồi dưỡng:

+ Đào tạo cho các homestay về kỹ năng buồng phòng phục vụ du khách

+ Đào tạo cho người dân trong làng hiểu được vai trò quan trọng trong việc giữ môi trường sạch thông qua phân loại rác thải và xử lý rác hữu cơ tại nhà

+ Đào tạo người dân làng Đại Bình trở thành hướng dẫn viên du lịch

+ Đào tạo cho người dân làng Đại Bình về phương pháp canh tác nông nghiệp mang lại năng suất, chất lượng cao."

+ Tổ chức tham quan, học tập kinh nghiệm làn du lịch cho các chủ thể liên quan trên địa bàn huyện nói chung, Đại Bình nói riêng.

-Trái cây:

+ Mở rộng quy mô trồng bưởi trụ, nâng cao chất lượng theo hướng lông ghép nguồn lực

+ Trồng các loại cây săn quả khác, cây ăn quả ngắn ngày để đa dạng sản phẩm trái cây trên cơ sở lồng ghép các chương trình phát triển kinh tế.

-Văn hóa:

+ Xây dựng lại CLB Tuồng, Hát Bài Chòi phục vụ chuyên nghiệp.

+ Xây dựng không gian trưng bày hiện vật về lao động sản xuất, đời sống văn hóa tinh thần của người dân địa phương.

-Du lịch

+ Xây dựng tour du lịch trong làng và ngoài làng với sự tham gia của các nông hộ và người dân nhằm mục tiêu nâng cao thu nhập của người dân.

+ Xây dựng tour liên kết

+ Xây dựng thông tin để cập nhật vào cổng du lịch thông minh.

ii. Giai đoạn cuối 2024 - 2025

Mục tiêu: Định vị làng Đại Bình là làng du lịch sinh thái nông nghiệp, đậm đà bản sắc văn hóa nông thôn Quảng Nam, thanh bình, hiếu khách

*** Chỉ tiêu:**

- Lượt khách đến: khoảng 30.000 đến 35.000 lượt khách/năm.
- Doanh thu: 12 tỷ - 15 tỷ.

+ Chi phí di chuyển (Thuê xe, đổ xăng, gửi xe, sửa xe): 100.000đ.

+ Chi phí ăn, uống (1 suất ăn buổi trưa): 120.000đ.

+ Chi phí mua sắm trung bình (tính cho mùa có trái cây và không có trái cây): 70.000đ.

+ Chi phí lưu trú chỉ tính cho 5% số khách và thời gian lưu trú: 300.000đ - 700.000đ.

- Dự án đầu tư:

+ Có dự án đầu tư phát triển trang trại nông nghiệp công nghệ cao, kết hợp với famstay ở khu vực đất nông nghiệp cuối làng; hệ thống quán par, cafe sinh thái văn sông

+ Có 10 phòng đạt chuẩn homestay

+ Có 05 quán ăn quán đạt chuẩn VSATTP

+ Có 02 quán cafe với sức phục vụ trên 100 người

+ Có 01 quán spa bằng dược liệu cho khách du lịch phục vụ 10 khách

+ Có 01 siêu thị mini đạt chuẩn

+ Xây dựng thêm nhà vệ sinh công cộng đảm bảo quy mô phục vụ khách

- Về thương hiệu: Đăng ký được thêm 01 sản phẩm OCOP. Tổng có 03 sản phẩm OCOP
- - Nền tảng truyền thông:

+ Có 01 website tich hợp nền tảng du lịch thông minh

+ 01 01kênh youtube đạt 30.000 lượt xem

+ fanpage facbook 3.000 lượt thích giới thiệu về làng Đại Bình

- Lễ hội: Tiếp tục nâng tầm lễ hội đê thu hút trên 3000 lượt khách

- Cơ sở hạ tầng:

+ Xây dựng hệ thống xe ô tô điện để đưa đón khách gồm: 03 xe"

- Hệ sinh thái, môi trường:

+ Chuyển đổi 3 - 5ha rừng keo thành diện tích trồng cây ăn trái và rau Sen dưới tán

+ Trồng thêm 2ha vành đai xanh bảo vệ làng phía bờ sông

- Chương trình đào tạo:

+ Đào tạo cho người dân làng Đại Bình về phương pháp canh tác nông nghiệp mang lại năng suất, chất lượng cao."

+ Đào tạo tiếng Anh cho người dân Đại Bình.

- Trái cây:

+ Nâng cao chất lượng và giá bán của bưởi trụ lên thành 40.000VNĐ/kg

+ Nâng cao chất lượng trái cây để bán giá cao hơn:

- Sầu riêng: 150VNĐ/kg (giá cũ của năm 2021 là 100.000-120.000VNĐ/kg)
- Hường: 55.000VNĐ/kg (giá cũ của năm 2021 là 30.000-40.000VNĐ/kg)"

- Văn hóa:

+ Nâng cao chất lượng Hát tuồng và Bài Chòi

+ Tiếp tục sưu tầm nâng cấp không gian trưng bày hiện vật

+ Trùng tu nhà cổ

+ Tôn tạo miếu ngũ nương

- Du lịch:

+ Nghiên cứu xây dựng tour mới nội bộ và trong vùng

+ Xây dựng famstay ở cuối làng để mở rộng không gian, đa dạng sản phẩm.

+ Đưa làng Đại Bình thành tâm điểm lưu trú của huyện Nông Sơn.

iii. Giai đoạn 2025 tầm nhìn đến 2030

*** Mục tiêu:** Định vị làng Đại Bình là làng sinh thái kết hợp du lịch có đặc sắc văn hóa Quảng Nam, hệ sinh thái đa dạng, thanh bình, thân thiện

*** Chỉ tiêu:**

- Lượt khách đến: khoảng 35.000 đến 50.000 lượt khách/năm.
- Doanh thu: 15 tỷ - 20 tỷ.

+ Chi phí di chuyển (Thuê xe, đổ xăng, gửi xe, sửa xe): 100.000đ

+ Chi phí ăn, uống (1 suất ăn buổi trưa): 150.000đ

+ Chi phí mua sắm trung bình (tính cho mùa có trái cây và không có trái cây): 100.000đ

+ Chi phí lưu trú chỉ tính cho 5% số khách và thời gian lưu trú: 300.000đ -

700.000đ

- Dự án đầu tư:

+ Có thêm dự án trang trị nông nghiệp đầu tư vào khu vực đầu làng

+ Có 30 phòng đạt chuẩn homestay.

+ Có 06 quán ăn quán đạt chuẩn VSATTP

+ Có 02 quán cafe với sức phục vụ trên 100 người và 01 quán cafe phục vụ phân khúc khách cao cấp

+ Có 01 quán mát xa chân bằng dược liệu cho khách du lịch phục vụ 20 khách

+ Có 01 spa phục vụ 15 khách

+ Có 02 cửa hàng bán nông sản đặc sản làng Đại Bình

+ Có 02 siêu thị mini đạt chuẩn

+ Duy trì 07 buồng vệ sinh công cộng

- Về thương hiệu: Đăng ký được thêm 02 sản phẩm OCOP.
- Nền tảng truyền thông:

+ Có 01 website

+ 01 kênh youtube đạt 50.000 lượt xem

+ 01 fanpage facbook 10.000 lượt thích giới thiệu về làng Đại Bình

- Lễ hội: Tổ chức thu hút được 5000 lượt khách
- Cơ sở hạ tầng:

+ Cải tạo các đường nhỏ trong làng: Mở rộng thành 1,5m; trồng hoa hai bên đường"

- Hệ sinh thái, môi trường:

+ Chuyển đổi toàn bộ rừng keo phía trên cao thành rừng đa mục đích

- Chương trình đào tạo:

+ Đào tạo cho các homestay về kỹ năng buồng phòng phục vụ du khách

+ Đào tạo cho học sinh tiểu học làng Đại Bình để giao tiếp phù hợp với khách du lịch theo quý

+ Đào tạo cho người dân trong làng hiểu được vai trò quan trọng trong việc giữ môi trường sạch thông qua phân loại rác thải và xử lý rác hữu cơ tại nhà

+ Đào tạo người dân làng Đại Bình trở thành hướng dẫn viên du lịch

+ Đào tạo cho người dân làng Đại Bình về phương pháp canh tác nông nghiệp mang lại năng suất, chất lượng cao.

- Trái cây:

+ Nâng cao chất lượng và giá bán của bưởi trụ lên thành 40.000VNĐ/kg

+ Nâng cao chất lượng trái cây để bán giá cao hơn:

+ Sầu riêng: 150VNĐ/kg (giá cũ của năm 2021 là 100.000-120.000VNĐ/kg)

+ Hường: 55.000VNĐ/kg (giá cũ của năm 2021 là 30.000-40.000VNĐ/kg)

(Giá sẽ tăng đều theo giá trị thương hiệu của làng, vậy nên việc đào tạo cho người dân về phương pháp canh tác sinh thái là vô cùng quan trọng)

- Văn hóa:

+ Nâng cấp không gian trưng bày thành bảo tàng mini về văn hóa – con Người Đại Bình

+ Nâng cấp bảo tàng giống cây thành nơi nghiên cứu, bảo tồn, phát triển cây giống làng Đại Bình.

+ Đưa lễ hội trái cây trở thành điểm độc đáo của huyện Nông Sơn để có thể thu hút khách ngoại tỉnh

+ Đưa làng Đại Bình trở thành hình mẫu của du lịch cộng đồng dựa vào phục hồi và cải tạo hệ sinh thái tự nhiên"

2.6. Nhiệm vụ, giải pháp, kinh phí thực hiện (Phụ lục 2)

CHƯƠNG 6:
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa – Thông tin

- Là cơ quan đầu mối tham mưu cho UBND hiện tổ chức thực hiện Đề án, có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các ngành, địa phương liên quan triển khai các giải pháp để thực hiện các nhiệm vụ một cách kịp thời, đồng bộ và hiệu quả.

- Chủ động tham mưu UBND huyện xây dựng Kế hoạch phát triển du lịch hằng năm để đánh giá công tác năm trước, điều chỉnh bổ sung nhiệm vụ giải pháp để thực hiện tốt hơn.

- Biên tập bài thuyết minh về Điểm du lịch làng Đại Bình vừa đúng, chính xác, vừa đảm bảo có tính hấp dẫn thu hút du khách.

- Thông kê, báo cáo các số liệu liên quan đến việc tổ chức thực hiện Đề án, báo cáo cho cơ quan chức năng khi cần thiết.

2. Trung tâm Văn hóa –Thể thao &Truyền thanh truyền hình

- Tổ chức tốt công tác tuyên truyền, quảng bá về du lịch trên địa bàn huyện trên sóng phát thanh, truyền hình, qua trang mạng các hội chính thức của đơn vị.

- Chủ động phối hợp với các ngành và địa phương liên quan trong việc đề xuất tổ chức các hoạt động VHVN-TDTT đễ tạo điều kiện cho việc phát triển các sản phẩm văn hóa đặc trưng của địa phương.

- Chủ động tham mưu xây dựng và từng bước phát triển không gian trưng bày hiện vật "Ký ức Đại Bình" trở thành bảo tàng mi ni của làng để phục vụ du lịch.

3. Phòng KT&HT

- Có giải pháp quản lý tốt Quy hoạch 1/2000 đã phê duyệt về phát triển du lịch sinh thái làng Đại Bình.

- Chủ động tham mưu để từng bước đồng bộ về hạ tầng giao thông, cấp thoát nước, điện chiếu sáng nhằm đảm bảo yêu cầu phát triển du lịch.

- Đề xuất lồng ghép các nguồn lực từ chương trình khuyến công, khoa học công nghệ để hỗ trợ phát tiển các sản phẩm tiểu thủ công nghiệp, bao bì nhãn mác… cho người dân nhằm đa dạng hóa sản phẩm phục vụ du lịch.

- Tham mưu công tác kêu gọi đầu tư các dự án nhằm mở rộng quy mô, đa dạng sản phẩn du lịch cho làng Đại Bình.

4. Phòng Tài nguyên môi trường

-Tổ chức hoạt động hướng dẫn, tuyên truyền cho nhân dân trong việc bảo vệ tài nguyên, cảnh quan, môi trường, sinh thái để phát triển du lịch bền vững

- Tham mưu phương án tập kết, xử lý rác thải, môi trường sinh thái để đảm bảo điều

kiện cho việc đón tiếp khách di lịch

5. Phòng Nông nghiệp & PTNN – Trung tâm Kỹ thuật Nông Nghiệp

-Tham mưu tổ chức quy hoạch lại vườn tạp, mở rộng diện tích trồng cây ăn quả của làng Đại Bình; nhân rộng mô hình trồng cây ăn quả trên địa bàn toàn huyện nhằm đảm bảo nhu cầu về sản lượng và sự đa dạng của mặt hàng trái cây phụ vụ du lịch.

- Lồng ghép các nguồn lực từ các chương trình liên quan để đầu tư phát triển nông ghiệp gắn với phát triển du lịch.

- Chủ động trong việc phát triển sản phẩm ocop, xây dựng chuỗi giá trị cho các sản phẩm đặc trưng của huyện.

6. Phòng Lao động thương binh & Xã hội

-Tổ chức nghiên cứu thực trạng lực lượng lao động trên lĩnh vực du lịch, đề xuất tổ chức công tác đào tạo nguồn nhân lực đảm bảo chất lượng cho ngành du lịch

- Vận dụng lồng ghép nguồn kinh phí đào tạo nguần nhân lực và các nguồn liên quan khác để tổ chức mở các lớp đào tạo nghề làm du lịch cho người dân.

7. Phòng TC-KH

-Tham mưu bố trí kinh phí để triển khai thực hiện kịp thời các hạng mục để phát triển đồng bộ về hạ tầng, ký thuật, nhân lực…

- Hướng dẫn các đầu mối sử dụng kinh phí sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm và thanh quyết toán đúng quy định.

8. Văn phòng HĐND-UBND huyện

-Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền nội dung các đề án, kế hoạch, chưng trình phát triển du lịch lên cổng thông tin điện tử huyện.

- Phối hợp với các ngành liên quan trong việc kêu gọi, xúc tiến đầu tư một số dự án để phát triển du lịch.

9. Công an huyện

Chỉ đạo Công an xã Quế Trung, hỗ trợ lực lượng để đảm bảo công tác an ninh, trật tự tại Điểm du lịch Làng Đại Bình.

10. UBND xã Quế Trung, Ban Quản lý điểm du lịch

-Tăng cường công tác tuyên truyền vận động, quản lý nhà nước trên địa bàn; nhất là việc quản lý và tổ chức thực hiện các hạng mục theo quy hoạch.

- Phối hợp với các ngành liên quan trong việc chuẩn bị mặt bằng để xây dựng các dự án đầu tư, đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực…

- Thường xuyên kiện toàn Ban Quản lý điểm du lịch, điều chỉnh bổ sung quy chế hoạt động của Ban quản lý để đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả trong triển khai.

- Phối hợp Tuyên truyền vận động Nhân dân Đại Bình chuyển đổi ngành nghề phù

hợp với định hướng phát triển du lịch cộng đồng nêu tại Đề án. Đồng thời vân động nhân dân chủ động hơn nữa trong việc thay đổi tư duy nhằm chuyển đổi từ nông nghiệp thuần túy sang nông nghiệp du lịch.

11. Người dân làng Đại Bình

- Tích cực tham gia các hoạt động chung của làng trong việc bảo vệ, xây dựng các tài nguyên du lịch thành sản phẩm, dịch vụ phục vụ du lịch; tuân thủ các quy định, quy chế chung để đảm bảo việc phát triển du lịch đúng định hướng và bềnh vững.

- Chủ động hơn nữa trong việc tham gia các khóa bồi dưỡng, đào tạo để có kiến thức, kỹ năng về kiến thức du lịch cộng đồng và các nhóm ngành nghề phục vụ du lịch như: hướng dẫn viên cộng đồng, dịch vụ nghỉ dưỡng, ẩm thực, vận chuyển khách, các dịch vụ gia tăng khác…

- Chủ động đầu tư phát triển sản phẩm; dịch vụ du lịch trên cơ sở phát huy lợi thế, tiềm năng sẵn có trên cơ sở huy động tổng hợp nguồn lực, trong đó có phần hỗ trợ của nhà nước thông qua các cơ chế, chính sách liên quan. Tăng cường việc tự maketting cho sản phẩm và dịch vụ của mình trên tất cả các kênh thông tin, đặc biệt là môi trường số trong gian đoạn hiện nay.

CHƯƠNG 7
KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

- Kính đề nghị UBND tỉnh hỗ trợ nguồn lực để cùng với huyện đầu tư phát triển đồng bộ về mọi mặt để phát triển điểm du lịch; đồng thời giới thiệu các doanh nghiệp du lịch về đầu tư, đưa khách đến với làng Đại Bình. Định hướng, hỗ trợ về chuyên môn để huyện đầu tư phát triển du lịch đúng hướng, đảm bảo tăng trưởng một cách bền vững.

- Kính đề nghị Ban Thường vụ Huyện ủy, HĐND huyện cho chủ trương, ban hành Nghị quyết chuyên đề nhằm định hướng để từng bước đầu tư, triển khai đồng bộ, đúng tiến độ các nhiệm vụ đã được Đề án vạch ra.

KẾT LUẬN

Làng Đại Bình huyện Nông Sơn là điểm hội tụ nhiều tiềm năng để phát triển du lịch, có đầy đủ các dạng tài nguyên về thiên nhiên, sinh thái, văn hóa, con người… nếu được đầu tư đồng bộ Đại Bình không những phát huy được thế mạnh của mình về phát triển du lịch sinh thái, cộng đồng mà sẽ trở thành một trung tâm của huyện có vai trò dẫn dắt, tạo điều kiện để các tiềm năng khác của huyện phát triển.

Tuy nhiên để phát triển được thì cần phải có lộ trình, sự đầu tư phải đồng bộ trên cơ sở huy động tốt đa các nguồn lực từ nhân dân, từ ngân sách nhà nước, đồng thời thu hút đầu tư các dự án lớn để tạo động lực cho sự phát triển chung của làng.

Bên cạnh việc đầu tư thì việc quảng bá, xây dựng nguồn nhân lực, công tác quản lý nhà nước cũng phải triển khai đồng bộ, công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân về du lịch cộng đồng cũng phải thực hiện một cách tích cực.

Để phát triển theo định hướng du lịch sinh thái - cộng đồng, yếu tố con người là vô cùng quan trọng; con người vừa là chủ thể sáng tạo ra các giá trị để phục vụ trực tiếp cho đời sống, vừa tạo ra các giá trị để phát triển du lịch; là nguồn nhân lực chính trong hoạt động du lịch. Nên nhà nước cần tăng cường công tác bồi dưỡng, đào tạo và hỗ trợ để phát triển nguồn nhân lực; người dân cần phải chủ động hơn trong việc tiếp cận, học tập; thiết kế, xây dựng sản phẩm du lịch để phát huy lợi thế sẵn có, tăng thu nhập cho gia đình, làm phong phú thêm sản phẩm du lịch cho làng.

Theo lộ trình, trong giai đoạn 2021-2025 cần tập trung đầu tư phát triển đồng hộ hạ tầng, kỹ thuật và nguồn nhân lực nhằm đảm bảo các điều kiện cơ bản theo yêu cầu của "điểm du lịch", từng bước xúc tiến các hoạt động du lịch và từng bước tăng trưởng theo thời gian. Tầm nhìn đến năm 2030 huy động xã hội hóa, thu hút đầu tư để tiếp tục phát triển các dịch vụ, mở rộng không gian tổ chức hoạt động du lịch; đào tạo chuyên sâu để phát triển nguồn nhân lực, hướng tới phát triển du lịch một cách chuyên nghiệp và ngày càng bền vững…

Trên đây là nội dung đề án ***Phát triển du lịch làng Đại Bình huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2020 – 2025 và tầm nhìn đến 2030***. Đề nghị các đơn vị liên quan và kêu gọi toàn thể nhân dân làng Đại Bình tổ chức thực hiện Đề án một cách đồng bộ, hiệu quả../.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đã ký

Nguyễn Thị Thu Thủy

PHỤ LỤC 1
MỘT SỐ TOUR DU LỊCH TẠI LÀNG ĐẠI BÌNH

1. Cơ sở lý luận về thiết kế tour du lịch

a. Khái niệm về tour

Tour du lịch là một thuật ngữ lấy nguyên gốc danh từ ‘‘tour" trong tiếng Anh, có nghĩa "chuyến đi du lịch". Tour du lịch là sản phẩm du lịch đã được định giá theo một lộ trình có sự đặt trước về thời gian, địa điểm và những dịch vụ liên quan. Theo đó, khái niệm tour du lịch gần nghĩa nhất với khái niệm chương trình du lịch. Tour du lịch cần được phân biệt rõ với tuyến du lịch. Tuyến du lịch là lộ trình nối các điểm du lịch khác nhau (về mặt không gian), còn tour du lịch là chương trình du lịch (về mặt sản phẩm có quy định giá bán, lịch trình chuyến đi).

* Nội dung của tour du lịch bao gồm:

- Tổng quỹ thời gian n ngày và (n - 1) đêm

- Tuyến hành trình (lộ trình)

- Kế hoạch hoạt động chi tiết cho từng ngày

- Phương án vận chuyển, ăn uống, lưu trú cùng hoạt động thăm quan, vui chơi, giải trí...

- Các điều khoản trong điều kiện của chương trình, mức giá

b. Mục đích, ý tưởng của tour du lịch

i. Mục đích thiết kế tour:

- Khai thác hợp lý nguồn lực du lịch, phát triển các hoạt động kinh tế dịch vụ nhằm thu hút lao động, tăng thu nhập, cải thiện đời sống nhân dân.
- Đáp ứng như cầu vui chơi giải trí, cải thiện chất lượng cuộc sống tình thần cho nhân dân và du khách có nhu cầu.
- Xây dựng thương hiệu du lịch cho làng Đại Bình, tạo cơ sở để mở rộng thị trường ra cả nước và quốc tế.

ii. Ý tưởng

- Dựa vào tâm lý hưởng thụ của con người: Sự đòi hỏi đa dạng về sở thích và sự cân bằng về sức khỏe, nhu cầu giải trí. Cung cấp sản phẩm tương đồng về tính chất sẽ gây nhàm chán, đòi hỏi cao về vận động sẽ gây mệt mỏi.
- Dựa vào điểm xuất phát nguồn khách của du lịch làng Đại Bình: Khách du lịch đến làng chủ yếu là khách trong huyện, trong tỉnh và các tỉnh lân cận, có rất ít khách quốc tế.

• Dựa vào giá trị của tài nguyên du lịch và sự phân bố của chúng: Tài nguyên du lịch làng Đại Bình có khả năng hình thành được một số loại sản phẩm thuận lợi cho việc kết hợp trong khai thác phát triển du lịch. Tour du lịch được hình thành sẽ kết hợp các nhóm tài nguyên nhằm cung cấp được các loại sản phẩm chính: Du lịch sinh thái suối, núi rừng – du lịch cộng đồng.

c. Giới hạn quỹ thời gian và chi phí

i. Quỹ thời gian:

Thời gian dành cho du lịch phân hóa theo mục đích của du khách và rất khác nhau. Khách du lịch có nhu cầu nghỉ dưỡng, chữa bệnh, du ngoạn bằng đường biển có thời gian du lịch dài nhất có thể kéo dài hàng tháng. Phần lớn khách du lịch tham quan, giải trí có quỹ thời gian chủ yếu từ 3 ngày đến 10 ngày. Các điểm dừng của du khách chỉ kéo dài trong khoảng 1 ngày đến 2 ngày. Các trung tâm du lịch lớn thường có thời gian du lịch lâu, các điểm du lịch địa phương có thời gian dừng phổ biến là 1 ngày đêm. Đối với tiềm năng du lịch làng Đại Bình, quỹ thời gian dành cho tour du lịch chỉ khoảng 1 - 2 ngày.

ii. Chi phí:

Đây là nhân tố có ảnh hưởng rất lớn đến thái độ và ấn tượng của khách du lịch. Có hai quan điểm tính toán chi phí tour du lịch. Quan điểm phổ biến hiện nay là coi chi phí tour bằng tổng thể giá chương trình du lịch trọn gói. Chi phí này bao gồm các khoản: Tiếp nhận khách, chi phí vận chuyển, lưu trú, ẩm thực, thuế, bảo hiểm, lệ phí xuất nhập cảnh, công hướng dẫn viên, vé vào khu du lịch, quản lý… Cách tính này thường áp dụng cho các tour du lịch dài ngày nhằm thỏa mãn nhu cầu du lịch có tính kế hoạch đã được xác định trước.

Một quan điểm tính toán khác là coi việc tổ chức thực hiện tour là khâu bổ sung trong tổng thể gói dịch vụ du lịch nhằm tạo điều kiện cho du khách tiếp nhận thêm được sản phẩm du lịch góp phần làm tăng tính hấp dẫn của chương trình du lịch chính. Chi phí thực hiện tour được tính toán với mức thực chi, không tính chi phí lợi nhuận. Lợi nhuận của tổ chức hoạt động du lịch chủ yếu là thu được từ các dịch vụ lưu trú, ẩm thực, mua sắm, tham gia vui chơi giải trí. Mục đích cách tính này nhằm thu hút khách du lịch đến với số lượng lớn. Cách tính này có khả năng kéo dài thời gian hoạt động du lịch đối với nhóm khách du lịch tự do, khách nghỉ dưỡng, khách du lịch đường biển và khách công vụ.

Vị thế của tài nguyên du lịch làng Đại Bình trong tương quan với các địa phương khác của Miền Trung nên vận dụng quan điểm coi tour là phần bổ sung cho hoạt động du lịch chính.

2. Phân tích nhu cầu du lịch đối với sản phẩm du lịch ở làng Đại Bình

Đặc điểm nhu cầu khách du lịch trong những năm qua đối với Duyên hải Miền Trung nói chung và khu vực phía bắc của Duyên hải Nam Trung bộ nói riêng chủ yếu là tắm biển, ẩm thực hải sản và tham quan các di sản phố cổ Hội An và Thánh địa Mỹ Sơn, Cù Lao Chàm, Đà Nẵng, Huế,... Ngoài ra còn kết hợp tham quan các di tích lịch sử, tôn giáo, tham quan di tích lịch sử và trải nghiệm các hoạt động với cộng đồng địa phương. Nguồn cung cấp các sản phẩm du lịch trên vẫn chủ yếu do Đà Nẵng, Hội An và Mỹ Sơn. Nhu cầu của khách du lịch đối với sản phẩm du lịch của làng Đại Bình có phân hóa khác nhau rất lớn giữa các đối tượng khách. Hầu hết khách quốc tế và khách nội địa khu vực phía Bắc và phía Nam chưa biết về các sản phẩm du lịch của làng Đại Bình.

Qua phân tích kết quả điều tra về nhu cầu tiềm năng cho thấy, việc thực hiện các tour du lịch trong giai đoạn 2021 – 2025 chủ yếu nhằm đáp ứng nhu cầu khách trong tỉnh, các tỉnh lân cận, trong đó đặc biệt chú ý khách đến từ Hội An và Đà Nẵng.

Đánh giá tài nguyên du lịch ở làng Đại Bình cho thấy có khả năng cung cấp 3 nhóm sản phẩm du lịch nổi trội:

+ Du lịch sinh thái suối, núi rừng

+ Du lịch văn hóa, lễ hội, ẩm thực

+ Du lịch lịch cộng đồng

Đánh giá mức độ cạnh tranh với các địa phương phụ cận: Các tỉnh Duyên hải miền Trung nói chung đều có tài nguyên du lịch tạo nên các sản phẩm thỏa mãn nhu cầu du lịch biển, du lịch tham quan di tích văn hóa – lịch sử và du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng. Do vậy, tính cạnh tranh giữa các địa phương diễn ra rất quyết liệt. Một lợi thế lớn của làng Đại Bình là nơi này có vị trí gần với di sản Mỹ Sơn, Hội An và phân bố khoảng cách khá đều nhau. Bán kính phân bố các tài nguyên du lịch nhỏ (khoảng 15 - 20km), đa dạng các loại tài nguyên tạo nên sự thuận lợi và tính đa dạng về sản phẩm du lịch góp phần giảm chi phí vận chuyển và tiết kiệm được thời gian du lịch. Đây là những nhân tố rất thuận lợi để tạo nên để tổ chức du lịch và liên kết phát triển du lịch. Đối với khách tiềm năng là khách quốc tế và khách nội địa ở phía Bắc và phía Nam thì khai thác các lợi thế này cần có sự đầu tư trong công tác quảng bá và xây dựng thương hiệu. Mức độ cạnh tranh với các trung tâm du lịch lân cận là không lớn, mà chủ yếu là sự liên kết, bổ sung cho nhau nhằm đa dạng hóa các sản phẩm du lịch nhằm thỏa mãn nhu cầu của du khách khi đến các tỉnh trong khu vực. Đà Nẵng có sân bay quốc tế và hệ thống cảng biển hiện đại là đầu mối tiếp nhận khách du lịch quốc tế và trong nước. Hội An và Mỹ Sơn là các di sản văn hóa thế

giới. Hội An là địa phương có các sản phẩm du lịch biển, sinh thái đầm phá-cửa sông. Hội An và Mỹ Sơn là di sản văn hóa thế giới, khoảng cách giữa Hội An, Mỹ Sơn với Đà Nẵng là khoảng 28 km. Du lịch của làng Đại Bình phụ thuộc rất nhiều vào sự phát triển du lịch của Đà Nẵng, Mỹ Sơn và Hội An. Có thể khẳng định, du lịch làng Đại Bình chỉ có thể thu hút được khách quốc tế và khách khu vực phía Bắc và phía Nam khi các đối tượng khách này đến tham quan Đà Nẵng, Hội An, Mỹ Sơn rồi kết hợp các chương trình du lịch để tham quan làng Đại Bình.

3. Mô hình một số tour du lịch thử nghiệm

i. Mục đích

Tổ chức thực hiện các tour du lịch trong huyện nhằm các mục đích chủ yếu sau:

- Thỏa mãn nhu cầu đi du lịch của người dân trong huyện vào dịp nghỉ lễ, cuối tuần, vào dịp hè.

- Thúc đẩy khai thác và phát triển các điểm du lịch làng Đại Bình phục vụ người dân và đóng góp cho kinh tế - xã hội địa phương.

- Liên kết các đơn vị cung cấp dịch vụ và sản phẩm du lịch để phục vụ nhu cầu của khách du lịch một cách tốt nhất.

ii. Sản phẩm du lịch

Cung cấp các sản phẩm du lịch góp phần làm tăng sức hấp dẫn đối với các điểm du lịch trên địa bàn với nguyên tắc chính: Các điểm du lịch trên địa bàn phải thu hút và thỏa mãn các nhu cầu của khách, từ đó tạo động lực, thương hiệu, sức hút đối với khách du lịch trong tỉnh, trong nước và quốc tế. Theo quy hoạch định hướng, hệ thống suối, rừng, điểm tâm linh trên địa bàn sẽ được phát triển thành các điểm du lịch với chức năng chính là thỏa mãn nhu cầu nghỉ dưỡng, ẩm thực và giải trí cho cư dân trên địa bàn vào dịp hè, cuối tuần, dịp mùa trái cây,...Việc khai thác tổng hợp các điểm du lịch trên địa bàn sẽ góp phần đa dạng hóa sản phẩm du lịch, tạo sức hấp dẫn đối với du khách.

iii. Khả năng kết hợp

Tạo khả năng kết hợp giữa các tài nguyên du lịch và các địa phương khác nhau nhằm góp phần thu hút lao động giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho các cộng đồng địa phương. Thông qua việc phục vụ khách du lịch sẽ thúc đẩy phát triển dịch vụ bán hàng, vận chuyển, ẩm thực…

iv. Các tour du lịch trong làng

*** Tên gọi và lịch trình tour**

(1) ***“Một thoáng Đại Bình”***

Đầu làng – Nhà cổ 160 tuổi – Vườn cây ăn quả – Nghỉ trưa – Miếu Ngũ Nương – Miếu Nghĩa Trũng – Rừng Cấm – Đầu làng

Giá tour: 600.000VNĐ/người

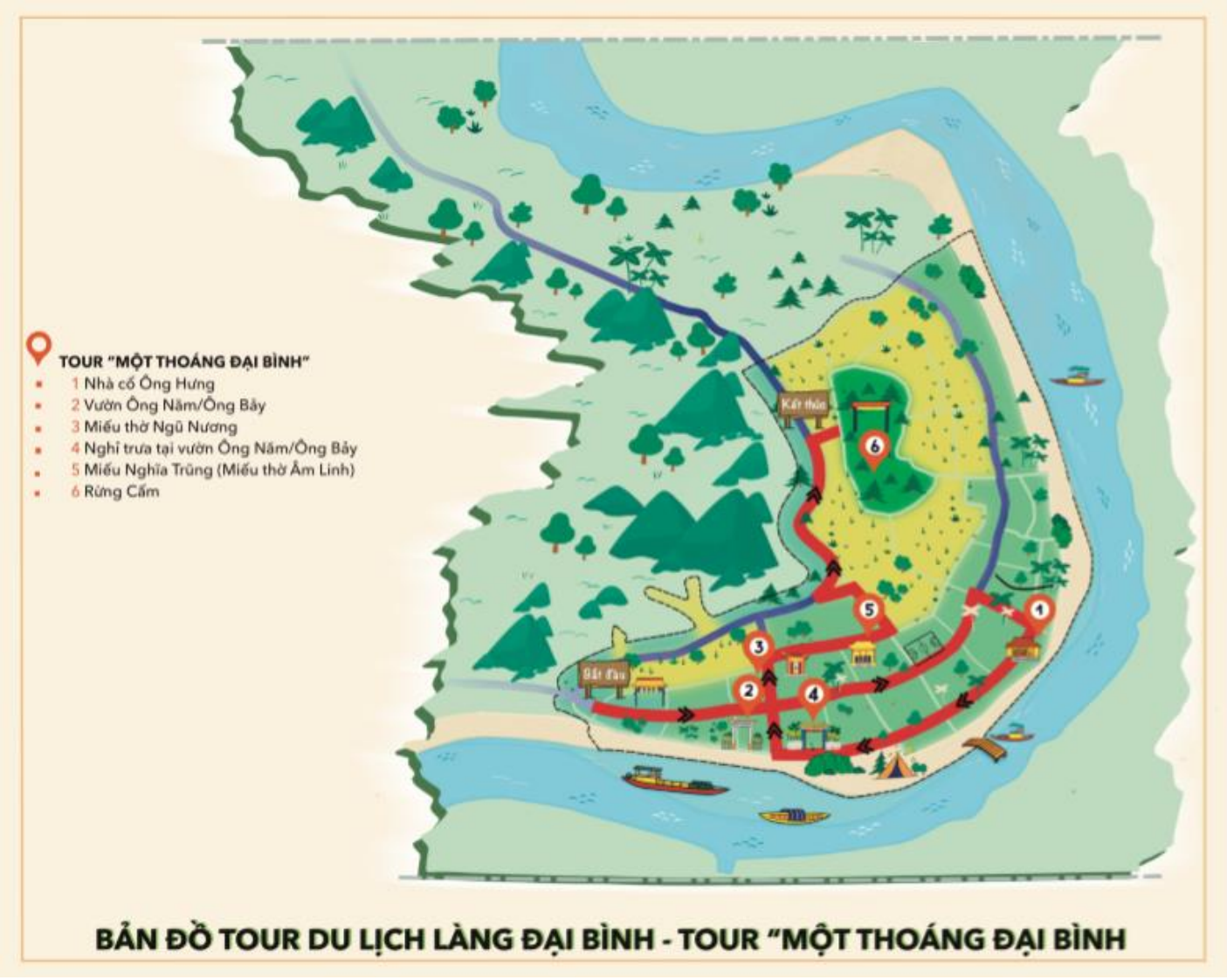

(2) ***“Hành trình về thiên nhiên”***

Đầu làng – Miếu Nghĩa Trũng – Dinh Hố Chuối – Giếng Tiên – Nghỉ trưa tại Giếng Tiên – Đầu làng

Giá tour: 600.000VNĐ/người

(3) "Đại Bình tâm linh"

Đầu làng – Bàn Cúng Trên - Miếu Ngũ Nương – Miếu Nghĩa Trũng – Vườn cây ăn quả – Nghỉ trưa - Bàn Cúng Dưới - Dinh Hố Chuối – Đầu làng

Giá tour: 600.000VNĐ/người

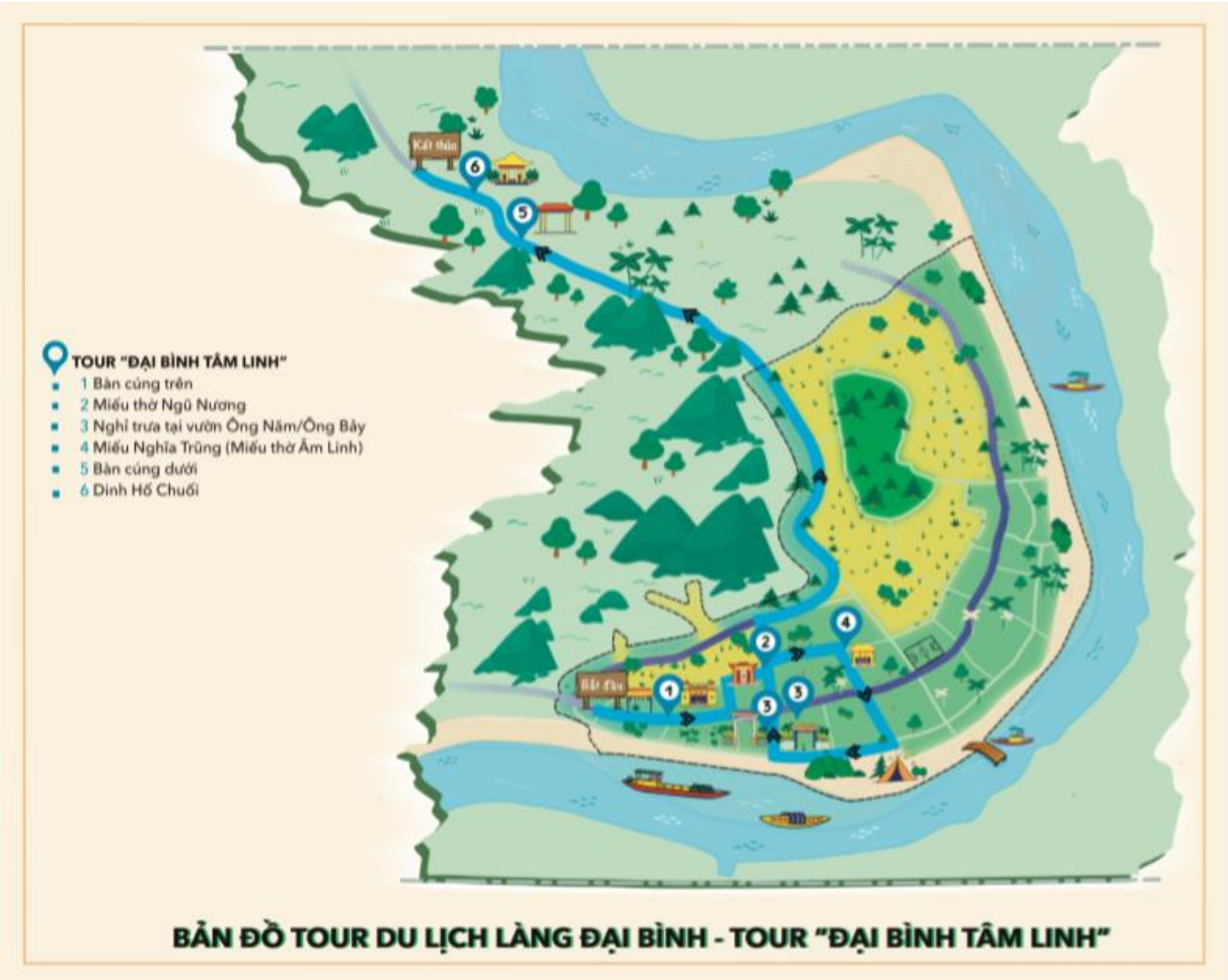

BẢN ĐỒ TOUR DU LỊCH LÀNG ĐẠI BÌNH - TOUR "ĐẠI BÌNH TÂM LINH"

*** Mục đích của tour trong làng**

Khai thác hợp lý tài nguyên để phát triển thêm nhiều sản phẩm du lịch đáp ứng nhu cầu của người dân trên địa bàn huyện Nông Sơn vào dịp cuối tuần, ngày lễ, nghỉ hè,... Đồng thời tạo điều kiện ban đầu để thu hút khách ở các địa bàn lân cận đến tham quan nghỉ dưỡng, từ đó tạo việc làm và tăng thu du lịch cho địa phương.

*** Thời gian, điều kiện và lịch trình cung cấp sản phẩm du lịch cho du khách**

- Thời gian du lịch: 1 ngày

- Phương tiện vận chuyển và khoảng cách: Vận chuyển bằng xe máy, xe đạp hoặc đi bộ và tổng khoảng cách vận chuyển của tour là khoảng trong vòng 5 - 10km.

- Sản phẩm du lịch: Tham quan, ngắm cảnh, trải nghiệm cuộc sống nông thôn đời thường của làng Đại Bình.

- Lịch trình cụ thể tour (1) "Một thoáng Đại Bình"

+ 8 giờ đến điểm đón tiếp đầu làng Đại Bình, được hướng dẫn, giới thiệu các tour.

+ Đi xe đạp hoặc đi bộ đến nhà cổ 160 tuổi. Trong lúc di chuyển, hướng dẫn viên sẽ kể cho du khách về lịch sử làng Đại Bình.

+ 8h45 tham quan nhà cổ 160 tuổi, nghe giới thiệu về đặc điểm, lịch sử hìnhthành, cách thức xây dựng và uống trà trà đinh lăng. Du khách có thể mua trà đinh lăng túi lọc tại đây.

+ 9h15 ghé thăm nhà chú Hùng để được nghe giới thiệu về lịch sử làng, xem nông cụ truyền thống và uống hồng trà Đại Bình. Du khách có thể mua hồng trà Đại Bình tại đây.

+ 10h tham quan vườn trái cây ông Khánh và ông Bảy (tùy vào mức độ đông khách mà hướng dẫn viên sẽ dẫn khách đi vườn phù hợp). Tại đây, khách được thưởng thức trái cây thoải mái, ăn trưa tại vườn. Có thể mua trái cây mang về (tính tiền ngoài tour).

+ Khách ăn uống và nghỉ ngơi đến 14h.

+ 14h thăm quan miếu Ngũ Nương và cầu an, nghe câu chuyện về miếu Ngũ Nương và bà Chúa Sông Thu Bồn liên quan đến người Chăm. Tại đây có hòm công đức để khách tùy tâm cúng viếng.

+ 14h30 thăm quan Nghĩa Trũng, cây mù u Bà 300 tuổi. Chụp hình với cây và có thể thắp hương cầu may từ cây bà. Uống nước chanh muối và mua các đồ lưu niệm tại đây.

+ 15h thăm quan rừng Cấm, trải nghiệm "tắm rừng" và ngồi lắng nghe các âm thanh trong khu rừng. Chụp ảnh checkin tại rừng Cấm.

+ 16h di chuyển về đầu làng, cảm nhận không khí, không gian, cảnh quan, nhịp sống người dân qua các mùa khác nhau trong năm.

+ 16h30 kết thúc tour.

- Lịch trình cụ thể tour (2) "Hành trình về thiên nhiên"

+ 8 giờ đến điểm đón tiếp đầu làng Đại Bình, được hướng dẫn, giới thiệu các tour.

+ Đi xe máy hoặc xe đạp đến Miếu Nghĩa Trũng. Trong lúc di chuyển, hướng dẫn viên sẽ kể cho du khách về lịch sử làng Đại Bình.

+ 9h thăm quan Nghĩa Trũng, cây mù u Bà 300 tuổi. Chụp hình với cây và có thể thắp hương cầu may từ cây bà. Uống nước chanh muối và mua các đồ lưu niệm tại đây.

+ 9h15 đến dinh Hố Chuối, gửi xe và bắt đầu đi bộ đường rừng lên Dinh Hố Chuối.

+ 10h đến dinh Hố Chuối, ngắm nhìn khung cảnh rộng mở từ dinh Hố Chuối, nghe kể về truyền thuyết tại dinh Hố Chuối. Khách cầu an và uống nước chanh tại đây.

+ 10h vượt rừng lên Giếng Tiên, đến nơi lúc 11h. Khách tận hưởng khung cảnh rừng, chụp ảnh checkin rừng tại đây.

+ 11h khách nghỉ ngơi, ăn trưa với bánh đúc gạo lứt và gà nướng, uống nước chanh muối tại Giếng Tiên. Nghỉ ngơi đến 14h.

+ 13h chụp ảnh Checkin, trải nghiệm "tắm rừng" và ngồi lắng nghe các âm thanh trong khu rừng.

+ 14h bắt đầu di chuyển về Đại Bình.

+ 16h di chuyển về đầu làng, cảm nhận không khí, không gian, cảnh quan, nhịp sống người dân qua các mùa khác nhau trong năm.

+ 16h30 kết thúc tour.

- Công tác chuẩn bị cho tour trong làng:

+ Xe đạp/xe máy/ô tô đảm bảo kỹ thuật an toàn

+ Nước uống

+ Đồ ăn gồm đồ ăn sẵn hoặc nguyên liệu đã sơ chế để tự chế biến tại điểm dừng chân gồm: Bếp ga mini, bia/rượu/nước giải khát, gà đồi đồi đã qua sơ chế (để nguyên con hoặc đã ướp gia vị), các gia vị khác; cá (cá hồ hoặc cá sông) đã qua sơ chế; và các món ăn khác tùy vào nhu cầu, quy mô của nhóm.

- Lịch trình cụ thể tour (3) “Đại Bình tâm linh”

+ 8 giờ đến điểm đón tiếp đầu làng Đại Bình, được hướng dẫn, giới thiệu các tour.

+ Đi xe đạp hoặc đi bộ đến Bàn Cúng Trên. Trong lúc di chuyển, hướng dẫn viên sẽ kể cho du khách về lịch sử làng Đại Bình.

+ 8h45 tham quan Bàn Cúng Trên, nghe giới thiệu về đặc điểm, lịch sử hình thành, các sự tích liên quan, thắp hương.

+ 9h30 thăm quan miếu Ngũ Nương và cầu an, nghe câu chuyện về miếu Ngũ Nương và bà Chúa Sông Thu Bồn liên quan đến người Chăm. Tại đây có hòm công đức để khách tùy tâm cúng viếng.

+ 10h thăm quan Nghĩa Trũng, cây mù u Bà 300 tuổi. Chụp hình với cây và có thể thắp hương cầu may từ cây bà. Uống nước chanh muối và mua các đồ lưu niệm tại đây.

+ 10h30 tham quan vườn trái cây ông Khánh và ông Bảy (tùy vào mức độ đông khách mà hướng dẫn viên sẽ dẫn khách đi vườn phù hợp). Tại đây, khách được thưởng thức trái cây thoải mái, ăn trưa tại vườn. Có thể mua trái cây mang về (tính tiền ngoài tour).

+ Khách ăn uống và nghỉ ngơi đến 14h rồi bắt đầu di chuyển lên Dinh Hố Chuối.

+ 14h15 khách đến dinh Bàn Cúng Dưới, nghe giới thiệu về đặc điểm, lịch sử hình thành, các sự tích liên quan, thắp hương, sau đó gửi xe và bắt đầu đi bộ đường rừng lên Dinh Hố Chuối.

+ 15h đến dinh Hố Chuối, ngắm nhìn khung cảnh rộng mở từ dinh Hố Chuối, nghe kể về truyền thuyết tại dinh Hố Chuối. Khách cầu an và uống nước chanh tại đây.

+ 15h30 di chuyển về đầu làng, cảm nhận không khí, không gian, cảnh quan, nhịp sống người dân qua các mùa khác nhau trong năm.

+ 16h30 kết thúc tour

v.Tour du lịch liên kết ngoài làng Đại Bình

*** Tên gọi và lịch trình tour <u>"Trên dòng Thu Bồn"</u>**

Đầu làng – Nhà cổ 160 tuổi – Vườn cây ăn quả – Nghỉ trưa – Miếu Ngũ Nương – Miếu Nghĩa Trũng – Rừng Cấm – Ăn tối – Đốt lửa trại – Nghỉ qua đêm – Ăn sáng – Hòn Kẽm Đá Dừng – Lăng Bà Thu Bồn – Làng Đại Bình

*** Mục đích của tour du lịch ngoài làng**

Khai thác hợp lý tài nguyên để phát triển thêm nhiều sản phẩm du lịch đáp ứng nhu cầu du khách trên địa bàn các huyện lận cận không có điều kiện đi du lịch

dài ngày, đi xa vào dịp cuối tuần, dịp nghỉ lễ ít ngày, dịp nghỉ hè. Đồng thời tạo điều kiện quảng bá theo kiểu thông tin lan tỏa đến du khách trong và ngoài tỉnh, tạo công văn việc làm và thu nhập cho địa phương.

**** Thời gian, điều kiện và lịch trình cung cấp sản phẩm du lịch cho du khách:***

- Thời gian du lịch: 2 ngày.

- Phương tiện vận chuyển và khoảng cách: Vận chuyển bằng xe đạp/xe máy và đò để đi lên Hòn Kẽm Đá Dừng. Tổng khoảng cách vận chuyển của tour là từ khoảng 20-30 km.

- Lịch trình cụ thể tour (1) "Trên dòng Thu Bồn"

+ Khách có thể tham gia hoặc không tham gia tour (1) "Một thoáng Đại Bình" trước đó 01 ngày.

+ 8h khách đến điểm đón tiếp đầu làng Đại Bình, được hướng dẫn, giới thiệu các tour.

+ Đi xe đạp hoặc đi bộ đến nhà cổ 160 tuổi. Trong lúc di chuyển, hướng dẫn viên sẽ kể cho du khách về lịch sử làng Đại Bình.

+ 8h45 tham quan nhà cổ 160 tuổi, nghe giới thiệu về đặc điểm, lịch sử hình thành, cách thức xây dựng và uống trà trà đinh lăng. Du khách có thể mua trà đinh lăng túi lọc tại đây.

+ 9h15 ghé thăm nhà chú Hùng để được nghe giới thiệu về lịch sử làng, xem nông cụ truyền thống và uống hồng trà Đại Bình. Du khách có thể mua hồng trà Đại Bình tại đây.

+ 10h tham quan vườn trái cây ông Khánh và ông Bảy (tùy vào mức độ đông khách mà hướng dẫn viên sẽ dẫn khách đi vườn phù hợp). Tại đây, khách được thưởng thức trái cây thoải mái, ăn trưa tại vườn. Có thể mua trái cây mang về (tính tiền ngoài tour).

+ Khách ăn uống và nghỉ ngơi đến 14h.

+ 14h thăm quan miếu Ngũ Nương và cầu an, nghe câu chuyện về miếu Ngũ Nương và bà Chúa Sông Thu Bồn liên quan đến người Chăm. Tại đây có hòm công đức để khách tùy tâm cúng viếng.

+ 14h30 thăm quan Nghĩa Trũng, cây mù u Bà 300 tuổi. Chụp hình với cây và có thể thắp hương cầu may từ cây bà. Uống nước chanh muối và mua các đồ lưu niệm tại đây.

+ 15h thăm quan rừng Cấm, trải nghiệm "tắm rừng" và ngồi lắng nghe các âm

thanh trong khu rừng. Chụp ảnh checkin tại rừng Cấm.

+ 16h di chuyển về đầu làng, cảm nhận không khí, không gian, cảnh quan, nhịp sống người dân qua các mùa khác nhau trong năm.

+ 17h về homestay nghỉ ngơi, tắm rửa trước khi ăn tối.

+ 18h ăn tối

+ 19h30 di chuyển ra bờ sông, đốt lửa trại tại bờ sông, ăn khoai nướng, trải nghiệm không gian bờ sông vắng lặng.

+ 21h kết thúc ngày đầu tiên của tour. Khách có thể ở lại chơi tiếp sau 21h, ban quản lý sẽ chịu trách nhiệm về an ninh.

+ 7h ăn sáng, uống cafe tại làng, ngắm nhìn nhịp sống làng quê buổi sớm.

+ 7h30 di chuyển ra bến đò để ngược dòng lên Hòn Kẽm Đá Dừng. Khách ngắm cảnh, chụp ảnh checkin sông nước.

+ 11h ăn trưa trên ghe với thức ăn là bánh đúc gạo lứt, gà nướng, uống nước chanh và nghỉ trưa.

+ 13h khách tham quan, ngắm cảnh, tắm, chụp ảnh checkin trên Hòn Kẽm Đá Dừng.

+ 14h xuôi dòng về Lăng Bà Thu Bồn.

+ 16h thăm quan Lăng Bà. Thắp hương cầu may.

+ 16h30 ngược dòng về làng Đại Bình.

+ 17h về đến làng Đại Bình và kết thúc tour.

- Công tác chuẩn bị cho tour trong làng:

+ Xe đạp/xe máy/ô tô/ghe đảm bảo kỹ thuật an toàn

+ Nước uống

+ Đồ ăn gồm đồ ăn sẵn hoặc nguyên liệu đã sơ chế để tự chế biến tại điểm dừng chân gồm: Bếp ga mini, bia/rượu/nước giải khát, gà đồi đồi đã qua sơ chế (để nguyên con hoặc đã ướp gia vị), các gia vị khác; cá (cá hồ hoặc cá sông) đã qua sơ chế; và các món ăn khác tùy vào nhu cầu, quy mô của nhóm.

BẢN ĐỒ TOUR DU LỊCH LÀNG ĐẠI BÌNH - TOUR "TRÊN DÒNG THU BỒN"

PHỤ LỤC 2
NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2021 -2025…

I. TỔNG HỢP THEO TỪNG LĨNH VỰC

Đơn vị tính: triệu đồng

THỜI GIAN THỰC HIỆN	NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	TỔNG NGÂN SÁCH	NGUỒN HỖ TRỢ CỦA TỈNH	*NGUỒN VỐN HUYỆN*	NGUỒN LỒNG GHÉP	XÃ HỘI HÓA, ĐẦU TƯ
I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC			**90**	**90**	**-**	**-**	**-**
2021	Kiện toàn ban quản lý điển du lịch, ban hành và quán triệt quy chế hoạt động cho toàn thể người dân Đại Bình	UBND Q Trung					
	Khoanh vùng bảo vệ, xây dựng, ban hành quy chế quản lý rừng cấm	UBND QTrung					
	Tuyên truyền trồng cây bưởi trụ, rau sen, hường, măng cụt, xanh hóa bờ rào… cho ngời dân Đại Bình	Ngành NN					
	Tuyên truyền cho người dân về việc chủ động tham gia hoạt động du lịch	Phòng VH&TT					
	Hình thành các nhóm hộ theo dịch vụ: ẩm thực giải khát; lưu trú, bán hàng tạp hóa, lưu niệm; chế biến nông sản thành sản phẩm quà tặng… để có cơ sở đào tạo bồi dưỡng, quản lý hoạt động	Q Trung					
	Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất hoat động của điểm du lịch.	Phòng VH&TT					

	Kiểm tra, cấp chứng nhận đủ điều kiện VSATTP cho các hộ kinh doanh ẩm thực, giải khát ở Đại Bình	Văn phòng UBND					
	Xây dựng quy chế quản lý quy hoạch gắn với du lịch	Phòng KT-HT	30	30			
	Xây dựng quy chế quản lý giống cây, chất lượng, giá cả sản phẩm tại Đại Bình	Ngành NN					
2022	Tuyên truyền, tổ chức thực hiện các đề án: phát triển nông nghiệp gắn với du lịch, hỗ trợ phát triển kinh tế vườn, trang trại, mở rộng diện tích trồng cây rau sen, cây bản địa khác	Ngành NN					
	Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân về phát triển bền vững du lịch sinh thái – cộng đồng	Phòng VH&TT	30	30			
	Tuyên truyền, hướng dẫn phân loại rác thải tại nguồn	Phòng TNMT					
	Kiểm tra hằng năm hoạt động của điểm du lịch	Phòng VH&TT					
2023	Tuyên truyền nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường sinh thái, tiết kiệm năng lượng trong hoạt động du lịch	Phòng VH&TT	30	30			
	Tuyên truyền giải pháp, cơ chế chuyển đổi đất trồng keo thành rừng vườn cây ăn quả, trang trại nông nghiệp	Ngành NN					
	Xây dựng ban hành quy chế, quản lý tài nguyên bãi sông từng bước quản lý, khai thác có hiệu quả	UBND xã Quế Trung					
2024	Xây dựng, ban hành và thực hiện quy chế quản lý phương tiện giao thông trong làng để tránh uồn tắt giao thông, giảm thiểu ô nhiễm môi trường	Phòng KT-HT					
	Tuyên truyền ý thức về bảo quyền, thương hiệu đối với sản phẩm của làng.	Phòng KH-HT					
	Kiểm tra hoạt động của điểm du lịch	Phòng VH&TT					
2025 …	Tuyên truyền các văn bản mới… phát sinh	Phòng VH&TT					

	Kiểm tra hoạt động của điểm du lịch	Phòng VH&TT					
II. ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG			**550**	**450**	***100***	**-**	**-**
2022	Nâng cao nhận thức du lịch cộng đồng	Phòng VH&TT	50	50			
	Đào tạo nhóm hộ Homestay	Phòng LĐTBXH	50	50			
	Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho hướng dẫn viên điểm du lịch	Phòng VH&TT	50	50			
	Tham quan học tập kinh nghiệm làm du lịch cộng đồng cho BQL- người dân	Phòng VH&TT	100	100			
	Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho ban quản lý điểm du lịch, HTX	Phòng VH&TT	50	50			
2023	Bồi dưỡng kỹ năng maketting trên môi trường số cho người dân	Phòng VH&TT	50	50			
	Đào tạo chuyên sâu về ẩm thực-giải khát	Phòng LĐTBXH	50	50			
	Đào tạo nhóm hộ dịch vụ par, massage…	Phòng LĐTBXH	50	50			
2024	Dạy tiếng Anh giao tiếp du lịch	Phòng LĐTBXH	50		*50*		
2025…	Dạy tiếng Anh giao tiếp du lịch	Phòng LĐTBXH	50		*50*		
III. ĐẦU TƯ HẠ TẦNG PHỤC VỤ DU LỊCH			**18,550**	**9,900**	***1,400***	**6,900**	**350**
2021	Hoàn thiện nhà đón tiếp, nhà vệ sinh	BQL	1,200	1,200			
	Hoàn thiện đường bao (đã có nguồn)	BQLDA					
2022	Mở rộng đường trục chính	BQLDA	6,900			6,900	
	Nâng cấp Tuyến Nông Sơn – Đại Bình	BQLDA	3,000	3,000			
	Xây dựng nhà vệ sinh công cộng tại trung tâm làng	UBND Q Trung	350	350			

	Đầu tư hệ thống wifi công cộng	Phòng VH&TT	300	300			
	Đầu tư hệ thống biển tên đường trong làng	Phòng VH&TT	150	50	*100*		
	Đầu tư nhà vệ sinh khu nghĩa trũng	Thôn ĐB	350				350
	Cải tạo nhà văn hóa Bại Bình	UBND QTrung	250		*250*		
2023	Đầu tư hệ thống cấp thoát nước	UBND QTrung	2,000	2,000			
	Đầu tư đường đi bộ ven sông	UBND QTrung	2,000	2,000			
	Đầu tư bến thuyền phía Đại Bình	UBND QTrung	1,000	1,000			
	Đầu tư nhà vệ sinh khu núi cấm	UBND QTrung	350		*350*		
2014	Đầu tư đường dẫn, cầu từ dinh hố chuối sang khẩu thần công	UBND QTrung	700		*700*		
IV. PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ, SẢN PHẨM			**5,300**	**530**	***1,150***	**-**	**3,620**
2021	Hoàn thành việc tu sửa nhà văn hóa để xây dựng không gian trưng bày hiện vật theo kế hoạch	UBND QTrung	150		*150*		
	Hoàng thành việc sưu tầm, trưng bày hiện vật theo kế hoạch (khảo sát, sưu tầm, vận chuyển, bày trí, đầu tư kệ, gia, trang trí, tham quan học hỏi cách trưng bày tại các bảo tàng trong tỉnh.	TT VHTT	200		*200*		
	Đặt tên đường cho làng Đại Bình (tên truyền thống gắn với địa danh, sự kiện… câu chuyện kể).	UBND QTrung					
2022	Xây dựng CLB Tuồng – Bài chòi cho làng Đại Bình	UBND Q Trung					
	Hỗ trợ xây dựng CLB Tuồng, CLB Bài chòi phục vụ điểm du lịch về trang phục, đạo cụ	Phòng VH&TT	150	150			
	Mời nghệ nhân truyền dạy hát Tuồng, Bài chòi cho CLB	Phòng VH&TT	100	100			

	Đầu tư 01 ô tô điện chở khách vào làng và các điểm tham quan 8-10 chỗ	Phòng KT&HT	200		*50*		150
	Hỗ trợ các hộ dân cải tạo phòng thành homestay đạt chuẩn (03 phòng: xây lắp, trang trí, nua trang thiết bị…) người dân có thể vay vốn và được hỗ trợ lãi suất để đầu tư	Phòng VH&TT	450	90			360
	Đầu tư thêm các hiện vật bên trong không gian trưng bày cho đủ bộ sự tập	Phòng VH&TT	100	100			
2023	Đầu tư 01ô tô điện chở khách vào làng và các điểm tham quan 8-10 chỗ	Phòng KT&HT	200		*50*		150
	Nâng cấp 01 quán giải khát nâng cao chất lượng phục vụ khách	Phòng VH&TT	50		*10*		40
	Hỗ trợ các hộ dân cải tạo phòng thành homestay đạt chuẩn (03 phòng: xây lắp, trang trí, nua trang thiết bị…) người dân có thể vay vốn và được hỗ trợ lãi suất để đầu tư	Phòng VH&TT	450	90			360
	Hỗ trợ người dân xây dựng điểm massage, phục hồi sức khỏe phục vụ khách du lịch (mua sắm trang thiết bị, người dân đối ứng địa điểm, hạ tầng vật chất nguồn nhân lực…)	UBND Q Trung	50		*30*		20
2024	Đầu tư 01ô tô điện chở khách vào làng và các điểm tham quan 8-10 chỗ	Phòng KT&HT	200		*50*		150
	Nâng cấp 01 quán giải khát nâng cao chất lượng phục vụ khách	Phòng VH&TT	50		*20*		30
	Hỗ trợ các hộ dân cải tạo phòng thành homestay đạt chuẩn (03 phòng: xây lắp, trang trí, nua trang thiết bị…) người dân có thể vay vốn và được hỗ trợ lãi suất để đầu tư	Phòng VH&TT	450		*90*		360
2025…	Kêu gọi mở quán par, cà phê giải khát ở khu vực ven sông; mô hình quán xen lẫn vào hàng tre, quán trên cây….	UBND Q Trung	1,000				1,000

	Khuyến khích người dân, doanh nghiệp tổ chức dịch vụ lưu trú nhà dù trong vườn cây, trên bãi sông và các dự án famstay…	UBND Q Trung	1,000				1,000
	Phục dựng khẩu thần công làng Đại Bình	Phòng VH&TT	500		*500*		
	Tiếp tục đầu tư hệ thống xe điện theo tùy theo quy mô và lượng khách	Phòng KT&HT					
V. SẢN PHẨM NN GẮN VỚI DU LỊCH			**2,165**	**-**	***60***	**1,620**	**485**
2021	Phát triển mới 2ha rau sen trên cơ sở lồng ghép nguồn lực từ chương trình khoa học công nghệ; đăng ký nhãn hiệu cho rau sen Đại Bình	TT KTNN	300			250	50
	Xây dựng chuỗi giá trị cho bưởi trụ Đại Bình trên cơ sở lồng ghép chương trình khoa học công nghệ	UBND Q Trung	550			450	100
2022	Đầu tư công nghệ sấy khô rau sen	TT KTNN	50			30	20
	Tiếp tục Xây dựng chuỗi giá trị cho bưởi trụ Đại Bình	UBND Q Trung					
	Phát triển 01 ha cây măng cụt	TT KTNN	35			30	5
	Xây dựng quy trình chuỗi giá trị cho sản phẩm bánh thuẫn, chọn hộ dân triển khai quy trình (Ngãi – Trứng – Báng – Quà)	UBND Q Trung					
	Mở rộng diện tích trồng cây ăn quả các loại khoảng 01 ha	Phòng NN	50			30	20
	Nâng chuẩn ocop lên 4 sao cho sản phẩm dầu mè Đại Bình	UBND Q Trung					
2023	Hoàn thiện dự án chuỗi giá trị cho bưởi trụ Đại Bình	UBND Q Trung					

	Tiếp tục mở rộng thêm 02 ha, đăng ký sản phẩm ocop cho rau sen	TT KTNN	300			250	50
	Xây dựng sản phẩm ocop và tiếp tục nhân rộng diện tích trồng cây rau sen	TT KTNN	300			250	50
	Tiếp tục rộng diện tích trồng cây ăn quả	Phòng NN	50			30	20
	Hỗ trợ trang thiết bị chế biến bột ngãi, làm bánh thuẫn, đảm bảo VSAT thực phẩm	Phòng	30			20	10
	Xây dựng vườn trồng hoa khoảng 0,5 ha	UBND Q Trung	50		*30*		20
2024	Tiếp tục mở rộng diện tích trồng hoa khoảng 0,5 ha	UBND Q Trung	50		*30*		20
	Chuyển đổi 02 ha rừng trồng keo đầu nguồn suối ào ào thành rừng trồng cây lâu năm	TT KTNN	100			70	30
	Hỗ trợ phát triển 01 trang trại VAC khép kín	TT KTNN	100			70	30
2025…	Hỗ trợ phát triển 01 trang trại VAC khép kín	TT KTNN	100			70	30
	Chuyển đổi 02 ha rừng trồng keo đầu nguồn suối ào ào thành rừng trồng cây lâu năm	TT KTNN	100			70	30
VI. BẢO VỆ TÀI NGUYÊN, MÔI TRƯỜNG			**400**	**260**	**-**	**60**	**80**
2021	Khảo sát, lập kế hoạch bố trí thùng rác du lịch cho các điểm tham quan						
2022	Đầu tư thùng rác tại các điểm tham quan (các loại thùng rác thân thiện dùng cho du lịch)	Phòng VH&TT	200	200			
2023	Đầu tư hệ thống xử lý rác tích hợp với tháp rau, cho các nhà vườn, homestay	Phòng VH&TT	60	60			

	Vận động hướng dẫn nhân dân trồng tre ăn măng làm vành đai xanh chống sạt lở đất, tạo cảnh quan ven sông và lấy măng chế biến thực phẩm đặc trưng khoảng 01ha	TT KTNN	50			30	20
2024	Tiếp tục trồng tre ăn măng làm vành đai xanh chống sạt lở đất, tạo cảnh quan ven sông và lấy măng chế biến thực phẩm đặc trưng khoảng 01ha	TT KTNN	50			30	20
	Vận động nhân dân trồng cây dáng hương dọc tuyến đường bao	UBND Q Trung	20				20
2025	Tiếp tục rồng cây dáng hương dọc tuyến đường bao	UBND Q Trung	20				20
VII. THÔNG TIN - QUẢNG BÁ			**2,635**	**680**	***1,155***	**350**	**450**
2021	Khảo sát, lên phương án thiết kế tờ rơi quảng bá chung và ngày hội VH-DL Đại Bình	Phòng VH&TT					
2022	In ấn tờ rơi	Phòng VH&TT	60	60			
	Tham gia triển lãm thế mạnh về văn hóa - du lịch trong khuôn khổ các hoạt động năm du lịch quốc gia của tỉnh	UBND Q Trung	120	120			
	Số hóa dữ liệu tài nguyên du lịch	Phòng VH&TT	30		*30*		
	Mời 02 youtuber về review lành Đại Bình	Phòng VH&TT	20		*20*		
	Tổ chức ngày hội VH-DL Đại Bình	Phòng VH&TT	850	500	*300*	50	
2023	Nâng cấp cổng thông tin du lịch huyện, đưa dữ liệu du lịch lên nền tảng du lịch thông minh	Phòng VH&TT	35		*35*		
	Mời 02 youtuber về review lành Đại Bình	Phòng VH&TT	20		*20*		
	Tổ chức ngày hội VH-DL Đại Bình	UBND Q Trung	500		*300*	100	100
2024	Tổ chức ngày hội VH-DL Đại Bình	UBND Q Trung	500		*250*	100	150

2025..	Tổ chức ngày hội VH-DL Đại Bình	UBND Q Trung	500		*200*	100	200
TỔNG NHU CẦU VỀ NGUỒN LỰC			**29,690**	**11,910**	***3,865***	**8,930**	**4,985**

II. TỔNG HỢP NGUỒN LỰC THEO TIẾN ĐỘ THỜI GIAN

Đơn vị tính: triệu đồng

THỜI GIAN THỰC HIỆN	NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP	TỔNG NGÂN SÁCH	NGUỒN HỖ TRỢ CỦA TỈNH	*NGUỒN VỐN HUYỆN*	NGUỒN LỒNG GHÉP	XÃ HỘI HÓA, ĐẦU TƯ
2021	**Nguồn lực đầu tư trong năm**	**2,400**	**1,200**	***350***	**700**	**150**
	Công tác quản lý nhà nước	-	-	-	-	-
	Công tác đào tạo bồi dưỡng					
	Đầu tư hạ tầng du lịch	1,200	1,200	-	-	-
	Phát triển dịch vụ, sản phẩm	350	-	*350*	-	-
	Sản phẩm NN gắn với du lịch	850	-	-	700	150
	Bảo vệ tài nguyên, môi trường	-	-	-	-	-
	Tông tin quảng bá	-	-	-	-	-
2022	**Nguồn lực đầu tư trong năm**	**14,075**	**5,380**	***750***	**7,040**	**905**
	Công tác quản lý nhà nước	60	60	-	-	-
	Công tác đào tạo bồi dưỡng	300	300	-	-	-
	Đầu tư hạ tầng du lịch	11,300	3,700	*350*	6,900	350
	Phát triển dịch vụ, sản phẩm	1,000	440	*50*	-	510
	Sản phẩm NN gắn với du lịch	135	-	-	90	45

	Bảo vệ tài nguyên, môi trường	200	200	-	-	-
	Tông tin quảng bá	1,080	680	*350*	50	-
2023	**Nguồn lực đầu tư trong năm**	**7,675**	**5,330**	***825***	**680**	**840**
	Công tác quản lý nhà nước	30	30	-	-	-
	Công tác đào tạo bồi dưỡng	150	150	-	-	-
	Đầu tư hạ tầng du lịch	5,350	5,000	*350*	-	-
	Phát triển dịch vụ, sản phẩm	750	90	*90*	-	570
	Sản phẩm NN gắn với du lịch	730	-	*30*	550	150
	Bảo vệ tài nguyên, môi trường	110	60	-	30	20
	Tông tin quảng bá	555	-	*355*	100	100
2024	**Nguồn lực đầu tư trong năm**	**2,270**	**-**	***1,190***	**270**	**810**
	Công tác quản lý nhà nước	-	-	-	-	-
	Công tác đào tạo bồi dưỡng	50	-	*50*	-	-
	Đầu tư hạ tầng du lịch	700	-	*700*	-	-
	Phát triển dịch vụ, sản phẩm	700	-	*160*	-	540
	Sản phẩm NN gắn với du lịch	250	-	*30*	140	80
	Bảo vệ tài nguyên, môi trường	70	-	-	30	40
	Tông tin quảng bá	500	-	*250*	100	150
2025…	**Nguồn lực đầu tư trong năm**	**3,270**	**-**	***750***	**240**	**2,280**
	Công tác quản lý nhà nước	-	-	-	-	-
	Công tác đào tạo bồi dưỡng	50	-	*50*	-	-
	Đầu tư hạ tầng du lịch					
	Phát triển dịch vụ, sản phẩm	2,500	-	*500*	-	2,000
	Sản phẩm NN gắn với du lịch	200	-	-	140	60
	Bảo vệ tài nguyên, môi trường		-	-	-	

		20				20
	Tông tin quảng bá	500	-	*200*	100	200
TỔNG NHU CẦU VỀ NGUỒN LỰC		**29,690**	**11,910**	***3,865***	**8,930**	**4,985**

PHỤ LỤC 3

CHÚ THÍCH:
ĐIỂM SINH HOẠT CHUNG
1 Nhà văn hoá làng Đại Bình
2 Sân bóng
3 Nhà nghỉ làng Đại Bình
4 Cổng làng hướng sông Thu Bồn
5 Bến đò Đại Bình
6 Nơi đặt súng thần công
ĐIỂM TÍN NGƯỠNG, TÂM LINH
7 Bàn cúng trên
8 Bàn cúng dưới
9 Miếu thờ Ngũ Nương
10 Miếu Nghĩa Trũng (Miếu thờ Âm Linh)
11 Dinh Hố Chuối
ĐIỂM SINH THÁI
12 Rừng cấm
13 Suối Ào Ào
14 Giếng Tiên
15 Điểm cắm trại ven sông
ĐIỂM ẨM THỰC
16 Hội quán Đại Bình
17 Vườn Ông Năm
18 Vườn Ông Bảy
19 Quán anh Quỳnh
20 Quán Café
KIẾN TRÚC NHÀ CỔ
21 Nhà Ông Hưng
22 Nhà Ông Tín
BẢN ĐỒ ĐIỂM DU LỊCH LÀNG ĐẠI BÌNH

PHỤ LỤC: 4

BẢN ĐỒ KHÔNG GIAN LÀNG ĐẠI BÌNH